

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Quỳnh Như

ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN MỘT SỐ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH VỀ PHẨM CHẤT CƠ BẢN NỮ GIỚI

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC

Thành phố Hồ Chí Minh -2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Quỳnh Như

ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN MỘT SỐ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH VỀ PHẨM CHẤT CƠ BẢN NỮ GIỚI

Chuyên ngành : **Tâm lý học**

Mã số : **60 31 04 01**

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. ĐOÀN VĂN ĐIỀU

Thành phố Hồ Chí Minh -2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng đề tài “*Đánh giá của sinh viên một số trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh về phẩm chất cơ bản nữ giới*” là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các thông tin, dữ liệu được sử dụng trong luận văn là trung thực, các nội dung trích dẫn đều được ghi rõ nguồn gốc và các kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn này chưa được công bố tại bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 09 năm 2014

Người cam đoan

Nguyễn Thị Quỳnh Như

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến:

- Ban Giám hiệu trường Đại học Sư Phạm Tp. Hồ Chí Minh.
- Quý Phòng ban thuộc trường Đại học Sư Phạm Tp. Hồ Chí Minh.
- Quý Thầy, Cô giảng dạy học viên cao học Tâm lý K.23.
- PGS.TS. Đoàn Văn Điều - Người hướng dẫn khoa học
- Các anh, chị, bạn bè cùng khóa học Tâm lý K.23, người thân và gia đình.

Đã động viên, khích lệ, giúp đỡ và tạo điều kiện cho tôi trong suốt quá trình học tập và thực hiện luận văn này.

Nguyễn Thị Quỳnh Như

MỤC LỤC

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Lời cảm ơn	
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN VỀ PHẨM CHẤT CƠ BẢN NỮ GIỚI	7
1.1. Tổng quan về lịch sử nghiên cứu vấn đề	7
1.2. Một số khái niệm cơ bản của vấn đề nghiên cứu.....	10
1.2.1. Đánh giá.....	10
1.2.2. Phẩm chất cơ bản.....	11
1.2.3. Nữ giới	14
1.2.4. Phẩm chất cơ bản nữ giới	15
1.3. Cơ sở lý luận về đánh giá của sinh viên về phẩm chất cơ bản nữ giới	16
1.3.1. Nữ sinh viên.....	16
1.3.2. Đặc điểm của phẩm chất cơ bản nữ giới.....	23
1.4. Một số tiêu chí đánh giá về đánh giá của sinh viên về phẩm chất cơ bản nữ giới.	33
Tiểu kết chương 1.....	35
Chương 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ THỰC TRẠNG ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VỀ PHẨM CHẤT CƠ BẢN NỮ GIỚI	36
2.1. Khái quát về quá trình nghiên cứu.....	36
2.1.1. Mô tả mẫu nghiên cứu	36

2.1.2. Công cụ nghiên cứu	37
2.2. Kết quả nghiên cứu	40
2.2.1. Khảo sát đánh giá chung của sinh viên về thực trạng phẩm chất cơ bản nữ giới ngày nay.....	40
2.2.2. Khảo sát về một số phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay đang có ...	41
2.2.3. Khảo sát tính cần thiết của một số phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay.....	44
2.2.4. Nhận định chung về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự hình thành và phát triển các phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay .	55
2.2.5. Kết quả khảo sát mong đợi của sinh viên về những điều nữ giới cần làm để đảm bảo và phát huy phẩm chất cơ bản của họ hiện nay.....	59
2.2.6. Kết quả khảo sát về những hỗ trợ từ các yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội đến sự hình thành và phát triển các phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay.....	64
2.3. Đề xuất một số biện pháp nhằm hỗ trợ nữ sinh viên hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới.....	69
2.3.1. Cơ sở đề xuất biện pháp.....	69
2.3.2. Các biện pháp giáo dục nhằm hỗ trợ nữ sinh viên hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới	70
Tiểu kết chương 2.....	69
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	75
TÀI LIỆU THAM KHẢO	78
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Viết đầy đủ
1	ĐHSP	Đại học Sư Phạm
2	ĐHKT	Đại học Kinh Tế
3	ĐHMT	Đại học Mỹ Thuật
4	ĐLTC	Độ lệch tiêu chuẩn
5	ĐTB	Điểm trung bình
6	TB	Thứ bậc
7	Tp.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1.	Mô tả thành phần trong mẫu nghiên cứu (đơn vị: số người).....	36
Bảng 2.2.	Đánh giá chung của sinh viên về thực trạng phẩm chất cơ bản của nữ giới hiện nay.....	40
Bảng 2.3.	Đánh giá của sinh viên về những phẩm chất cơ bản đang có của nữ giới hiện nay.....	41
Bảng 2.4.	Đánh giá của sinh viên về mức độ cần thiết của một số phẩm chất cơ bản nữ giới.....	44
Bảng 2.5.	So sánh những phẩm chất đang có của nữ giới và mức độ cần thiết của những phẩm chất đó	49
Bảng 2.6.	So sánh các nhóm phẩm chất theo thông số giới tính	53
Bảng 2.7.	So sánh các nhóm phẩm chất theo thông số khu vực cư trú.....	54
Bảng 2.8.	So sánh các nhóm phẩm chất theo thông số trường học	55
Bảng 2.9.	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển một số phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay	56
Bảng 2.10.	Đánh giá của sinh viên về những điều nữ giới cần làm để đảm bảo và phát huy phẩm chất cơ bản của họ	59
Bảng 2.11.	So sánh những điều nữ giới cần làm theo thông số giới tính	60
Bảng 2.12.	So sánh những điều nữ giới cần làm theo thông số khu vực cư trú	61
Bảng 2.13.	So sánh những điều nữ giới cần làm theo thông số trường học.....	62
Bảng 2.14.	Đánh giá những hỗ trợ từ các yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội đến sự hình thành và phát triển một số phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay	64

Bảng 2.15. So sánh những hỗ trợ từ các nhóm yếu tố theo thông số giới tính	69
Bảng 2.16. So sánh những hỗ trợ từ các nhóm yếu tố theo thông số khu vực cư trú.....	69
Bảng 2.17. So sánh những hỗ trợ từ các nhóm yếu tố theo thông số trường học	70

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Luật bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10 thông qua với “*mục tiêu bình đẳng giới là xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình*”[36]. Điều này đã tạo ra một môi trường lành mạnh, bình đẳng giữa nam và nữ. Nữ giới đã vượt ra khỏi phạm vi gia đình và vươn ra ngoài xã hội. Điều đó giúp cho nữ giới có cơ hội học tập phát triển bản thân, dám sống hết mình cho ước mơ hoài bão của bản thân nhiều hơn so với trước đây. Nhờ vậy, phẩm chất cơ bản nữ giới cũng được thể hiện một cách trọn vẹn, sâu sắc và tự nhiên hơn.

Phẩm chất cơ bản nữ giới là những phẩm chất làm nền tảng, làm cơ sở cho toàn bộ hệ thống phẩm chất của phụ nữ nói chung. Nó là những thuộc tính, những đặc điểm tinh thần của phụ nữ được quy định, hình thành và phát triển thông qua hoạt động và giao tiếp của họ. Đồng thời chi phối toàn bộ đời sống và hoạt động nghề nghiệp của họ.

Trên thực tế, Việt Nam đang trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, hội nhập khu vực và thế giới vì thế đang trải qua những thay đổi có tính chất bước ngoặt. Ở một mức độ nhất định, thay đổi ấy đã và đang tạo ra những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới phẩm chất con người nói chung, nữ giới nói riêng từ hai khía cạnh: ảnh hưởng tích cực và ảnh hưởng tiêu cực. Điều đó đã tác động sâu sắc tới việc hình thành và phát triển những phẩm chất cơ bản của nữ giới. Như nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện

đại hoá đất nước đã chỉ rõ: *“Phụ nữ gặp nhiều khó khăn thách thức khi thực hiện vai trò người mẹ, người thầy đầu tiên của con người trong điều kiện xã hội và gia đình Việt Nam có nhiều thay đổi. Phẩm chất đạo đức và một số giá trị truyền thống tốt đẹp có phần bị mai một, lối sống thực dụng có xu hướng phát triển trong một bộ phận phụ nữ”* [28].

Bên cạnh đó, vấn đề về phẩm chất cơ bản nữ giới thực sự còn rất mới mẻ ở Việt Nam. Chưa có nhiều nghiên cứu về nó. Mặt khác những thông tin về phẩm chất cơ bản nữ giới còn rất rời rạc và tản mạn. Việc nhận thức chưa đầy đủ về hình ảnh của nữ giới Việt Nam gồm có những phẩm chất cơ bản nào và mức độ cần thiết của các phẩm chất đó ra sao đã gây khó khăn cho nữ sinh viên trong việc tự trau dồi và hoàn thiện phẩm chất cơ bản của mình.

Từ những thực tế đáng quan tâm trên, đã thôi thúc tác giả chọn đề tài nghiên cứu: *“Đánh giá của sinh viên một số trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh về phẩm chất cơ bản nữ giới”*.

2. Mục đích nghiên cứu

Khảo sát thực trạng đánh giá về phẩm chất cơ bản nữ giới của sinh viên một số trường đại học tại Tp.HCM. Từ đó đề xuất một số biện pháp để hình thành và phát triển các phẩm chất cơ bản nữ giới đối với nữ sinh viên.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Hệ thống hóa cơ sở lý luận liên quan đến đề tài: Đánh giá, phẩm chất cơ bản, nữ giới, phẩm chất cơ bản nữ giới.

3.2. Khảo sát thực trạng đánh giá của sinh viên một số trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh về phẩm chất cơ bản nữ giới và tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển các phẩm chất cơ bản nữ giới.

3.3. Đề xuất một số biện pháp để hình thành và phát triển các phẩm chất cơ bản nữ giới đối với nữ sinh viên.

4. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đánh giá của sinh viên một số trường đại học tại Tp.HCM về phẩm chất cơ bản nữ giới.

4.2. Khách thể nghiên cứu

- Khách thể nghiên cứu: Sinh viên ba trường đại học (ĐHSP, ĐHKT, ĐHMT).

5. Giả thuyết nghiên cứu

- Đa số sinh viên ba trường đại học tại Tp.HCM đánh giá ở mức độ cao về phẩm chất cơ bản nữ giới mang tính hiện đại.

- Có sự khác biệt về đánh giá phẩm chất cơ bản nữ giới giữa các nhóm khách thể nghiên cứu theo giới tính, trường học, khu vực cư trú.

- Các yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội có ảnh hưởng ở mức cần thiết đến việc hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới.

6. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu

6.1. Nội dung:

Đề tài tập trung:

- Nghiên cứu đánh giá của sinh viên về phẩm chất cơ bản nữ giới ở những mặt sau: Đánh giá của sinh viên về những phẩm chất cơ bản của nữ giới đang có hiện nay; Đánh giá của sinh viên về mức độ cần thiết của những phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay.

- Khảo sát thực trạng đánh giá của sinh viên về phẩm chất cơ bản nữ giới. Cụ thể là những nhóm phẩm chất: phẩm chất đối với bản thân; phẩm chất đối với gia đình; phẩm chất đối với người yêu; phẩm chất đối với công việc; phẩm chất đối với các mối quan hệ xã hội; phẩm chất đối với đất nước. Và tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành và phát triển các phẩm chất cơ bản của nữ giới hiện nay.

6.2. Khách thể

Đề tài chỉ tiến hành nghiên cứu trên sinh viên của 3 trường đại học tại Tp.HCM:

- 150 sinh viên trường ĐHSP.
- 150 sinh viên trường ĐHKT.
- 150 sinh viên trường ĐHMT.

6.3. Thời gian

Đề tài dự kiến thực hiện trong thời gian 6 tháng: từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 9 năm 2014

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp luận

7.1.1. Quan điểm hệ thống cấu trúc

Vận dụng quan điểm hệ thống cấu trúc để xây dựng cơ sở lý luận như khái niệm: Đánh giá, phẩm chất cơ bản, nữ giới, phẩm chất cơ bản nữ giới.

7.1.2. Quan điểm thực tiễn

Hiện nay, Việt Nam đang trong giai đoạn mở cửa, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Nữ giới Việt Nam đang đứng trước những tác động đa chiều, nhiều mặt của nền kinh tế thị trường. Không ít bộ phận giới trẻ mà đặc biệt là nữ giới đang chạy theo lối sống thực dụng, hưởng thụ, ảo tưởng ... Do vậy, việc gìn giữ, phát huy những phẩm chất tốt đẹp của nữ giới Việt Nam đang gặp không ít khó khăn, thách thức. Vì thế việc nghiên cứu đề tài: “**Đánh giá của sinh viên một số trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh về phẩm chất cơ bản nữ giới**”, nhằm giúp nữ sinh viên có một cái nhìn rõ ràng hơn về hình ảnh người phụ nữ Việt Nam hội tụ đầy đủ những phẩm chất tốt đẹp, lý tưởng, phù hợp với sự phát triển của xã hội ngày nay. Từ đó, góp phần giúp các bạn nữ sinh viên tự trau dồi và hoàn thiện bản thân, hướng tới hình mẫu nữ giới lý tưởng với các phẩm chất, nhân cách tốt đẹp.

7.2. Các phương pháp nghiên cứu đề tài

7.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

7.2.1.1. Mục đích

- Tìm ra những cơ sở nghiên cứu nhằm xây dựng khung lý thuyết và công cụ nghiên cứu cho đề tài.

- Hệ thống hóa những tài liệu nói trên để xây dựng khung lý thuyết và nội dung nghiên cứu của đề tài.

7.2.1.2. Cách thức

- Tham khảo các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, sách, tạp chí chuyên ngành, các thông tin ... có liên quan đến đề tài.

7.2.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.2.1. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

a. Mục đích

Chúng tôi xây dựng bảng hỏi dành cho sinh viên nhằm tìm hiểu đánh giá của sinh viên một số trường đại học tại Tp.HCM về phẩm chất cơ bản nữ giới.

b. Cách thức thực hiện

Sử dụng bảng hỏi tiến hành khảo sát trên sinh viên ba trường đại học: ĐHSP, ĐHKT, ĐHMT để thu thập dữ liệu cho đề tài.

7.2.2.2. Phương pháp phỏng vấn

a. Mục đích

Thu được những ý kiến cụ thể của một số sinh viên. Những ý kiến này sẽ là những dữ liệu quan trọng mang tính định tính, nhằm làm rõ hơn và mô tả cụ thể hơn các kết quả thu được từ bảng hỏi.

b. Cách thức thực hiện

Sau khi thu số liệu và xử lý thống kê toán học, người nghiên cứu tiến hành phỏng vấn một số sinh viên của ba trường đại học (ĐHSP, ĐHKT, ĐHMT) theo bảng phỏng vấn đã soạn sẵn.

7.2.3. Phương pháp toán thống kê

a. Mục đích

Nhằm thống kê các số liệu thu được đối với các vấn đề: đánh giá của sinh viên về phẩm chất cơ bản nữ giới.

b. Cách thức thực hiện

Người nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 16.0 để nhập và xử lý thống kê như: Tính tần số, tính điểm trung bình, phân tích biến lượng (Anova), làm cơ sở để bình luận số liệu thu được từ phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN VỀ PHẨM CHẤT CƠ BẢN NỮ GIỚI

1.1. Tổng quan về lịch sử nghiên cứu vấn đề

Trong sự vận động phát triển đi lên của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng không thể không kể đến vai trò to lớn của nữ giới. Thế nhưng, vai trò to lớn ấy trước đây không được đề cao, họ luôn cam chịu và chấp nhận số phận bị giữ chặt với gia đình, chồng con và thấp kém hơn nam giới. Mãi cho tới năm 1792, khi Bản Tuyên ngôn nữ quyền đầu tiên, do Mary Wollstonecraft soạn thảo ra đời đã mở ra một trang sử mới cho nữ giới. Từ đây, nhiều nước trên thế giới bắt đầu tìm hiểu, nghiên cứu về nữ giới một cách toàn diện và sâu sắc hơn cụ thể như: Vào năm 1848, Bản Công ước đầu tiên về quyền của phụ nữ ra đời tại Mỹ. Từ năm 1920 trở đi, tại nhiều nước, phụ nữ được quyền bầu cử và được làm những công việc trước đây là của nam giới. Bên cạnh đó, sau hơn 30 năm nỗ lực đấu tranh vì sự tiến bộ phụ nữ của Ủy ban về địa vị phụ nữ Liên hợp quốc (CSW) thì ngày 18/12/1979, Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) được Đại hội đồng Liên hợp quốc phê chuẩn và có hiệu lực [63]. Và đến năm 1958, Liên Hợp Quốc đã tổ chức hội nghị tại Nairobi (thủ đô Kenya) và vạch ra “chiến lược vì sự tiến bộ của phụ nữ”. Có thể nói những năm 60, 70 trở đi “phong trào giải phóng phụ nữ mới” đã cuốn hút việc nghiên cứu phụ nữ với ý nghĩa giáo dục và nhân văn sâu sắc. Sự phát triển của kinh tế văn hoá xã hội và việc thay đổi cách suy nghĩ đã khiến cho người phụ nữ dần dần được giải phóng, được học hành, tham gia hoạt động xã hội nhiều hơn và họ đã gặt hái được không ít những thành công trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Hiện nay ở Việt Nam, phụ nữ bên cạnh việc chăm sóc con cái, tạo dựng tổ ấm gia đình, họ còn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội. Với hơn

50% dân số và gần 50% lực lượng lao động xã hội, phụ nữ đã và đang tham gia, đóng góp quan trọng vào hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Như nghị quyết số 04-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 12-7-1993 đã chỉ rõ: “*Phụ nữ là người lao động, người công dân, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Khả năng và điều kiện lao động, trình độ văn hoá, vị trí xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ có ảnh hưởng sâu xa đến sự phát triển của thế hệ tương lai*” [27]. Mặc dù vậy, do Việt Nam đang trong giai đoạn mở cửa, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Nữ giới Việt Nam đang đứng trước những tác động đa chiều, nhiều mặt của nền kinh tế thị trường. Không ít nữ giới đang chạy theo lối sống thực dụng, hưởng thụ, ảo tưởng... Do vậy, việc gìn giữ, phát huy những phẩm chất tốt đẹp của nữ giới Việt Nam đang đứng trước rất nhiều thử thách và khó khăn.

Vì thế, việc nghiên cứu về nữ giới Việt Nam mà đặc biệt về phẩm chất cơ bản nữ giới là công việc thiết thực và có ý nghĩa trong thời đại hội nhập mang tính toàn cầu này. Nhưng thực tế ở Việt Nam, các đề tài nghiên cứu về nữ giới còn rất ít. Một số đề tài tiêu biểu như: Đề tài “Vấn đề phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay” của Nguyễn Thị Giáng Hương nhằm thấy được tầm quan trọng của nguồn nhân lực nữ chất lượng cao và những điều kiện khách quan, nhân tố chủ quan cơ bản tác động đến việc phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao ở Việt Nam. Từ đó tác giả đưa ra giải pháp phát triển nguồn nhân lực nữ ở Việt Nam [16]; Với đề tài “Thái độ của xã hội về chữ trinh nhìn từ góc độ giới” của tác giả Bùi Thị Hồng Thái đã chỉ ra những quan niệm về tình dục trước hôn nhân và ngoại tình của phụ nữ trong các nền văn hóa và ở Việt Nam. Qua đó tác giả khắc họa toàn diện cách nhìn của xã hội Việt Nam về chữ trinh của người phụ nữ rõ nét và sâu sắc [42]; Đề tài “Nét đẹp của phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt” của Lê Thị Nguyệt nhằm ca ngợi nét đẹp thể chất và tinh thần của nữ giới Việt trong thơ ca [29]; Đề tài “Vai trò phụ nữ Xtiêng: truyền thống và biến đổi” của Chu

Phạm Minh Hằng nhằm tìm hiểu vị trí của phụ nữ Xtiêng và so sánh vai trò của phụ nữ Xtiêng đã thay đổi như thế nào theo thời gian [13]. Có thể nói, những đề tài trên đã nghiên cứu về nhiều khía cạnh khác nhau trong đời sống của nữ giới Việt Nam nhưng không đề cập đến phẩm chất cơ bản nữ giới.

Đề cập cụ thể đến phẩm chất cơ bản nữ giới nhằm tuyên truyền và giáo dục phẩm chất nữ giới có thể kể đến những nghiên cứu: Đề án "Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2010- 2015". Đề án nhằm tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo tiêu chí: Có lòng yêu nước; có sức khỏe; có tri thức, kỹ năng nghề nghiệp; năng động, sáng tạo; có lối sống văn hóa và lòng nhân hậu nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của người dân, cộng đồng, xã hội, đặc biệt là phụ nữ trong việc giữ gìn, phát huy và xây dựng phẩm chất, đạo đức tốt đẹp của con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước [64]. Và nghiên cứu của tác giả Nguyễn Trúc Hạnh về đề tài "Vấn đề kế thừa giá trị đạo đức truyền thống của phụ nữ tỉnh Bến Tre hiện nay". Đề tài nêu lên nét đặc thù của những giá trị đạo đức truyền thống nổi bật ở người phụ nữ Bến Tre và tính tất yếu của việc kế thừa chúng trong giai đoạn hiện nay. Qua đó tác giả đã góp phần làm rõ sự vận động và phát triển về nội dung của các giá trị đạo đức truyền thống phụ nữ Việt Nam thông qua việc kế thừa chúng của phụ nữ tỉnh Bến Tre [12].

Như vậy, hiện nay đã có những nghiên cứu và bài viết có liên quan đến vấn đề phẩm chất nữ giới nhưng chưa đề cập tổng quát và toàn diện vấn đề này. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào việc tuyên truyền những phẩm chất phù hợp với giai đoạn hiện nay hoặc việc làm sao kế thừa và phát huy những phẩm chất truyền thống của phụ nữ Việt Nam. Do vậy, những nghiên

cứu trên sẽ là nền tảng để người nghiên cứu có thể xác định được vấn đề trọng tâm của đề tài này.

1.2. Một số khái niệm cơ bản của vấn đề nghiên cứu

1.2.1. Đánh giá

Theo nghĩa thông thường, một số tác giả đã đưa ra quan điểm đánh giá như sau: Theo tác giả Nguyễn Kim Thân thì đánh giá là đoán định về giá cả của vật nào đó hoặc đoán định về giá trị của người hoặc vật nào đó [43]. Theo Nguyễn Như Ý thì đánh giá có nghĩa là nhận xét, bình phẩm về giá trị của một sự vật, một sự việc hay một người nào đó [57, tr.589].

Trong Tâm lý học, một số tác giả đã đưa ra quan điểm về đánh giá như sau: Theo B.S.Bloom, đánh giá là khâu sau cùng trong lĩnh vực nhận thức, “là việc phán đoán về một giá trị của các ý tưởng, của các tác phẩm, của cách giải quyết, của phương pháp, của tài liệu... [2, tr.278]. Đây còn là khâu rất quan trọng, kết thúc một quá trình nhận thức và có tác dụng kết hợp tất cả các khâu đã qua của quá trình nhận thức đó. Theo tác giả X.L.Rubinstein cho rằng: “Đánh giá là hoạt động để nhận thông tin mà nó cho ta biết giá trị của đối tượng” [14, tr.34]. Còn theo Yvan Abernant cho rằng đánh giá là dựa vào sự đo lường, nhận xét về sự đạt được mục tiêu so với chuẩn [14, tr.34].

Trong đề tài này người nghiên cứu đưa ra khái niệm đánh giá như sau: *Đánh giá là những kết luận được con người rút ra từ những bằng chứng, phê phán có suy xét về sự kiện đó.*

Chức năng của đánh giá:

Chức năng định hướng: Đánh giá nhằm phân tích các phương tiện vật chất và định ra một kế hoạch lý tưởng về tiến trình của hành động. Đó chính là đánh giá chuẩn đoán hay đánh giá dự báo.

Chức năng điều chỉnh: Đánh giá là khâu quan trọng nhằm tác động ngược trong thời điểm thực hiện. Đây chính là đánh giá uốn nắn.

Chức năng xác nhận hay xếp loại: Là chức năng đánh giá tổng hợp. Khi

thực hiện chức năng này cần xác định rõ mục tiêu cuối cùng mà ta hướng tới.

Phân loại đánh giá:

Có các dạng đánh giá khác nhau: đánh giá khác biệt, đánh giá nhân viên, đánh giá công việc, đánh giá hoạt động, đánh giá kết quả, đánh giá chương trình, tự đánh giá, đánh giá hệ thống...

Dựa vào đối tượng đánh giá có thể chia đánh giá thành 2 loại: Đánh giá về những đối tượng bên ngoài bản thân như về người khác, về sự vật, hiện tượng khách quan hay đánh giá chính mình.

1.2.2. Phẩm chất cơ bản

*** Phẩm chất**

Trong tiếng Anh, danh từ Quality được dùng với nghĩa là: phẩm chất, đặc tính, loại, hạng.

Trong Đại từ điển Tiếng Việt, tác giả Nguyễn Như Ý cho rằng phẩm chất là giá trị và tính chất tốt đẹp của con người hay vật gì [57].

Trong từ điển Tiếng Việt do tác giả Hoàng Phê chủ biên, phẩm chất được hiểu là cái làm nên giá trị của người hay vật [35]. Theo định nghĩa này, phẩm chất của một đối tượng nhất định là những thuộc tính, đặc điểm của đối tượng, căn cứ vào đó chúng ta có thể đánh giá, xác định giá trị của đối tượng.

Theo từ điển Tâm lý học (Dictionary of psychology) của J.P. Chaplin thì phẩm chất là mức độ tương đối giữa cái tốt và cái tuyệt về lĩnh vực nào đó [1, tr.686].

Trong khi phân tích quan điểm về những phẩm chất chung của nhân cách, K.K.Platonốp đề cập đến vị trí của xu hướng, tính cách, khí chất, năng lực trong cấu trúc nhân cách. Và 4 tiêu cấu trúc nhân cách trong phẩm chất chung mà K.K.Platonốp đề cập ở đây với vai trò là phẩm chất tâm lý chứ không phải theo một cách hiểu phiến diện khi đồng nhất toàn bộ chúng như một phẩm chất xã hội. Một điều được K.K.Platonốp nhấn mạnh trong tác phẩm của mình, đó là: Các khái niệm “thuộc tính”, “đặc điểm”, “phẩm chất”

thường được áp dụng một cách tùy tiện và không chính xác trong học thuyết về nhân cách. Đôi khi người ta xem chúng là đồng nghĩa, nhưng sự thật thì không phải vậy, cụ thể theo ông:

- “Thuộc tính” đó là khái niệm rộng nhất, nó là một cái gì vốn có của cá nhân, là một nét của cá nhân, cái nét ấy quy định sự giống nhau hay khác nhau của một cá nhân so với những cá nhân khác.

- “Đặc điểm” cá nhân đó là những thuộc tính cá biệt hoặc sự tổng hòa những thuộc tính ấy.

- “Phẩm chất” đó là thuộc tính cơ bản nhất làm cho cá nhân được xác định. Phẩm chất của cá nhân thay đổi, thì nói chung cá nhân ấy thay đổi.

Trong từ điển Tâm lý học (The dictionary of psychology) của Raymond J.Corsini “Phẩm chất (quality) là đặc điểm (hoặc đặc trưng) về cảm giác (Sensation) hoặc thực thể khác để cho nó trở thành độc đáo, là sự khác về chất (loại, thứ, hạng) chứ không phải về số lượng”[6,tr.796]. Như vậy, theo cách hiểu này, phẩm chất được hiểu là những đặc điểm (đặc trưng) về thực thể hoặc về sự phản ánh thế giới (tinh thần) của đối tượng để tạo nên sự khác biệt với đối tượng khác về tính chất, giúp đánh giá phân loại hay xếp hạng đối tượng. Có hai loại phẩm chất: phẩm chất của thực thể (vật chất - Entity) và phẩm chất của cảm giác (tinh thần - Sensation).

Tuy cách nói khác nhau, nhưng có thể khái quát một số nội dung cơ bản sau: phẩm chất là đặc điểm, thuộc tính gắn bó với đối tượng; phẩm chất là mức độ giá trị của những đặc điểm, thuộc tính... của đối tượng để tạo nên sự khác biệt của chúng, làm cơ sở cho sự đánh giá, phân loại, xếp hạng; Có những phẩm chất thiên về tinh thần (xét riêng về khía cạnh con người), nhưng có những phẩm chất thiên về thực thể vật chất (cả con người và đồ vật, vật chất).

Trong thực tiễn đời sống xã hội, chúng ta thường dùng những khái niệm: phẩm chất tốt, phẩm chất chưa tốt, chưa đảm bảo đầy đủ các phẩm chất theo

yêu cầu của nghề nghiệp,..., khi nhận xét hay đánh giá về một người nào đó. Phẩm chất và năng lực là hai khía cạnh được đề cập đến nhiều nhất. Về thực chất khi đánh giá nhân cách của một con người là chúng ta đã dựa trên những mặt phẩm chất, phẩm giá mà trong đó đã bao hàm cả mặt năng lực của người đó. Và phẩm chất và năng lực được xem như hai nhóm phẩm chất cơ bản của nhân cách.

Xuất phát từ quan điểm của C.Mác: “Bản chất của con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội”, theo tác giả Nguyễn Ngọc Bích đã đưa ra hệ thống phẩm chất nhân cách bao gồm: Phẩm chất về mặt đạo đức và phẩm chất về mặt năng lực [3,tr.244].

- Phẩm chất về mặt đạo đức, bao gồm:

+ Thế giới quan, lý tưởng bao gồm: quan điểm chính trị, lập trường, vai trò xã hội của cá nhân.

+ Thái độ và hành vi ứng xử xã hội của cá nhân; Thái độ và hành vi đối với người khác, đối với gia đình, đối với xã hội: Đoàn thể, nhân dân, Tổ Quốc; Thái độ đối với lao động.

+ Tình cảm và ý chí:

Mặt tình cảm: Tình cảm đạo đức, tình cảm trí tuệ, tình cảm thẩm mỹ.

Mặt ý chí: Tính tự chủ, tính cân bằng, tính mục đích, tính dũng cảm, tính hòa nhập.

- Phẩm chất về mặt năng lực, bao gồm:

+ Năng lực trí tuệ - năng khiếu, năng lực chuyên môn, tài năng

+ Năng lực thể chất - tâm lý

Có thể nói, khi đề cập đến mặt phẩm chất, phẩm giá của con người là ta đã bao hàm cả mặt năng lực của người đó.

Ở đây chúng ta xét phẩm chất trên đối tượng cụ thể là con người. Ta thấy, có nhiều cách hiểu khác nhau, nhưng có thể khái quát lại như sau: *Phẩm chất là những đặc điểm, thuộc tính quy định giá trị của một con người;*

Những đặc điểm, thuộc tính này tạo nên sự khác biệt giữa người này với khác. Phẩm chất thường được xem xét theo những tiêu chí nhất định và được phân biệt với những đặc điểm âm tính (thối, tật, kém phẩm chất,...) và những đặc điểm không điển hình khác.

*** Cơ bản**

Theo tác giả Nguyễn Kim Thản thì cơ bản là cái làm cơ sở cho những cái khác trong toàn bộ hệ thống [43].

Theo tác giả Văn Tân cơ bản là nền gốc [41].

Theo tác giả Nguyễn Như Ý thì cơ bản là cái có tác dụng làm nền, làm gốc trong một hệ thống nào đó [57].

Như vậy, có thể hiểu: *Cơ bản là cái làm nền, làm cơ sở trong một hệ thống nào đó.*

*** Phẩm chất cơ bản**

Trên cơ sở tìm hiểu về các khái niệm: phẩm chất, cơ bản, người nghiên cứu đưa ra khái niệm phẩm chất cơ bản xét trên đối tượng cụ thể là con người như sau:

Phẩm chất cơ bản là những phẩm chất làm nền tảng, làm cơ sở cho toàn bộ hệ thống phẩm chất nói chung. Đó là những phẩm chất tối thiểu mà mỗi cá nhân cần phải có để họ có thể sống, tồn tại và phát triển trong xã hội.

Nếu thiếu những phẩm chất này thì khó hình thành những phẩm chất mới cao hơn. Thậm chí còn gây ra những tác hại khó lường đến sự hình thành và phát triển nhân cách của con người.

1.2.3. Nữ giới

Nữ giới phân biệt với nam giới, là một trong hai giới tính truyền thống, cơ bản và đặc trưng của loài người. Nữ giới là một khái niệm chung để chỉ một người, một nhóm người hay toàn bộ những người trong xã hội mà một cách tự nhiên, mang những đặc điểm giới tính được xã hội thừa nhận về khả năng mang thai và sinh nở khi cơ thể họ hoàn thiện và chức năng giới tính

hoạt động bình thường [62].

Theo Nguyễn Lâm nữ giới là phụ nữ nói chung [19].

Theo Nguyễn Kim Thản nữ giới là giới đàn bà, con gái nói chung phân biệt với nam giới [43].

Tương tự như vậy, theo tác giả Như Ý thì nữ giới là đàn bà, con gái nói chung, phân biệt với nam giới [56].

Trong đề tài này người nghiên cứu đồng ý với kết luận của tác giả Nguyễn Lâm cho rằng: *nữ giới là phụ nữ nói chung*.

1.2.4. Phẩm chất cơ bản nữ giới

Trên cơ sở tìm hiểu về các khái niệm: Phẩm chất cơ bản, nữ giới, người nghiên cứu đưa ra khái niệm phẩm chất cơ bản nữ giới như sau:

Phẩm chất cơ bản nữ giới là những phẩm chất làm nền tảng, làm cơ sở cho toàn bộ hệ thống phẩm chất của phụ nữ nói chung. Nó là những thuộc tính, những đặc điểm tinh thần của phụ nữ được quy định, hình thành và phát triển thông qua hoạt động và giao tiếp của họ. Đồng thời chi phối toàn bộ đời sống và hoạt động nghề nghiệp của họ.

Phẩm chất cơ bản nữ giới là những chuẩn mực làm nên giá trị của một người phụ nữ. Dựa vào khung chuẩn mực ấy người ta có thể đánh giá người phụ nữ ấy là tốt hay xấu. Nó là nền tảng để những phẩm chất tốt đẹp khác trong hệ thống phẩm chất phát triển, nhờ vậy nữ giới có thể trưởng thành và hoàn thiện hơn theo thời gian. Và những phẩm chất trong toàn bộ hệ thống phẩm chất cơ bản nữ giới đều có sự tương hỗ, tác động qua lại lẫn nhau như: *Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, phẩm chất của người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội là thống nhất với nhau và bổ sung cho nhau, bởi lẽ "gia đình là hạt nhân của xã hội, nhiều gia đình cộng lại mới tạo thành xã hội. Xã hội tốt thì gia đình càng phải tốt. Gia đình tốt thì xã hội mới tốt"* [31, tr.523].

1.3. Cơ sở lý luận về đánh giá của sinh viên về phẩm chất cơ bản nữ giới

1.3.1. Nữ sinh viên

1.3.1.1. Khái niệm nữ sinh viên

Theo tác giả Thanh Nghị thì nữ sinh viên là con gái, đàn bà học trong trường đại học [26].

Theo tác giả Nguyễn Lân thì nữ sinh viên là phụ nữ học trong trường đại học [19].

Nữ sinh viên là người làm việc, người tìm kiếm, khai thác tri thức. Họ đang chuẩn bị cho một hoạt động mang lại lợi ích vật chất hay tinh thần của xã hội. Các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, sản xuất hay hoạt động xã hội của họ đều phục vụ cho việc chuẩn bị tốt nhất cho hoạt động mang tính nghề nghiệp của mình sau khi kết thúc quá trình trong các trường nghề.

Như vậy, có thể hiểu: *Nữ sinh viên là những người phụ nữ đang học tập ở các trường đại học, cao đẳng và là những người công dân thực thụ của đất nước với sự phát triển hoàn thiện về tâm - sinh lý.*

1.3.1.2. Đặc điểm nữ sinh viên

Sự phát triển thể chất: Do nữ sinh viên ở trong độ tuổi chuyển tiếp từ giai đoạn cuối thanh niên sang đầu giai đoạn tuổi trưởng thành, nên có thể nói rằng đây là giai đoạn phát triển ổn định. Mặt khác đến 24, 25 tuổi thì con người đã hoàn tất sự phát triển về thể chất (nữ sớm hơn nam 1, 2 năm). Đến 25 tuổi cũng là năm kết thúc giai đoạn đào tạo dài nhất ở đại học.

Trong quá trình phát triển này, quá trình chín muồi sinh học cơ bản đã được hoàn thiện đến mức có thể coi là chu trình người trưởng thành như: Sự phát triển ổn định, đồng đều về hệ xương, cơ bắp tạo ra nét đẹp hoàn mỹ ở nữ sinh viên. Các tố chất về thể lực như sức nhanh, sức bền bỉ, dẻo dai, linh hoạt đều phát triển mạnh nhờ sự phát triển ổn định của các tuyến nội tiết cũng như sự tăng cường các hooc-môn nữ; hệ thống tim mạch, thần kinh mang tính ổn định và hoạt động theo nhịp bình thường thuộc chu kỳ người lớn.

Sự phát triển tâm lý: Bước sang tuổi sinh viên, các chức năng tâm lý cũng có nhiều thay đổi, đặc biệt trong lĩnh vực phát triển trí tuệ, khả năng tư duy. Các nghiên cứu tâm lý học cho thấy rằng ở tuổi này, các hoạt động tư duy của nữ sinh viên rất tích cực và có tính độc lập, tư duy lý luận phát triển mạnh, có khả năng khái quát các vấn đề, nhờ đó mà tự mình phát hiện ra cái mới. Sự phát triển mạnh của tư duy lý luận liên quan chặt chẽ với khả năng sáng tạo.

1.3.1.3. Các hoạt động cơ bản của nữ sinh viên

*** Đặc điểm hoạt động học tập**

Xuất phát từ mục tiêu của giáo dục đại học nhằm bồi dưỡng nhân tài, tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao cấp ở các lĩnh vực nghề nghiệp. Vì vậy, những đặc điểm chung trong hoạt động học tập của nữ sinh viên như sau:

Theo tác giả Lê Quang Long thì hai phần ba tri thức của đời người được tích lũy vào giai đoạn này, lứa tuổi thanh niên sinh viên [30,tr.138]. Cũng như các nam sinh viên, hoạt động học tập của nữ sinh viên hướng vào việc hình thành và phát triển hoàn thiện nhân cách người chuyên gia trong lĩnh vực nghề nghiệp tương ứng, vì vậy học tập của nữ sinh viên mang tính đặc trưng của hoạt động nghề nghiệp tương lai. Trình độ học vấn của nữ sinh viên được xác định là trình độ chuyên môn nghề nghiệp, do đó việc học tập trong trường đại học có một ý nghĩa rõ rệt, có thể xem như một dạng hoạt động lao động. Mục đích học tập chuyên nghiệp của nữ sinh viên là chiếm lĩnh hệ thống các kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp, nhằm hình thành những phẩm chất của người chuyên gia tương lai. Vì vậy trong quá trình học tập, nữ sinh viên phải xây dựng cho mình vốn hành trang trí tuệ và nhân cách đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp sau này.

+ Tính độc lập cao trong học tập: do yêu cầu của việc đào tạo người chuyên gia tương lai, nên việc học tập của nữ sinh viên đòi hỏi mức độ độc lập trí tuệ cao. Nữ sinh viên phải tự ý thức đầy đủ về hoạt động học tập của

bản thân, đó là sự giác ngộ bản thân về việc xác định mục đích cũng như định hướng rõ rệt về vị trí của mình trong thế giới người lớn. Do đó nữ sinh viên phải là chủ thể của hoạt động học tập, là người tổ chức, định hướng và kiểm tra quá trình học tập đồng thời cũng là một chủ thể có trách nhiệm của các hoạt động xã hội với tư cách là một công dân.

Quá trình học tập của nữ sinh viên nhằm xây dựng phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học độc lập, tự chủ. Sở dĩ nữ sinh viên có khả năng độc lập cao trong hoạt động học tập là do kết quả phát triển tương đối hoàn thiện của các chức năng tâm sinh lý của lứa tuổi này. Sự trưởng thành về mặt trí lực, tư duy logic, thế giới quan và nhân sinh quan là cơ sở quan trọng của sự phát triển tính độc lập cao ở lứa tuổi sinh viên.

+ Tính sáng tạo: Ở đại học, nữ sinh viên phải lĩnh hội khối lượng kiến thức rất lớn bao gồm các kiến thức về lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành và các kiến thức khoa học cơ bản, nên đòi hỏi rất cao ở tính sáng tạo của nữ sinh viên. Nữ sinh viên phải tự chủ trong việc tổ chức các hoạt động tự học, tự nghiên cứu của mình cũng như hình thành cho mình các phương pháp học tập tích cực sáng tạo để chiếm lĩnh tri thức và kinh nghiệm làm hành trang cho tương lai khi gia nhập vào hoạt động nghề nghiệp. Hoạt động học tập của nữ sinh viên hiện nay đã được đặt ở một vị trí rất quan trọng theo yêu cầu của Luật Giáo dục “*Phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học, bồi dưỡng năng lực tự học, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên*” [24].

+ Tính thực tiễn: Trong bối cảnh xã hội hiện nay, những yêu cầu của giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên, đã tạo cho nữ sinh viên có thái độ học tập với tính năng động, sáng tạo cao. Mặt khác, để đáp ứng đòi hỏi thực tiễn, nữ sinh viên phải chủ động nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học,... để trang bị kiến thức làm hành trang cho nghề nghiệp tương lai.

Ở trường đại học, mục tiêu học tập của tất cả sinh viên nói chung và nữ sinh viên nói riêng là học cách học, mà quan trọng là làm chủ quá trình học của bản thân như tự học, nghiên cứu khoa học,... làm cơ sở tiền đề của việc học suốt đời của mỗi cá nhân. Trong xu thế thời đại ngày nay, nữ sinh viên thực sự học tập vì cuộc sống, vì nghề nghiệp tương lai của bản thân. Nữ sinh viên tự điều khiển quá trình học tập, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, biết kết hợp quá trình cá nhân hóa với quá trình xã hội hóa trong học tập của bản thân nhằm đạt tới việc đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp. Ngoài ra, nữ sinh viên cần phải rèn luyện khả năng tạo nghiệp, nhạy bén với thị trường, chủ động gia nhập vào các tổ chức hoạt động nghề nghiệp xã hội, bước đầu đối với một số nữ sinh viên có thể tiếp cận với một số hoạt động nghề nghiệp đơn giản như tham gia các công việc làm thêm để kiếm thu nhập, nhưng dần dần là để nâng cao hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, tích lũy kinh nghiệm gia nhập vào thị trường lao động trong tương lai.

*** Một số hoạt động khác của nữ sinh viên**

Hoạt động chính trị - xã hội: đây là một hoạt động đặc trưng ở tuổi sinh viên. Sinh viên nói chung và nữ sinh viên nói riêng là những người có trí tuệ nhạy bén, mẫn cảm đối với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của quốc gia, quốc tế. Về mặt tư cách của một công dân, họ có chính kiến đối với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng chính trị và Nhà nước, do đó hoạt động chính trị - xã hội là nhu cầu, nguyện vọng của nữ sinh viên. Việc tham gia của họ vào các tổ chức chính trị, đoàn thể xã hội như: Hội sinh viên, Đoàn sinh viên,... hay đối với những nữ sinh viên ưu tú, được vinh dự đứng vào hàng ngũ Đảng, mang một ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển nhân cách toàn diện của họ.

Bên cạnh những hoạt động có ý nghĩa chính trị - xã hội, nữ sinh viên cũng là nhóm người tích cực tham gia vào các hoạt động khác mang tính chất giải trí, vui chơi phù hợp với năng khiếu và sở thích cá nhân như các câu lạc

bộ văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, câu lạc bộ ngoại ngữ,... hay các cuộc thi về nghiệp vụ nghề nghiệp được Đoàn trường và các cơ quan tổ chức, cũng luôn hấp dẫn và lôi cuốn sự tham gia của nhiều nữ sinh viên, để thỏa mãn nhu cầu giao lưu phong phú cũng như nhu cầu rèn luyện toàn diện của họ. Bao trùm lên các hoạt động phong phú, đa dạng của sinh viên ở các trường đại học là những quan hệ giao lưu, giao tiếp với hàng loạt mối quan hệ xã hội đan xen lẫn nhau. Những mối giao lưu này mang tính phức hợp giữa cá nhân nữ sinh viên với người lớn, với bạn bè cùng lứa, cùng giới, khác giới, các tổ chức, các nhóm xã hội trực tiếp hoặc gián tiếp (thông qua phương tiện thông tin truyền thông),... Các hoạt động giao lưu này chiếm vị trí quan trọng trong sự phát triển đời sống tâm lý, nhân cách của nữ sinh viên.

Vị thế xã hội của sinh viên nói chung và nữ sinh viên nói riêng có nhiều thay đổi so với lứa tuổi trước đó, các quan hệ xã hội của nữ sinh viên được mở rộng. Chính những thay đổi trong vị thế xã hội của nữ sinh viên, những thách thức khách quan của cuộc sống dẫn đến sự xuất hiện ở lứa tuổi này những nhu cầu hiểu biết thế giới, hiểu biết xã hội và các chuẩn mực quan hệ người - người, hiểu mình và tự khẳng định mình trong đời sống xã hội.

*** Một số phẩm chất về nhân cách của nữ sinh viên**

Sinh viên là lứa tuổi đẹp nhất trong đời người, có sức khỏe, có khả năng sáng tạo và có tính độc lập cao. Trong những năm theo học đại học của nữ sinh viên được xem như là thời kỳ chuyển tiếp cho việc chuẩn bị độc lập cao tham gia vào các cộng đồng xã hội và hoạt động nghề nghiệp ổn định trong tương lai của nữ sinh viên. Do đó nữ sinh viên vẫn còn chịu sự tác động giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội. Mặt khác, ở bản thân mỗi nữ sinh viên cũng cần có sự tự giáo dục và rèn luyện nhân cách để đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp trong tương lai.

Sinh viên nói chung và nữ sinh viên nói riêng chưa có vị trí độc lập chính thức trong các tổ chức lao động xã hội, nữ sinh viên đang tích cực rèn

luyện cả về phẩm chất và năng lực nghề nghiệp bằng cách tự rèn luyện, nỗ lực học tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên và bước đầu nữ sinh viên cũng trải nghiệm qua hoạt động thực tiễn như tham gia các cuộc thi về nghiệp vụ chuyên môn, hoặc đi làm thêm để tiếp cận dần với nghề nghiệp qua công tác thực tế chứ không phải chỉ dừng ở việc học lý thuyết suông. Nhân cách của nữ sinh viên phát triển khá toàn diện và phong phú với những điểm đặc trưng như sau:

- Đặc điểm về tự đánh giá, tự ý thức, tự giáo dục của nữ sinh viên

+ Tự đánh giá là một trong những phẩm chất quan trọng, có trình độ phát triển cao của nhân cách. Tự đánh giá có ý nghĩa định hướng, điều chỉnh hoạt động, hành vi của chủ thể nhằm đạt mục đích, lý tưởng sống một cách tự giác. Tự đánh giá ở lứa tuổi sinh viên là một hoạt động nhận thức, trong đó đối tượng nhận thức chính là bản thân chủ thể, là quá trình chủ thể thu thập, xử lý thông tin về chính mình, chỉ ra những tồn tại ở bản thân, từ đó có thái độ, hành vi, hoạt động phù hợp nhằm tự điều chỉnh, tự giáo dục để hoàn thiện và phát triển nhân cách.

+ Đặc điểm tự đánh giá ở lứa tuổi sinh viên mang tính chất toàn diện và sâu sắc. Biểu hiện cụ thể của nó là sinh viên không chỉ đánh giá hình ảnh bản thân mình ở hình thức bên ngoài mà còn đi sâu vào các phẩm chất, các giá trị của nhân cách. Tự đánh giá của họ không chỉ trả lời câu hỏi: Tôi là ai? Mà còn đi sâu vào các nội dung liên quan đến bản thân họ như: Tôi là người như thế nào? Tôi có những phẩm chất gì? Tôi có xứng đáng không?... Hơn thế họ còn có khả năng lý giải và trả lời câu hỏi: Tại sao tôi là người như thế? [30,tr.155].

+ Những cấp độ đánh giá ở trên mang yếu tố phê phán, phân tích rõ rệt. Vì vậy tự đánh giá của nữ sinh viên có ý nghĩa tự ý thức và tự giáo dục cao. Tự ý thức là một trình độ phát triển cao của ý thức, nó giúp nữ sinh viên có hiểu biết về thái độ, hành vi cử chỉ của mình để chủ động hướng hoạt động

của mình đi theo những yêu cầu đòi hỏi của tập thể, của cộng đồng xã hội. Tự giáo dục là một mức độ phát triển cao trong nhận thức của nữ sinh viên nhằm rèn luyện mình theo những mục đích và kế hoạch cuộc đời. Nghiên cứu tự đánh giá, tự ý thức ở nữ sinh viên cho thấy mức độ phát triển của những phẩm chất nhân cách này có liên quan đến trình độ học lực, hình ảnh “cái Tôi”, cũng như kế hoạch sống trong tương lai của nữ sinh viên. Việc khám phá hình ảnh “cái Tôi” không đơn giản chỉ phụ thuộc vào trình độ nhận thức của nữ sinh viên, mà còn là tâm thế xã hội, thái độ của cá nhân đối với chính bản thân mình, bao gồm ba yếu tố phụ thuộc lẫn nhau đó là: nhận thức, xúc cảm và hành vi. Nhận thức về hình ảnh “cái Tôi” chính là sự hiểu biết về bản thân, biểu tượng về những phẩm chất và thuộc tính của nữ sinh viên. Xúc cảm về “cái Tôi” thể hiện ở sự đánh giá những phẩm chất và lòng tự ái có liên quan tới những đánh giá ấy, lòng tự trọng và những tình cảm khác; hành vi là thái độ của thực tế đối với bản thân xuất phát từ hai yếu tố nói trên.

Tóm lại những phẩm chất nhân cách như tự đánh giá, lòng tự trọng, tự tin, sự tự ý thức đều phát triển mạnh mẽ ở tuổi sinh viên. Chính những phẩm chất nhân cách bậc cao này có ý nghĩa rất lớn đối với việc tự giáo dục, tự rèn luyện và hoàn thiện bản thân theo hướng tích cực của những trí thức tương lai là nữ sinh viên.

- Sự phát triển về định hướng giá trị của nữ sinh viên

+ Định hướng giá trị là một trong những lĩnh vực rất cơ bản, quan trọng đối với đời sống tâm lý của sinh viên nói chung và nữ sinh viên nói riêng. Định hướng giá trị là những giá trị được chủ thể nhận thức, ý thức và đánh giá cao, có ý nghĩa định hướng, điều chỉnh thái độ, hành vi, lối sống của chủ thể nhằm vươn tới những giá trị đó.

+ Định hướng giá trị của nữ sinh viên liên quan mật thiết với xu hướng nhân cách và kế hoạch đường đời của họ. Với nữ sinh viên, những ước mơ, hoài bão, những lý tưởng của tuổi thanh xuân dần dần được hiện thực hóa,

được điều chỉnh trong quá trình học tập ở trường đại học. Tính viễn vông, ảo tưởng nhường chỗ cho các kế hoạch đường đời cụ thể, do việc học ở trường đại học để trở thành người có nghề nghiệp đã được xác định rõ ràng. Nữ sinh viên nhìn nhận vấn đề bản chất cuộc sống tích cực và duy vật hơn, thừa nhận sự thành công trong cuộc sống là do nỗ lực của bản thân hơn là sự phụ thuộc hoặc do số phận hay sự may rủi nào đó, họ không chỉ đặt ra kế hoạch đường đời của mình mà còn tìm cách để thực thi kế hoạch đó theo những giai đoạn nhất định. Nhiều nữ sinh viên ngay từ khi còn ngồi trên ghế giảng đường đại học đã có kế hoạch riêng về nhiều mặt và để đạt được kế hoạch của mục đích đời mình. Họ không ngần ngại tìm những việc làm thêm để thỏa mãn những yêu cầu học tập ngày càng cao và tạo điều kiện thuận lợi cho việc hành nghề sau này.

+ Sinh viên là lứa tuổi đạt đến độ phát triển sung mãn của đời người, họ là lớp người giàu nghị lực, ước mơ và hoài bão. Tuy nhiên, do quy luật phát triển không đồng đều về mặt tâm lý, do những điều kiện và hoàn cảnh sống, giáo dục không giống nhau, nên không phải bất cứ nữ sinh viên nào cũng phát triển ở mức tối ưu. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào những tình huống đúng đắn cũng như tính tích cực hoạt động của bản thân mỗi nữ sinh viên. Vì ở giai đoạn này, sự chi phối của thể giới quan và nhân sinh quan đối với hoạt động của nữ sinh viên thể hiện rất rõ nét.

Nhìn chung, hệ thống định hướng giá trị của nữ sinh viên cũng có những hướng phát triển mới, song có thể thấy rằng, đây là những nét tính cách xã hội mới đang được định hình và phát triển theo xu hướng phát triển của xã hội. Nếu được quan tâm đúng mức, nó sẽ là những định hướng giá trị có lợi cho sự phát triển.

1.3.2. Đặc điểm của phẩm chất cơ bản nữ giới

1.3.2.1. Sự hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới

Trong mỗi giai đoạn lịch sử của dân tộc Việt Nam, phẩm chất cơ bản nữ

giới đều có sự kế thừa, bổ sung và phát triển hợp lý với từng giai đoạn lịch sử cụ thể đó. Nếu như ngày xưa do tư tưởng Nho giáo ăn sâu vào thói quen, nếp nghĩ của người Việt Nam. Và người phụ nữ lúc ấy phải gắn chặt với gia đình, phụ thuộc vào chồng con. Vì thế đã tạo nên trong họ những phẩm chất như: Cần cù; Chăm chỉ; Đảm đang; Dịu dàng; Đoan trang; Kín đáo; Nhường nhịn; Thủy chung...Thì ngày nay, khi xã hội phát triển, đất nước hội nhập, Đảng và Nhà nước đã quan tâm sâu sắc đến nữ giới. Điều này đã tạo cơ hội cho nữ giới dám mạnh dạn vươn ra ngoài xã hội: sống, học tập và thể hiện hết mình, đồng thời họ bắt đầu quan tâm và chú ý nhiều hơn đến bản thân. Nhờ vậy hệ thống phẩm chất cơ bản của nữ giới lúc này cũng có sự thay đổi chuyển biến như sau: Bên cạnh những phẩm chất truyền thống tốt đẹp của nữ giới được giữ gìn và phát huy theo thời gian như: Chung thủy; Cần cù; Hiếu thảo; Kính trọng; Siêng năng, Đảm đang, Yêu nước...thì nữ giới cũng hình thành và bổ sung thêm rất nhiều phẩm chất hiện đại để đáp ứng nhu cầu của xã hội như: Biết chăm sóc sức khỏe; Biết làm đẹp; Có mục tiêu, lý tưởng; Tự tin; Ứng xử khéo léo; Cầu tiến; Năng động; Sáng tạo...

- **Những phẩm chất đối với bản thân:** Khi đời sống luôn vận động và biến đổi không ngừng. Đặc biệt, dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, tốc độ biến đổi của xã hội trong thế kỷ XXI này lại càng nhanh chóng. Một phát minh của ngày hôm qua rất có thể sẽ trở thành lạc hậu trong ngày hôm nay. Vì thế nữ giới ngày nay đã biết tự trang bị và hoàn thiện dần những phẩm chất cơ bản của mình để đáp ứng nhu cầu xã hội. Họ tự tin thể hiện bản thân, mạnh mẽ và năng động trong tác phong, biết vươn lên trong cuộc sống bằng mục tiêu lý tưởng và sự ham học hỏi của mình. Không những thế, bản thân họ ngày nay đã biết chia sẻ trách nhiệm và tìm kiếm sự ủng hộ từ người thân, gia đình và dành thời gian quan tâm đến bản thân nhiều hơn như biết chăm sóc sức khỏe và làm đẹp hình thức của mình. Họ đang dần dần biết cách cân bằng giữa công việc, gia đình và cuộc sống của bản thân.

- **Những phẩm chất thể hiện trong gia đình:** Trong xã hội hiện đại, khi nhịp sống ngày càng năng động và có nhiều thay đổi thì vị trí, vai trò của nữ giới trong gia đình lại càng quan trọng hơn bao giờ hết. *“Gia đình trong xã hội mới rất coi trọng người phụ nữ, khác với gia đình phong kiến trước đây chỉ coi trọng người đàn ông. Nhiều nghiên cứu gần đây cho thấy, trong gia đình Việt Nam hiện nay phụ nữ là người có thực quyền. Điều đó thể hiện ở chỗ họ quản lý, điều hành và tổ chức cuộc sống gia đình, họ trực tiếp quyết định từ vấn đề sinh đẻ, nuôi dạy con cái đến hoạt động kinh tế - tài chính và quan hệ đối nội cũng như đối ngoại của gia đình”* [37,tr.161]. Họ có thể ở vai trò là người vợ, người mẹ, người chị, người em trong gia đình. Là người mẹ, họ đảm nhiệm sinh con, chăm sóc, nuôi nấng, dạy dỗ con cái nên người. Nên dân gian có câu “con hư tại mẹ cháu hư tại bà”. Là người vợ, họ gắn bó chữ tình với chữ nghĩa, yêu thương người chồng hết mực. Luôn đồng lòng cùng chồng vượt qua mọi khó khăn gian khổ. Là người chị, người em họ biết hòa thuận, yêu thương nhau và biết đỡ đần công việc giúp cha mẹ. Dù ở bất cứ vai trò nào, nữ giới đều thể hiện những phẩm chất tốt đẹp của mình như: Hiếu thảo, Kính trọng, Chu đáo, Quan tâm giúp đỡ, Ứng xử khéo léo...với tất cả các thành viên trong gia đình. Họ là người giữ lửa, truyền yêu thương và là sợi dây kết nối các thành viên trong gia đình với nhau.

- **Những phẩm chất thể hiện trong tình yêu:** Ở mỗi thời đại, quan niệm về tình yêu điều rất khác nhau. Nếu trong thời phong kiến, tình yêu của nữ giới phải dựa vào sự sắp xếp của ông bà, cha mẹ. Dù họ chưa một lần gặp mặt hoặc tình yêu đó không xuất phát từ sự yêu thương họ vẫn phải tiến tới hôn nhân với đối tượng mà người lớn sắp đặt. Trái lại, ngày nay nữ giới được quyền chủ động trong việc tìm kiếm đối tượng và có thời gian tìm hiểu rồi mới tiến tới hôn nhân. Nữ giới ngày nay quan niệm tình yêu phải xuất phát từ sự yêu thương. Chính nhờ sự yêu thương làm cho hai con người gắn kết, chấp nhận lẫn nhau, thăng hoa trong cảm xúc và là động lực giúp họ vượt qua mọi

thử thách khó khăn trong cuộc sống. Nhưng tình yêu thương đó không phải là sự lệ thuộc, thụ động dựa dẫm vào đối phương mà là sự độc lập trong suy nghĩ và có thể cả trong tài chính để cả hai cùng san sẻ và hỗ trợ nhau khi khó khăn. Hơn nữa khi có bất đồng, mâu thuẫn xảy ra họ sẵn sàng đối diện với nhau và thẳng thắn trao đổi để giải quyết vấn đề.

- **Những phẩm chất thể hiện trong công việc:** Từ đầu thế kỷ XX trở về trước, phẩm chất cơ bản của nam giới và nữ giới thường đứng ở 2 cực đối lập nhau. Ví dụ đặc trưng của nữ giới là những phẩm chất hiền dịu, nói năng nhỏ nhẹ, thùy mị, thụ động...nên nữ giới lo nội trợ gia đình. Còn đặc trưng của nam giới là những phẩm chất mạnh mẽ, cương quyết, chủ động...nên nam giới thường lo việc xã hội, kiếm tiền.. Ngày nay thời đại đã thay đổi, sự phân công lao động đã mất đi sự cứng nhắc bất di bất dịch. Số lượng những công việc đặc thù dành riêng cho nam giới cũng giảm hẳn.Một số nữ giới đã tham gia vào công việc, những hoạt động mà trước đây nam giới chiếm “độc quyền” (ví dụ: bóng đá...) Nam giới và nữ giới cùng đảm nhiệm nhiều vai trò xã hội giống nhau, nam và nữ cùng làm ở một nhiệm sở có thể hỗ trợ nhau trong công việc, khi cần có thể thay thế nhau tương đối dễ dàng [20,tr.40]. Hơn nữa, nhờ sự quan tâm sâu sắc của Đảng và nhà nước nên nữ giới đã có một vai trò và vị trí nhất định trong xã hội. Họ đã trở thành lực lượng lao động đông đảo trong xã hội, họ có mặt trong tất cả các lĩnh vực, các ngành nghề, trong đó có nhiều người là cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đoàn thể, doanh nghiệp. Ngày nay, người phụ nữ ngoài việc thực hiện trọn thiên chức của mình là làm mẹ làm vợ, họ đã không ngừng học hỏi, rèn luyện để trở thành người có văn hoá, hoàn thiện về tri thức, có kỹ năng sống và phát triển các phẩm chất như: siêng năng, cầu tiến, nhạy bén, năng động, sáng tạo...để tiếp cận, nắm bắt kịp thời kiến thức khoa học để phục vụ cho mọi công tác và không ít người trong số họ đã đạt đến những địa vị rất cao trong mọi lĩnh vực.

- **Những phẩm chất thể hiện trong mối quan hệ xã hội:** Người Việt Nam rất trọng tình cảm như: Tình cha con, mẹ con, tình vợ chồng, tình anh em, tình hàng xóm, tình đồng hương. Tình cảm còn lớn hơn của cái. Đặc biệt là nữ giới, với chức phận làm bà, làm mẹ, làm chị, làm em thì tình cảm ấy trở nên đậm đà sâu sắc hơn. Do xã hội phát triển quan hệ giao tiếp của nữ giới cũng có những thay đổi đáng kể: Nếu trước đây, phụ nữ chỉ giao tiếp trong phạm vi rất hẹp là gia đình và làng xóm, không có các mối quan hệ rộng rãi, không được tham gia các tổ chức. Phong tục tập quán, đạo đức truyền thống chỉ cho họ một môi trường nhỏ bé, tù túng trong bốn bức tường với những người trong gia đình và những người bạn gái. Càng về sau, sự thay đổi vận động của xã hội tác động làm môi trường đó khác đi, rộng ra và lớn hơn. Chưa bao giờ môi trường văn hóa ở Việt Nam lại phong phú và đa dạng, lại năng động và tích cực, lại khích lệ và cảm dỗ, lại có nhiều cơ hội và thách thức... như hiện nay. Phụ nữ được giải phóng khỏi những gò bó, những bắt công, họ được mở rộng quan hệ ra đến quốc gia và quốc tế, được giao lưu, học hỏi và phát triển [60]. Sống trong môi trường với nhiều thay đổi và thách thức như thế để nữ giới có thể thiết lập và duy trì các mối quan hệ xã hội. Họ đã mạnh dạn dần thân, trải nghiệm và hoàn thiện nhiều phẩm chất tốt đẹp của mình như: Hòa đồng; Tôn trọng; Ứng xử khéo léo; Biết quan tâm giúp đỡ người khác... và xem đó như bí quyết giúp họ thành công trong công việc và cuộc sống của mình.

- **Những phẩm chất đối với đất nước:** Trong bối cảnh mới của lịch sử đất nước, nữ giới Việt Nam đang đứng trước thời cơ và thách thức mới. Phẩm chất đối với đất nước của nữ giới Việt Nam được xác định trên cơ sở vai trò và nhiệm vụ mới: Nữ giới Việt Nam phải là những người lao động sáng tạo và là người công dân tích cực trong các hoạt động xã hội, làm tròn chức năng nuôi dạy thế hệ trẻ, là chủ nhân thế kỉ XXI. Để hoàn thành tốt sự mệnh trên nữ giới Việt Nam không ngừng hoàn thiện và trang bị cho mình những phẩm

chất tốt đẹp tương xứng với sứ mệnh đó như: Yêu nước; Ý thức pháp luật; Tự hào dân tộc; Biết ơn các thế hệ đi trước; Trách nhiệm; Tích cực tham gia các hoạt động xã hội; Đoàn kết cộng đồng... Như bài phát biểu của Chủ tịch Hội phụ Nữ Việt Nam Hà Thị Khiết tại buổi tọa đàm “Vai trò của Phụ Nữ Việt Nam Trong Thế Kỷ XXI” do Quỹ Phát triển Phụ Nữ Liên Hợp Quốc UNIFEM và Hội phụ nữ Việt Nam tổ chức dưới sự hỗ trợ của các tổ chức Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, bà đã nói: “Trong thành tựu chung của đất nước, có sự đóng góp tích cực của các tầng lớp phụ nữ Việt Nam. Là một lực lượng lao động xã hội đông đảo, phụ nữ Việt Nam đã tỏ rõ vai trò, khả năng, sức sáng tạo của mình trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thích ứng với sự hội nhập và phát triển theo xu thế chung của nhân loại” [59].

1.3.2.2. Đặc điểm của phẩm chất cơ bản của nữ giới

Hệ thống phẩm chất cơ bản của nữ giới được hình thành dựa trên quá trình nhận thức, đánh giá, rèn luyện một cách tự nguyện theo nhu cầu đặc trưng riêng của từng cá nhân. Vì vậy quá trình giáo dục nữ giới những phẩm chất tốt đẹp cần chú ý tới đặc điểm tâm lí, nhân cách của họ tránh chuyện rập khuôn, áp đặt.

Sự hình thành và phát triển các phẩm chất cơ bản của nữ giới bao giờ cũng chịu ảnh hưởng, chịu sự chi phối bởi sự định hướng phẩm chất của xã hội tại mỗi thời điểm, mỗi giai đoạn lịch sử nhất định. Do đó hệ thống phẩm chất của nữ sinh viên thời nay luôn có sự khác biệt so với thời xưa.

Các phẩm chất trong hệ thống phẩm chất cơ bản nữ giới có mối quan hệ tương hỗ tác động qua lại lẫn nhau. Và chúng có thể duy trì, phát triển, thay đổi và hoàn thiện theo thời gian phụ thuộc sự tích cực tự rèn luyện, tự giáo dục của mỗi cá nhân.

Sự hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới bị chi phối, chịu sự tác động thường xuyên của các yếu tố như gia đình, nhà trường, xã hội. Đặc biệt sự tự nhận thức, tự giáo dục, tự rèn luyện của mỗi nữ sinh viên đóng vai

trò quan trọng nhất.

1.3.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển các phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay

* Là một thực thể tồn tại trong tự nhiên và xã hội, con người chịu tác động bởi nhiều yếu tố. Các Mác đã nói “...bản chất con người là sự tổng hòa các mối quan hệ xã hội”. Vì vậy, việc định hướng phẩm chất cho giới nữ cũng bị chi phối bởi nhiều yếu tố. Có thể khái quát thành 2 nhóm tác động đến phẩm chất căn bản của giới nữ. Đó là nhóm yếu tố bên trong và nhóm yếu tố bên ngoài.

- **Nhóm yếu tố bên trong:** Là các yếu tố nằm ngay trong chính bản thân nữ giới như tự ý thức, tự giáo dục, tự rèn luyện, tính cách, sở thích, quan điểm, lý tưởng sống của mỗi người cũng như những trải nghiệm sống của chính bản thân họ trong suốt quá trình sống. Đây là yếu tố quyết định trực tiếp đến định hướng phẩm chất của nữ giới. Trong quá trình đó nữ giới: tự học, tự đọc, tự nghiên cứu, tự nghĩ, phân tích, thử nghiệm để tự rút ra kinh nghiệm, kết luận cho mình, hình thành nên những giá trị cho bản thân mình. Chính hoạt động thực tiễn của cá nhân là con đường cơ bản để tiếp thu, thử thách các phẩm chất. Trong thực tiễn đời sống, những quan niệm, niềm tin, tri thức, thái độ, hành vi... về các phẩm chất có được thực hiện trong hoạt động, giao tiếp...mới bộc lộ hết giá trị đích thực của nó trong những tình huống cụ thể, mới được kiểm nghiệm cái gì là có ích lợi, hiệu quả, được tán dương, chấp nhận và cái gì ngược lại.

- **Nhóm yếu tố bên ngoài:** Là các yếu tố không nằm bên trong bản thân nữ giới, mà họ bị tác động liên tục thường xuyên trong quá trình sống, thông qua các mối quan hệ của nữ giới trong gia đình, nhà trường và xã hội.

+ Gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường văn hóa xã hội đầu tiên và đặc biệt quan trọng đối với mỗi người. Môi trường văn hóa gia đình được tạo

dựng trên cơ sở tình yêu thương, đùm bọc lẫn nhau giữa các thành viên ruột thịt trong gia đình. Trong đó những người con, người cháu nhận được sự giáo dục, chỉ bảo từ những người lớn trong gia đình, dòng họ. Những suy nghĩ, tình cảm cũng như những định hướng giá trị của những người lớn trong gia đình ít nhiều cũng có tác động đến con cái, đặc biệt là trẻ nhỏ.

Như tác giả Nguyễn Khắc Viện đã nói: “Gia đình là nơi mà mỗi thành viên từ tấm bé được bồi dưỡng về mặt vật chất và tinh thần, là chỗ dựa khi cuộc sống ngoài xã hội gặp khó khăn. Gia đình là một tổ ấm”. Điều đó cho thấy gia đình có những tác động gần gũi, mạnh mẽ và thường xuyên nhất đến sự phát triển nhân cách của mỗi người. Thế giới quan, lý tưởng sống của ông bà cha mẹ hay cụ thể hơn là cách nghĩ, cách sống, cách nhìn nhận cuộc sống, văn hóa giao tiếp ứng xử, văn hóa tiêu dùng của người lớn trong gia đình cũng ảnh hưởng nhiều đến việc định hướng giá trị đạo đức con cháu.

Thậm chí ngay cả mức sống, mức thu nhập, trình độ học vấn, nghề nghiệp của cha mẹ cũng tác động ít nhiều đến sự lựa chọn và sắp xếp thứ bậc phẩm chất của con cái. Không ít các bạn nữ sinh ra và lớn lên trong gia đình nghèo, ba mẹ vất vả mưu sinh kiếm sống. Và trong suy nghĩ, tư tưởng của các bạn là làm sao để kiếm được nhiều tiền, thậm chí là bất chấp danh dự và tính mạng và điều này dẫn đến những hành vi đi ngược lại các giá trị đạo đức của dân tộc, gây nguy hiểm cho người khác và cho dân tộc.

Thực tế cho thấy chính sự gương mẫu của ông bà cha mẹ, những người lớn trong gia đình, cách cư xử, cách sống chuẩn mực đạo đức giữa ông bà với cha mẹ, giữa cha mẹ với con cái có những tác động thường xuyên, thấm nhuần và có những ảnh hưởng vô thức đến sự phát triển nhân cách mỗi người.

Trong thời buổi kinh tế thị trường hiện nay, khi mà sợi dây huyết thống kết nối các thành viên trong gia đình có phần lỏng lẻo thì điều cần thiết là trong mỗi gia đình cần xây dựng văn hóa gia đình, truyền thống gia đình. Truyền thống gia đình như một động lực, một sức mạnh tinh thần, một bệ

phóng vững chắc thôi thúc mỗi cá nhân phải phấn đấu, vững tin khi bước vào đời. Bên cạnh đó, truyền thống gia đình như thuốc kháng sinh có tác dụng bảo vệ và chống lại sự tha hóa của con người trong thời buổi phức tạp hiện nay, là góp phần không nhỏ trong việc giáo dục và định hướng các phẩm chất cho nữ giới.

Gia đình là môi trường xã hội đầu tiên của mỗi người. Sau này khi lớn khôn, mỗi người có thể chịu ảnh hưởng từ nhiều phía của nền văn hóa, nhưng những gì mà nền văn hóa gia đình hun đúc, những giá trị đạo đức mà mỗi người nhận được từ nền giáo dục gia đình vẫn in sâu, đậm nét trong mỗi người đến suốt cuộc đời.

+ Nhà trường

Bên cạnh sự tác động của gia đình, nhà trường cũng tác động mạnh mẽ đến việc hình thành những phẩm chất cho giới nữ. Thông qua lối sống của bạn bè trong lớp, những lời dạy bảo nhắc nhở từ thầy cô, sự gương mẫu, uy tín của thầy cô, cán bộ công nhân viên chức trong nhà trường đã tác động củng cố nhận thức, có sức thuyết phục và góp phần hình thành những phẩm chất cơ bản của nữ giới. Các phẩm chất tốt đẹp sẽ được củng cố thông qua các kiến thức trong sách vở, các hoạt động ngoại khóa trong nhà trường.

Xây dựng một môi trường lành mạnh, văn minh và đạo đức sẽ có những tác dụng tích cực và hiệu quả đối với sự hình thành những phẩm chất, hành vi và thói quen tốt của nữ giới.

+ Xã hội

Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập và giao lưu kinh tế, văn hóa ngày càng sâu rộng. Đòi hỏi chúng ta phải hết sức linh hoạt và nhạy bén để bắt kịp với những lợi thế của nền kinh tế thị trường, đồng thời phải đẩy lùi những mâu thuẫn, nguy cơ có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến quá trình phát triển của xã hội nói chung và đối với công tác giáo dục phẩm chất căn bản cho nữ giới nói riêng. Vì mặt trái của cơ chế thị trường luôn phát sinh những vấn nạn

trong xã hội như: ô nhiễm môi trường, tham nhũng, lai căng văn hóa, lối sống thực dụng, hay sự suy đồi và đảo lộn các giá trị truyền thống của cha ông... Những việc làm vô đạo đức trong xã hội mà báo chí đưa tin ngày càng nhiều khiến chúng ta không khỏi giật mình và suy ngẫm về sự xuống cấp về phẩm chất trong một bộ phận giới trẻ hiện nay mà đặc biệt là nữ giới.

Bên cạnh đó, sự sai phạm, lợi dụng chức quyền, tham ô, tham nhũng của một số vị quan chức đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc định hướng phẩm chất của học sinh, sinh viên nói chung và nữ giới nói riêng. Không ít các em thấy hoang mang khi những phẩm chất tốt đẹp được học từ gia đình và nhà trường nhưng lại không được củng cố ngoài xã hội. Tại đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định rằng: “tình trạng tham nhũng, suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta”.

Nhận thức được điều này, những năm qua, Đảng và Nhà nước, các cơ quan đoàn thể đã và đang có những việc làm, những chủ trương chính sách để nâng cao việc giáo dục và định hướng những phẩm chất tốt đẹp cho nữ giới: Nghị quyết Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ XI (nhiệm kỳ 2012-2017) đã đề ra mục tiêu xây dựng "Xây dựng người phụ nữ Việt Nam yêu nước, có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu. Và đề án Bốn phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ CNH-HĐH là “Tự trọng, Tự tin, Đảm đang, Trung hậu”. Ngoài ra còn có những phong trào xây dựng gia đình văn hóa, tổ, ấp, khu phố văn hóa, gia đình hiếu học. Hội những người cao tuổi Việt Nam phát động phong trào “ông bà, cha mẹ gương mẫu, con cháu thảo hiền” hay cuộc vận động trong trường học “mỗi thầy giáo cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”

Tóm lại, việc định hướng phẩm chất căn bản nữ giới chịu ảnh hưởng bởi

hiều yếu tố như sự giáo dục trong gia đình, nhà trường, xã hội... Trong đó, yếu tố đóng vai trò quan trọng đến sự lựa chọn, định hướng phẩm chất ở mỗi nữ giới đó chính là sự tự nhận thức, tự giáo dục, tự rèn luyện, tự đánh giá của bản thân họ.

1.4. Một số tiêu chí đánh giá về đánh giá của sinh viên về phẩm chất cơ bản nữ giới.

Đánh giá của sinh viên được đánh giá qua việc sinh viên lựa chọn theo mong muốn của bản thân về những phẩm chất cơ bản nữ giới trong 6 nhóm (Nhóm phẩm chất đối với bản thân; Nhóm phẩm chất đối với gia đình; Nhóm phẩm chất đối với người yêu; Nhóm phẩm chất đối với công việc; Nhóm phẩm chất đối với quan hệ xã hội; Nhóm phẩm chất đối với đất nước) hiện nay đang theo hướng nào: Truyền thống; Hiện đại; Có sự kế thừa bổ sung hợp lý.

Phẩm chất truyền thống

Phẩm chất truyền thống cơ bản của nữ giới là những phẩm chất được hình thành từ lâu đời trong lối sống và nếp nghĩ của nữ giới và được truyền từ đời này sang đời khác. Những phẩm chất truyền thống tiêu biểu của nữ giới được thể hiện trong luận văn là: Tự trọng; Dịu dàng; Kín đáo; Từ tốn; Đoan trang; Giản dị; Tiết kiệm; Vị tha; Đảm đang; Hiếu thảo; Nhường nhịn; Trung thực; Kính trọng; Biết ơn; Chung thủy; Hi sinh; Siêng năng; Tháo vát; Kiên nhẫn; Chấp nhận; Giữ lời hứa; Quan tâm giúp đỡ; Cẩn thận; Chu đáo; Yêu nước; Nhân ái; Tự hào dân tộc; Biết ơn thế hệ đi trước...

Nếu sinh viên chọn số lượng phẩm chất truyền thống nhiều hơn phẩm chất hiện đại thì ta kết luận đánh giá của sinh viên về phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay mang đậm nét truyền thống.

Phẩm chất hiện đại

Phẩm chất hiện đại cơ bản của nữ giới là những phẩm chất đang tồn tại hiện nay của nữ giới và chúng gắn liền với sự phát triển, tạo ra những giá trị

mới đáp ứng nhu cầu của xã hội ngày nay. Những phẩm chất hiện đại tiêu biểu của nữ giới được thể hiện trong luận văn là: Hiểu biết công nghệ; Tự tin; Có mục tiêu, lý tưởng; Thích ứng tốt; Năng động; Biết làm đẹp; Mạnh mẽ; Thẳng thắn; Hải hươc; Có chính kiến; Độc lập tài chính; Tự hoàn thiện bản thân; Ham học hỏi; Ứng xử khéo léo; Công bằng; Biết tổ chức; Sáng tạo; Hòa đồng; Linh hoạt; Nhạy bén; Hợp tác; Ý thức pháp luật; Tích cực tham gia các hoạt động xã hội...

Nếu sinh viên chọn số lượng phẩm chất hiện đại nhiều hơn phẩm chất truyền thống thì ta kết luận đánh giá của sinh viên về phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay mang đậm nét hiện đại.

Phẩm chất có sự kế thừa và bổ sung hợp lý

Những phẩm chất truyền thống cơ bản của nữ giới và những phẩm chất hiện đại cơ bản của nữ giới trong sự phát triển của xã hội có mối quan hệ biện chứng với nhau, tác động qua lại lẫn nhau. Do đó tạo nên một hướng tiếp cận mới là phẩm chất nữ giới có sự kế thừa và bổ sung hợp lý. Trong đó, những phẩm chất truyền thống cơ bản của nữ giới là cơ sở, là tiền đề cho những phẩm chất hiện đại cơ bản của nữ giới và những phẩm chất hiện đại cơ bản của nữ giới là sự kế thừa, phát triển nâng cao của những phẩm chất truyền thống cơ bản của nữ giới.

Để kết luận đánh giá của sinh viên về phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay có sự kế thừa và bổ sung hợp lý thì ta căn cứ vào hai điều kiện. Thứ nhất: Phẩm chất cơ bản nữ giới phải bao gồm cả phẩm chất truyền thống và phẩm chất hiện đại. Thứ hai: Số lượng phẩm chất truyền thống và hiện đại phải có sự trùng khớp với danh sách mức độ cần thiết của các phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay mà các sinh viên đã chọn.

Tiểu kết chương 1

Phẩm chất cơ bản nữ giới là những phẩm chất làm nền tảng, làm cơ sở cho toàn bộ hệ thống phẩm chất của giới nữ nói chung. Nó là những thuộc tính, những đặc điểm tinh thần của giới nữ được quy định, hình thành và phát triển thông qua hoạt động và giao tiếp của họ. Đồng thời chi phối toàn bộ đời sống và hoạt động nghề nghiệp của họ. Trải qua sự phát triển và đi lên của dân tộc Việt Nam thì phẩm chất nữ giới cũng có sự kế thừa và bổ sung để phù hợp với thời đại. Cụ thể trong đề tài này, sinh viên đánh giá phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay mang đậm nét hiện đại tuy nhưng bên cạnh đó cũng có những phẩm chất truyền thống được sinh viên đánh giá cao và có sự kế thừa phát triển theo thời gian. Đây là hình mẫu nữ giới mà sinh viên mong muốn. Tiêu biểu như, bên cạnh các phẩm chất truyền thống của nữ giới như: Hiếu thảo, kính trọng với cha mẹ...; Siêng năng, cần cù trong công việc...; Thủy chung trong tình yêu...thì sinh viên cho rằng, nữ giới hiện nay cũng có rất nhiều phẩm chất hiện đại như: Đối với bản thân thì nữ giới: Biết chăm sóc sức khỏe; Biết làm đẹp và tự xây dựng mục tiêu, lý tưởng cho mình...; Trong giao tiếp tương tác với người khác thì nữ giới có: Sự Tự tin; Ứng xử khéo léo...; Trong công việc thì nữ giới biết: Cầu tiến, Năng động, Sáng tạo... để đáp ứng được nhu cầu của xã hội hiện nay.

Tổng quan về lịch sử nghiên cứu vấn đề cho thấy ở Việt Nam vấn đề phẩm chất cơ bản nữ giới ngày càng được quan tâm và nghiên cứu. Để xây dựng hình mẫu nữ giới gồm những phẩm chất phù hợp với thời đại. Đồng thời góp phần vào việc hỗ trợ sinh viên nữ trau dồi và hoàn thiện phẩm chất của bản thân.

Cơ sở lý luận của đề tài cho thấy để tạo thuận lợi cho đề tài nghiên cứu cần làm rõ các khái niệm: Đánh giá, phẩm chất cơ bản, phẩm chất cơ bản nữ giới; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới. Trên cơ sở đó cũng xây dựng những tiêu chí đánh giá về đánh giá của sinh viên về phẩm chất cơ bản nữ giới.

Chương 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ THỰC TRẠNG ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VỀ PHẨM CHẤT CƠ BẢN NỮ GIỚI

2.1. Khái quát về quá trình nghiên cứu

2.1.1. Mô tả mẫu nghiên cứu

Bảng 2.1: Mô tả thành phần trong mẫu nghiên cứu (đơn vị: số người)

Trường	Giới tính		Khu vực cư trú	
	Nam	Nữ	HCM	Tỉnh
ĐHSP	76	74	74	76
ĐHKT	75	75	75	75
ĐHMT	75	75	74	76
Tổng	226	224	223	227
	450		450	

Nhận xét:

Quan sát bảng 2.1 ta thấy mẫu nghiên cứu gồm 450 sinh viên thuộc 3 trường gồm ĐHSP, ĐHKT, ĐHMT. Cụ thể như sau:

+ Trong 150 sinh viên trường ĐHSP có 76 sinh viên nam và 74 sinh viên nữ. Trong đó có 74 sinh viên đến từ Tp.HCM và 76 sinh viên đến từ các tỉnh khác.

+ Trong 150 sinh viên trường ĐHKT có 75 sinh viên nam và 75 sinh viên nữ. Trong đó có 75 sinh viên đến từ Tp.HCM và 75 sinh viên đến từ các tỉnh khác.

+ Trong 150 sinh viên trường ĐHMT có 75 sinh viên nam và 75 sinh viên nữ. Trong đó có 74 sinh viên đến từ Tp.HCM và 76 sinh viên đến từ các tỉnh khác.

Như vậy, mẫu nghiên cứu gồm 226 sinh viên nam, 224 sinh viên nữ. Trong đó có 223 sinh viên đến từ Tp.HCM và 227 sinh viên đến từ các tỉnh thành khác.

2.1.2. Công cụ nghiên cứu

Để khảo sát đánh giá của sinh viên một số trường tại Tp.HCM về phẩm chất cơ bản nữ giới một cách khách quan và hiệu quả, chúng tôi đã tiến hành xây dựng bảng hỏi theo các bước sau:

- Bước 1: Chúng tôi lập hệ thống câu hỏi mở, tiến hành thăm dò sơ bộ trên 150 sinh viên của ba trường: ĐHSP, ĐHKT, ĐHMT (phụ lục 1).

- Bước 2: Trên cơ sở kết quả điều tra bằng câu hỏi mở, kết hợp với những vấn đề lý luận, chúng tôi xây dựng phiếu điều tra chính thức dành cho sinh viên.

Phiếu điều tra chính thức gồm 2 phần: thông tin chung và ý kiến

A. Thông tin chung

+ Trường: ĐHSP tương ứng với 1, ĐHKT tương ứng với 2, ĐHMT tương ứng với 3.

+ Giới tính: Nam tương ứng với 1, Nữ tương ứng với 2.

+ Khu vực cư trú: Tp.HCM tương ứng với 1, tỉnh tương ứng với 2.

B. Ý kiến gồm 5 câu chính với những mục đích cụ thể sau:

+ Phần 1: Nhằm tìm hiểu đánh giá của sinh viên về những phẩm chất cơ bản của nữ giới hiện đang có. Dựa trên 77 phẩm chất phổ biến của nữ giới được các bạn sinh viên chọn nhiều nhất trong 150 phiếu hỏi mở, người nghiên cứu chia thành 6 nhóm nhỏ: Nhóm phẩm chất đối với bản thân; Nhóm phẩm chất đối với gia đình; Nhóm phẩm chất đối với người yêu; Nhóm phẩm chất đối với công việc; Nhóm phẩm chất đối với các mối quan hệ xã hội; Nhóm phẩm chất đối với đất nước (có một số phẩm chất trùng lặp ở các nhóm). Trong đó, sinh viên sẽ chọn 7 phẩm chất đối với bản thân, 5 phẩm chất đối với gia đình, 3 phẩm chất đối với người yêu, 5 phẩm chất đối với công việc, 3

phẩm chất đối với các mối quan hệ xã hội, 3 phẩm chất đối với đất nước. Trong mỗi nhóm phẩm chất, phẩm chất nào sinh viên chọn tương ứng với 1; Phẩm chất nào sinh viên không chọn tương ứng với 2.

+ Phần 2: Nhằm tìm hiểu đánh giá của sinh viên về mức độ quan trọng của những phẩm chất cơ bản cần có của nữ giới hiện nay. Người nghiên cứu vẫn sử dụng 6 nhóm phẩm chất ở phần 1 để sinh viên đánh giá. Với mỗi phẩm chất người trả lời sẽ chọn 1 trong 5 mức độ: “Rất cần thiết”; “Cần thiết”; “Bình thường”; “Không cần thiết”; “Hoàn toàn không cần thiết”. Cách tính điểm: “Rất cần thiết” tương ứng với điểm 5; “Cần thiết” tương ứng với điểm 4; “Bình thường” tương ứng với điểm 3; “Không cần thiết” tương ứng với điểm 2; “Hoàn toàn không cần thiết” tương ứng với điểm 1.

+ Phần 3: Nhằm tìm hiểu đánh giá của sinh viên về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội, bản thân nữ giới đến sự hình thành và phát triển các phẩm chất cơ bản của nữ giới hiện nay. Với mỗi phẩm chất người trả lời sẽ chọn 1 trong 5 mức độ: “Ảnh hưởng rất nhiều”; “Ảnh hưởng nhiều”; “Phân vân”; “Ít ảnh hưởng”; “Không ảnh hưởng”. Cách tính điểm “Ảnh hưởng rất nhiều” tương ứng với 5 điểm; “Ảnh hưởng nhiều” tương ứng với 4 điểm; “Phân vân” tương ứng với 3 điểm; “Ít ảnh hưởng” tương ứng với 2 điểm; “Không ảnh hưởng” tương ứng với 1 điểm.

+ Phần 4: Nhằm tìm hiểu mong đợi của sinh viên về những điều mà bản thân nữ giới cần làm để đảm bảo và phát huy những phẩm chất cơ bản của họ hiện nay. Với mỗi mong đợi người trả lời sẽ chọn 1 trong 3 mức độ: “Cần thiết”; “Phân vân”; “Không cần thiết”. Cách cho điểm “Cần thiết” tương ứng với 3 điểm; “Phân vân” tương ứng với 2 điểm; “Không cần thiết” tương ứng với 1 điểm.

+ Phần 5: Nhằm tìm hiểu đánh giá của sinh viên về những hỗ trợ từ gia đình, nhà trường, xã hội để đảm bảo và phát huy những phẩm chất cơ bản của nữ giới hiện nay. Với mỗi hỗ trợ trong từng nhóm gia đình, nhà trường, xã hội

người trả lời sẽ chọn 1 trong 3 mức độ: “Cần thiết”; “Phân vân”; “Không cần thiết”. Cách cho điểm “Cần thiết” tương ứng với 3 điểm; “Phân vân” tương ứng với 2 điểm; “Không cần thiết” tương ứng với 1 điểm.

- Thang đánh giá:

+ Với thang 5 mức độ, cách cho điểm từ 1-5 điểm tương ứng theo mức độ cần thiết tăng dần từ thấp đến cao, theo đó kết quả thu được ở từng câu hỏi được quy đổi thành các mức độ tương ứng như sau:

ĐTB	Mức độ	
1,0-1,79	Hoàn toàn không cần thiết	Không ảnh hưởng
1,80-2,59	Không cần thiết	Ít ảnh hưởng
2,6-3,39	Bình thường	Phân vân
3,4-4,19	Cần thiết	Ảnh hưởng nhiều
4,2-5,0	Rất cần thiết	Ảnh hưởng rất nhiều

+ Với thang 3 mức độ, cách cho điểm từ 1-3 điểm tương ứng với mức độ cần thiết tăng dần từ thấp đến cao, theo đó kết quả thu được ở từng câu hỏi được quy đổi thành các mức độ tương ứng như sau:

ĐTB	Mức độ
1,0 - 1,65	Không cần thiết
1,66 - 2,31	Phân vân
2,32 - 3	Cần thiết

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Khảo sát đánh giá chung của sinh viên về thực trạng phẩm chất cơ bản nữ giới ngày nay

Bảng 2.2: Đánh giá chung của sinh viên về thực trạng phẩm chất cơ bản của nữ giới hiện nay

STT	Nội dung	N	%	TB
1	Những phẩm chất truyền thống chiếm lĩnh	60	13,3	3
2	Những phẩm chất hiện đại chiếm lĩnh	167	37,1	1
3	Có những biểu hiện tiêu cực	49	10,9	5
4	Những phẩm chất có sự kế thừa và bổ sung hợp lý	117	26,0	2
5	Phân vân	57	12,7	4
Tổng		450	100,0	

Nhận xét:

Nhìn vào bảng 2.2 ta thấy đánh giá của sinh viên về thực trạng thay đổi các phẩm chất cơ bản của nữ giới hiện nay có sự phân hóa rõ rệt. Cụ thể, trong 450 sinh viên của 3 trường đại học được khảo sát ta thấy: Có tới 37,1% sinh viên cho rằng phẩm chất hiện đại đang chiếm số lượng lớn hơn so với các phẩm chất khác trong hệ thống phẩm chất cơ bản nữ giới. Tiếp đến có 26,0% sinh viên đánh giá phẩm chất cơ bản của nữ giới hiện nay có sự kế thừa và bổ sung hợp lý. Kế đến có 13,3% sinh viên đánh giá những phẩm chất nữ giới hiện nay mang đậm nét truyền thống. Và kế cuối có 12,7% sinh viên đang phân vân không biết phẩm chất nữ giới hiện nay đang có những thay đổi như thế nào. Cuối cùng chỉ có một số rất ít sinh viên cho rằng những phẩm chất của nữ giới hiện nay đang có biểu hiện tiêu cực chiếm 10,9%. Điều này là một tín hiệu đáng mừng về thực trạng phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay. Vì chỉ có một số ít khoảng 23,6% sinh viên đang trong tình trạng phân vân

hoặc cho rằng những phẩm chất của nữ giới đang có biểu hiện tiêu cực, có tới 76,4% sinh viên cho rằng phẩm chất nữ giới đang có những biểu hiện tích cực: hoặc mang tính hiện đại hoặc truyền thống hoặc có sự kế thừa bổ sung hợp lý. Mặc dù vậy, con số này chưa đủ để khẳng định về sự hiểu biết của sinh viên về phẩm chất cơ bản nữ giới, vì đây chỉ là ý kiến chủ quan của sinh viên, và chưa có chứng cứ nào chứng minh những hiểu biết ấy là đúng đắn.

2.2.2. Khảo sát về một số phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay đang có

Bảng 2.3: Đánh giá của sinh viên về những phẩm chất cơ bản đang có của nữ giới hiện nay

STT	Phẩm chất	N	%	TB
I. Đối với bản thân (7 phẩm chất)				
1	Biết làm đẹp	242	53,8	1
2	Năng động	175	38,9	2
3	Mạnh mẽ	149	33,1	3
4	Tự tin	146	32,4	4
5	Biết chăm sóc sức khỏe	139	30,9	5
6	Có mục tiêu, lý tưởng	134	29,8	6
7	Ham học hỏi	130	28,9	7
II. Đối với gia đình (5 phẩm chất)				
1	Hiếu thảo	214	47,6	1
2	Quan tâm giúp đỡ	210	46,7	2
3	Kính trọng	194	43,1	3
4	Chu đáo	175	38,9	4
5	Ứng xử khéo léo	166	36,9	5
III. Đối với người yêu (3 phẩm chất)				
1	Độc lập	182	40,4	1
2	Yêu thương	173	38,4	2
3	Thẳng thắn	167	37,1	3
IV. Đối với công việc (5 phẩm chất)				
1	Cầu tiến	202	44,9	1
2	Sáng tạo	163	36,2	2

3	Nhạy bén	160	35,6	3
4	Siêng năng	158	35,1	4
5	Năng động	148	32,9	5
V. Đối với các mối quan hệ xã hội (3 phẩm chất)				
1	Ứng xử khéo léo	280	62,2	1
2	Hòa đồng	250	55,6	2
3	Quan tâm giúp đỡ	113	25,1	3
VI. Đối với đất nước (3 phẩm chất)				
1	Ý thức pháp luật	227	50,4	1
2	Yêu nước	195	43,3	2
3	Tham gia tích cực các hoạt động xã hội	192	42,7	3

Nhận xét:

Quan sát bảng 2.3 ta thấy, đánh giá của sinh viên về những phẩm chất cơ bản đang có của nữ giới hiện nay mang tính hiện đại được thể hiện ở 6 nhóm phẩm chất như sau:

+ **Đối với bản thân:** Dựa vào bảng 2.3 ta thấy trong 31 phẩm chất thuộc nhóm này sinh viên lựa chọn 7 phẩm chất thì sinh viên lựa chọn “Biết làm đẹp” là phẩm chất đang có rõ rệt nhất của nữ giới với 53,8%. Lý giải cho điều này, một sinh viên trường ĐHKHT chia sẻ hai lý do: Thứ nhất, do đất nước hội nhập, nữ giới được tiếp cận nhiều cách thức làm đẹp phong phú, chính điều đó đã thúc đẩy họ học cách làm đẹp. Thứ hai, do yêu cầu của xã hội hiện nay đối với người đi làm là ngoài bằng cấp, năng lực thì cũng cần hình thức nên việc biết làm đẹp là một điều quan trọng; Xếp thứ bậc 2 là phẩm chất “Năng động” chiếm 38,9%; Xếp thứ bậc 3 là phẩm chất “Mạnh mẽ” với 33,1%; Xếp thứ bậc 4 là “Tự tin” chiếm 32,4%; Xếp thứ bậc 5 là “Biết chăm sóc sức khỏe” chiếm 30,9%; Tiếp đến là phẩm chất “Có mục tiêu lý tưởng” với 29,8% và cuối cùng là “Ham học hỏi” chiếm 28,9%. 7 phẩm chất sinh viên lựa chọn trong nhóm này đều mang tính hiện đại. Qua đó cho thấy, nữ giới ngày nay

rất nhanh nhạy trong việc nắm bắt nhu cầu xã hội và tự xây dựng cho mình những phẩm chất đáp ứng nhu cầu xã hội cao.

+ **Đối với gia đình:** Theo tỉ lệ % ta thấy trong 17 phẩm chất thuộc nhóm này thì sinh viên chọn “Hiếu thảo” là phẩm chất đang có rõ nhất của nữ giới chiếm 47,6%. Lý giải cho vấn đề này một sinh viên ĐHMT chia sẻ hiếu thảo là một nét đẹp văn hóa đã trở thành truyền thống, tiêu biểu cho cốt cách con người Việt Nam, là bước đi đầu tiên trên con đường hoàn thiện nhân cách và đạo đức. Nên phẩm chất này rất được các gia đình Việt chú trọng rèn luyện cho con cái ngay từ nhỏ; Xếp thứ bậc 2 là phẩm chất “Quan tâm giúp đỡ” với 46,7%; Xếp thứ bậc 3 là phẩm chất “Kính trọng” với 43,1%; Kế cuối là phẩm chất “Chu đáo” chiếm 38,9%; Cuối cùng là “Ứng xử khéo léo” với 36,9%.

+ **Đối với người yêu:** Quan sát tỉ lệ % ta thấy trong 10 phẩm chất thuộc nhóm này thì sinh viên chọn “Độc lập” là phẩm chất đang có rõ rệt nhất của nữ giới với 40,4%; Kế đến là phẩm chất “Yêu thương” chiếm 38,4%; Cuối cùng là phẩm chất “Thẳng thắn” chiếm 37,1%. Lý giải cho 3 nhận định trên một sinh viên trường ĐHSP chia sẻ các bạn nữ ngày nay rất chủ động trong tình yêu, họ có thể tìm kiếm đối tượng mình thích, tìm hiểu một thời gian nếu hợp thì tiến tới, không hợp thì chia tay. Họ có sự độc lập và thẳng thắn trong tình yêu. Và điều đặc biệt các bạn không chấp nhận việc “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” như ngày xưa nữa.

+ **Đối với công việc:** Quan sát tỉ lệ % ta thấy trong 18 phẩm chất thuộc nhóm này thì sinh viên chọn “Cầu tiến” là phẩm chất đang có rõ rệt nhất của nữ giới chiếm 44,9%; Xếp thứ bậc 2 là phẩm chất “Sáng tạo” với 36,2%; Kế đến là phẩm chất “Nhạy bén” với 35,6%; Kế cuối là phẩm chất “Siêng năng” chiếm 35,1%; Cuối cùng là phẩm chất “Năng động” với 32,9%.

+ **Đối với các mối quan hệ xã hội:** Quan sát tỉ lệ % ta thấy trong 13 phẩm chất thuộc nhóm này thì sinh viên chọn “Ứng xử khéo léo” là phẩm chất đang có rõ nhất của nữ giới chiếm 62,2%; Kế đến là phẩm chất “Hòa

đồng” với 55,6%; Cuối cùng là phẩm chất “Quan tâm giúp đỡ” chiếm 25,1%.

+ **Đối với đất nước:** Quan sát tỉ lệ % ta thấy trong 8 phẩm chất thuộc nhóm này thì sinh viên chọn “Ý thức pháp luật” là phẩm chất đang có rõ nhất của nữ giới chiếm 50,4%. Lý giải cho nhận định này một sinh viên trường ĐHMT chia sẻ hầu hết các bạn nữ đều nhận thức được tầm quan trọng của việc bản thân ý thức pháp luật. Họ cho rằng việc bản thân ý thức pháp luật không chỉ giúp cho họ tự bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong gia đình và xã hội, hòa nhập tốt vào các quan hệ xã hội mà còn giúp họ chủ động đóng góp nhiều hơn vào sự phát triển của đời sống xã hội. Đặc biệt, giúp họ nuôi dạy con cái của mình sau này trở thành một người công dân tốt; Kế đến là phẩm chất “Yêu nước” chiếm 43,3%; Cuối cùng là phẩm chất “Tích cực tham gia các hoạt động xã hội” chiếm 42,7%.

2.2.3. Khảo sát tính cần thiết của một số phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay

a. Khảo sát mức độ cần thiết của một số phẩm chất cơ bản nữ giới

Bảng 2.4: Đánh giá của sinh viên về mức độ cần thiết của một số phẩm chất cơ bản nữ giới

STT	PHẨM CHẤT	ĐTB	ĐLTC	TB
I. Đối với bản thân				
1	Khiêm tốn	3,67	0,97	15
2	Trung thực	3,86	0,96	7
3	Tự trọng	4,01	0,92	3
4	Trách nhiệm	4,01	0,95	3
5	Tự tin	3,88	0,98	6
6	Lạc quan	3,79	0,98	9
7	Năng động	3,77	0,98	11
8	Dịu dàng	3,40	1,02	22
9	Quyết đoán	3,73	0,99	12
10	Biết làm đẹp	3,80	1,05	8
11	Vô tư	3,29	1,14	23
12	Kín đáo	3,55	1,05	18
13	Gọn gàng	3,72	0,99	13

14	Duyên dáng	3,55	1,04	18
15	Từ tốn	3,40	1,00	22
16	Đoan trang	3,42	1,02	21
17	Giản dị	3,47	1,03	20
18	Thăng thản	3,65	1,03	16
19	Mạnh mẽ	3,70	1,07	14
20	Tiết kiệm	3,72	1,01	13
21	Hiểu biết công nghệ	3,63	1,05	17
22	Ham học hỏi	3,88	0,94	6
23	Biết chăm sóc sức khỏe	4,02	0,97	2
24	Có sức cuốn hút	3,70	1,04	14
25	Có mục tiêu, lý tưởng	4,08	0,98	1
26	Có chính kiến	3,97	0,86	5
27	Hài hước	3,52	0,93	19
28	Độc lập tài chính	3,70	1,09	14
29	Tự hoàn thiện bản thân	3,98	0,95	4
30	Chủ động	3,78	0,95	10
31	Thích ứng tốt	3,97	0,95	5
II. Đối với gia đình				
1	Vị tha	3,88	0,86	8
2	Tôn trọng	4,14	0,88	2
3	Đảm đang	3,92	0,94	5
4	Hiếu thảo	4,21	0,98	1
5	Chân thành	4,05	0,88	3
6	Chu đáo	3,87	0,91	9
7	Quan tâm giúp đỡ	3,86	0,92	10
8	Nhường nhịn	3,64	0,89	15
9	Trung thực	3,88	0,94	8
10	Biết ơn	3,94	0,97	4
11	Kính trọng	4,14	0,93	2
12	Thấu hiểu	3,82	0,90	12
13	Chia sẻ	3,80	0,91	13
14	Biết lắng nghe	3,84	0,92	11
15	Biết giữ lời hứa	3,90	0,97	6
16	Ứng xử khéo léo	3,89	1,03	7
17	Công bằng	3,73	1,01	14
III. Đối với người yêu				
1	Chung thủy	4,04	0,92	1
2	Tin tưởng	3,98	0,88	3

3	Trách nhiệm	3,90	0,90	5
4	Độc lập	3,72	0,97	8
5	Vị tha	3,76	0,88	7
6	Thẳng thắn	3,82	0,94	6
7	Chân thành	3,96	0,95	4
8	Yêu thương	4,04	0,98	1
9	Tôn trọng	4,00	0,97	2
10	Hi sinh	3,50	1,08	9
IV. Đối với công việc				
1	Siêng năng	3,92	0,96	6
2	Kiên nhẫn	3,91	0,91	7
3	Tháo vát	3,84	0,90	10
4	Linh hoạt	3,91	0,90	7
5	Thích nghi	3,84	0,94	10
6	Nhạy bén	3,86	0,88	9
7	Cầu tiến	3,94	0,93	5
8	Biết tổ chức	3,88	0,92	8
9	Hợp tác	3,83	0,94	11
10	Sáng tạo	3,92	1,03	6
11	Độc lập	3,79	1,00	12
12	Uy tín	3,98	0,98	4
13	Chu đáo	3,83	0,92	11
14	Nhiệt huyết	3,88	0,99	8
15	Năng động	3,92	1,02	6
16	Chủ động	4,04	0,89	3
17	Trung thực	4,05	0,86	2
18	Cẩn thận	4,06	0,92	1
V. Đối với các mối quan hệ xã hội				
1	Tôn trọng	4,03	0,90	2
2	Trung thực	4,00	0,91	3
3	Chân thành	3,90	0,91	6
4	Nhân hậu	3,77	0,92	11
5	Ứng xử khéo léo	4,10	0,89	1
6	Hòa đồng	3,97	0,93	4
7	Lắng nghe	3,81	0,94	9
8	Chia sẻ	3,80	0,88	10
9	Giữ lời hứa	3,93	0,95	5
10	Quan tâm giúp đỡ	3,87	0,87	7
11	Vị tha	3,67	0,94	12
12	Nhiệt tình	3,84	0,92	8

13	Chấp nhận	3,59	1,05	13
VI. Đối với đất nước				
1	Tự hào dân tộc	4,05	0,90	4
2	Đoàn kết cộng đồng	4,07	0,85	3
3	Nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội	4,03	0,88	6
4	Nhân ái	3,92	0,88	8
5	Biết ơn thế hệ đi trước	4,00	0,91	7
6	Yêu nước	4,04	1,00	5
7	Ý thức pháp luật	4,15	0,91	2
8	Trách nhiệm	4,21	0,94	1

Nhận xét:

Điểm trung bình cho thấy các phẩm chất trong 6 nhóm phẩm chất mà người nghiên cứu đưa ra, lựa chọn của sinh viên đều có điểm trung bình từ 3,29-4,21 tức ở mức từ bình thường đến rất cần thiết. Đây là một tín hiệu đáng mừng bởi phần lớn các bạn nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng những phẩm chất tốt đẹp cho bản thân để hoàn thiện nhân cách và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Nó được thể hiện như sau:

+ **Nhóm phẩm chất đối với bản thân:** Lựa chọn của sinh viên ở mức từ bình thường đến cần thiết với điểm trung bình từ 3,29-4,08. Cụ thể theo đánh giá của sinh viên thì nữ giới cần “Xây dựng mục tiêu lý tưởng” là quan trọng nhất có điểm trung bình 4,08; Xếp thứ bậc 2 là phẩm chất “Biết chăm sóc sức khỏe” có điểm trung bình 4,02; Xếp thứ bậc 3 là 2 phẩm chất “Tự Trọng” và “Trách nhiệm” có điểm trung bình 4,01; Xếp thứ bậc 4 là phẩm chất “Tự hoàn thiện bản thân” có điểm trung bình 3,98; Xếp thứ bậc 5 trong nhóm này là phẩm chất “Thích ứng tốt” có điểm trung bình 3,97; Xếp thứ bậc 6 trong nhóm là 2 phẩm chất “Tự tin” và “Ham học hỏi”; Xếp thứ bậc 7 là phẩm chất “Trung thực” có điểm trung bình 3,86; Thấp nhất trong nhóm này là phẩm chất “Vô tư” có điểm trung bình 3,29.

+ **Nhóm phẩm chất đối với gia đình:** Lựa chọn của sinh viên ở mức từ

cần thiết đến rất cần thiết với điểm trung bình từ 3,64-4,21. Cụ thể, phẩm chất được sinh viên lựa chọn với mức độ đồng ý cao nhất là “Hiếu thảo” có điểm trung bình 4,21 hướng về mức rất cần thiết; Xếp thứ bậc 2 là phẩm chất “Kính trọng” và “Tôn trọng” có điểm trung bình 4,14; Xếp thứ bậc 3 trong nhóm là phẩm chất “Chân thành” có điểm trung bình 4,05; Xếp thứ bậc 4 là phẩm chất “Biết ơn” có điểm trung bình 3,94; Xếp thứ bậc 5 là phẩm chất “Đảm đang” có điểm trung bình 3,92; Thấp nhất trong nhóm này là phẩm chất “Nhuòng nhịn” có điểm trung bình 3,64.

+ **Nhóm phẩm chất đối với người yêu:** Lựa chọn của sinh viên đều ở mức cần thiết với điểm trung bình từ 3,50-4,04. Cụ thể, phẩm chất được các bạn sinh viên lựa chọn với mức độ đồng ý cao nhất là “Chung thủy” và “Yêu thương” đồng điểm trung bình khá cao 4,04. Xếp thứ bậc 2 là phẩm chất “Tôn trọng” điểm trung bình 4,00; Xếp thứ bậc 3 trong nhóm là phẩm chất “Tin tưởng” điểm trung bình 3,98; Thấp nhất trong nhóm này là phẩm chất “Hy sinh” có điểm trung bình 3,50.

+ **Nhóm phẩm chất đối với công việc:** Lựa chọn của sinh viên đều ở mức cần thiết với điểm trung bình từ 3,79-4,06. Cụ thể, theo đánh giá của các bạn sinh viên thì nữ giới cần nhất là phẩm chất “Cẩn thận” có điểm trung bình khá cao 4,06. Xếp thứ bậc 2 trong nhóm này là phẩm chất “Trung thực” có điểm trung bình gần bằng phẩm chất “Cẩn thận” là 4,05; Xếp thứ bậc 3 là phẩm chất “Chủ động” có điểm trung bình 4,04; Xếp thứ bậc 4 là phẩm chất “Uy tín” có điểm trung bình 3,98; Xếp thứ bậc 5 trong nhóm là phẩm chất “Cầu tiến” có điểm trung bình 3,94; Thấp nhất trong nhóm này là phẩm chất “Độc lập” có điểm trung bình 3,79.

+ **Nhóm phẩm chất đối với quan hệ xã hội:** Lựa chọn của sinh viên đều ở mức cần thiết. Cụ thể, theo sinh viên đánh giá thì nữ giới cần “Ứng xử khéo léo” có điểm trung bình khá cao 4,10. Xếp thứ bậc 2 trong nhóm phẩm chất này là phẩm chất “Tôn trọng” với điểm trung bình khá cao 4,03; Xếp thứ

bậc 3 là phẩm chất “Trung thực” có điểm trung bình 4,00; Thấp nhất trong nhóm này là “Chấp nhận” có điểm trung bình 3,59.

+ **Nhóm phẩm chất đối với đất nước:** Lựa chọn của sinh viên ở mức từ cần thiết đến rất cần thiết với điểm trung bình từ 3,92-4,21. Cụ thể, theo sinh viên thì nữ giới cần nhất là “Trách nhiệm” có điểm trung bình rất cao 4,21; Xếp thứ bậc 2 trong nhóm này là phẩm chất “Ý thức pháp luật” có điểm trung bình khá cao 4,15; Xếp thứ bậc 3 trong nhóm là phẩm chất “Đoàn kết cộng đồng” có điểm trung bình 4,07; Thấp nhất trong nhóm này là phẩm chất “Nhân ái” có điểm trung bình 3,92.

b. Kết quả so sánh những phẩm chất đang có của nữ giới và mức độ cần thiết của những phẩm chất đó trong thời điểm hiện nay

Bảng 2.5: So sánh những phẩm chất đang có của nữ giới và mức độ cần thiết của những phẩm chất đó

STT	Phẩm chất	Phẩm chất đang có			Mức độ cần thiết của phẩm chất đang có		
		N	%	TB	N	%	TB
I. Đối với bản thân (7 phẩm chất)							
1	Biết làm đẹp	242	53,8	1	450	3,80	8
2	Năng động	175	38,9	2	450	3,77	11
3	Mạnh mẽ	149	33,1	3	450	3,70	14
4	Tự tin	146	32,4	4	450	3,88	6
5	Biết chăm sóc sức khỏe	139	30,9	5	450	4,02	2
6	Có mục tiêu, lý tưởng	134	29,8	6	450	4,08	1
7	Ham học hỏi	130	28,9	7	450	3,88	6
II. Đối với gia đình (5 phẩm chất)							
1	Hiếu thảo	214	47,6	1	450	4,21	1
2	Quan tâm giúp đỡ	210	46,7	2	450	3,86	10
3	Kính trọng	194	43,1	3	450	4,14	2
4	Chu đáo	175	38,9	4	450	3,87	9
5	Ứng xử khéo léo	166	36,9	5	450	3,89	7
III. Đối với người yêu (3 phẩm chất)							
1	Độc lập	182	40,4	1	450	3,72	8

2	Yêu thương	173	38,4	2	450	4,04	1
3	Thăng thấn	167	37,1	3	450	3,83	6
IV. Đối với công việc (5 phẩm chất)							
1	Cầu tiến	202	44,9	1	450	3,94	5
2	Sáng tạo	163	36,2	2	450	3,92	6
3	Nhạy bén	160	35,6	3	450	3,86	9
4	Siêng năng	158	35,1	4	450	3,92	6
5	Năng động	148	32,9	5	450	3,92	6
V. Đối với các mối quan hệ xã hội (3 phẩm chất)							
1	Ứng xử khéo léo	280	62,2	1	450	4,10	1
2	Hòa đồng	250	55,6	2	450	3,97	4
3	Quan tâm giúp đỡ	113	25,1	3	450	3,87	7
VI. Đối với đất nước (3 phẩm chất)							
1	Ý thức pháp luật	227	50,4	1	450	4,15	2
2	Yêu nước	195	43,3	2	450	4,04	5
3	Tham gia tích cực các hoạt động xã hội	192	42,7	3	450	4,03	6

Nhận xét:

Kết quả so sánh các phẩm chất đang có của nữ giới với mức độ cần thiết của các phẩm chất đó cho thấy có những nét tương đồng và khác biệt như sau:

+ **Nhóm đối với bản thân:** So sánh những phẩm chất sinh viên đánh giá nữ giới đang có với mức độ cần thiết của các phẩm chất đó trong nhóm này ta thấy số liệu điều tra phản ánh sự khác biệt khá lớn trong suy nghĩ của sinh viên về những phẩm chất đang có và những phẩm chất thật sự cần cho nữ giới hiện nay cụ thể như sau: Phẩm chất “Biết làm đẹp” của nữ giới được đánh giá có thứ bậc cao nhất trong nhóm những phẩm chất đang có nhưng trong thực tế mức độ cần thiết của phẩm chất này lại rơi xuống thứ bậc 8 và có điểm trung bình là 3,80; Tiếp đến phẩm chất “Năng động” xếp thứ bậc 2 trong nhóm phẩm chất đang có nhưng mức độ cần thiết chỉ xếp thứ bậc 11

(3,77); Kế đến là phẩm chất “Mạnh mẽ” xếp thứ bậc 3 trong nhóm phẩm chất đang có nhưng mức độ cần thiết chỉ xếp thứ bậc 14 (3,70); Tiếp đến là phẩm chất “Tự tin” xếp thứ bậc 4 trong nhóm phẩm chất đang có thì mức độ cần thiết xếp thứ bậc 6 (3,88); Kế đến là phẩm chất “Biết chăm sóc sức khỏe” xếp thứ bậc 5 trong nhóm phẩm chất đang có lại có sự nhảy vọt thứ bậc về mức độ cần thiết lên xếp thứ bậc 2 (4,02) trong nhóm phẩm chất cần thiết; Kế cuối, xếp thứ bậc 6 trong nhóm phẩm chất đang có là “Có mục tiêu lý tưởng” lại nhảy vọt thứ bậc khá lớn được các bạn sinh viên đánh giá mức độ cần thiết cao nhất xếp thứ bậc 1 (4,08); Cuối cùng là phẩm chất “Ham học hỏi” xếp thứ bậc 7 thì mức độ cần thiết xếp thứ bậc 6 (3,88).

+ **Nhóm đối với gia đình:** Quan sát bảng 2.5 ta thấy đánh giá của sinh viên về những phẩm chất đang có của nữ giới với mức độ cần thiết của các phẩm chất đó trong nhóm này có những điểm tương đồng và khác biệt như sau: Điều khá thú vị là phẩm chất “Hiếu thảo” xếp thứ bậc 1 trong nhóm những phẩm chất đang có tương đồng với mức độ cần thiết của nó là xếp thứ bậc 1 (4,21). Khi phỏng vấn một sinh viên ĐHSP thì bạn chia sẻ rằng “Hiếu thảo” là một phẩm chất truyền thống tốt đẹp của dân tộc dù trải qua bao thế hệ nó vẫn giữ nguyên giá trị trong lòng người Việt và bản thân nữ giới cần phải giữ gìn và phát huy nó; Xếp thứ bậc 2 trong nhóm phẩm chất đang có là phẩm chất “Quan tâm giúp đỡ” có mức độ cần thiết rơi xuống thứ bậc 10 (3,86); Kế đến là phẩm chất “Kính trọng” xếp thứ bậc 3 trong nhóm phẩm chất đang có lại có mức độ cần thiết rất khả quan xếp thứ bậc 2 (4,14); Kế cuối là phẩm chất “Chu đáo” xếp thứ bậc 4 trong nhóm những phẩm chất đang có với mức độ cần thiết rơi xuống thứ bậc 9 (3,87); Cuối cùng là “Ứng xử khéo léo” xếp thứ bậc 5 trong nhóm những phẩm chất đang có thì mức độ cần thiết lại xếp thứ bậc 7 (3,89).

+ **Nhóm đối với người yêu:** So sánh những phẩm chất sinh viên đánh giá nữ giới đang có với mức độ cần thiết của các phẩm chất đó trong nhóm

này ta thấy số liệu điều tra phản ánh sự khác biệt cụ thể như sau: Đầu tiên phẩm chất “Độc lập” xếp thứ bậc 1 trong nhóm những phẩm chất đang có với mức độ cần thiết rơi xuống thứ bậc 8 (3,72); Kế đến, xếp thứ bậc 2 trong nhóm những phẩm chất đang có là phẩm chất “Yêu thương” lại có sự nhảy vọt thứ bậc về mức độ cần thiết tiến lên thứ bậc 1 (4,04). Theo phỏng vấn một bạn sinh viên ĐHSP thì “Yêu thương” là sợi dây kết nối 2 người với nhau và gia đình được xây dựng trên nền tảng yêu thương. Nếu không có yêu thương họ không thể tiến tới hôn nhân. Bản thân nữ giới cần phải gìn giữ và phát huy nó; Cuối cùng là phẩm chất “Thẳng thắn” xếp thứ bậc 3 trong nhóm những phẩm chất đang có với mức độ cần thiết rơi xuống thứ bậc 6 (3,82).

+ **Nhóm đối với công việc:** Quan sát bảng 2.5 ta thấy đánh giá của sinh viên về những phẩm chất đang có của nữ giới với mức độ cần thiết của các phẩm chất đó trong nhóm này có sự khác biệt khá lớn như sau: Đầu tiên phẩm chất “Cầu tiến” xếp thứ bậc 1 trong nhóm những phẩm chất đang có với mức độ cần thiết rơi xuống thứ bậc 5 (3,94); Kế đến, xếp thứ bậc 2 trong nhóm những phẩm chất đang có là phẩm chất “Sáng tạo” có mức độ cần thiết rơi xuống thứ bậc 6 (3,92); Tiếp đến, là phẩm chất “Nhạy bén” xếp thứ bậc 3 trong nhóm những phẩm chất đang có thì mức độ cần thiết rơi xuống thứ bậc 9 (3,86); Kế cuối là phẩm chất “Siêng năng” xếp thứ bậc 4 trong nhóm những phẩm chất đang có đồng thứ bậc mức độ cần thiết với phẩm chất “Sáng tạo” là xếp thứ bậc 6 (3,92); Cuối cùng xếp thứ bậc 5 trong nhóm những phẩm chất đang có là phẩm chất “Năng động” cũng đồng thứ bậc mức độ cần thiết với 2 phẩm chất “Sáng tạo” và “Siêng năng” là rơi xuống thứ bậc 6 (3,92).

+ **Nhóm đối với các quan hệ xã hội:** So sánh những phẩm chất sinh viên đánh giá nữ giới đang có với mức độ cần thiết của các phẩm chất đó trong nhóm này ta thấy số liệu điều tra phản ánh sự khác biệt và tương đồng như sau: Đầu tiên phẩm chất “Ứng xử khéo léo” xếp thứ bậc 1 trong nhóm những phẩm chất đang có với mức độ cần thiết cao nhất xếp thứ bậc 1 (4,10).

Theo phỏng vấn một bạn sinh viên ĐHMT thì phẩm chất này trong thực tế rất quan trọng và cần thiết để tương tác và kết nối với mọi người tốt hơn. Nếu thiếu nó sẽ rất khó khăn trong việc thiết lập và duy trì mối quan hệ cả trong công việc lẫn bạn bè; Xếp thứ bậc 2 trong nhóm những phẩm chất đang có là phẩm chất “Hòa đồng” có mức độ cần thiết rơi xuống thứ bậc 4 (3,97); Cuối cùng là phẩm chất “Quan tâm giúp đỡ” xếp thứ bậc 3 trong nhóm những phẩm chất đang có thì mức độ cần thiết rơi xuống thứ bậc 7 (3,87).

+ **Nhóm đối với đất nước:** Quan sát bảng 2.5 ta thấy đánh giá của sinh viên về những phẩm chất đang có của nữ giới với mức độ cần thiết của các phẩm chất đó trong nhóm này có những điểm khác biệt như sau: Đầu tiên là phẩm chất “Ý thức pháp luật” xếp thứ bậc 1 trong nhóm những phẩm chất đang có với mức độ cần thiết xếp thứ bậc 2 (4,15). Kế đến, xếp thứ bậc 2 trong nhóm những phẩm chất đang có là phẩm chất “Yêu nước” có mức độ cần thiết rơi xuống thứ bậc 5 (4,04); Cuối cùng là phẩm chất “Tích cực tham gia các hoạt động xã hội” xếp thứ bậc 3 trong nhóm những phẩm chất đang có với mức độ cần thiết rơi xuống thứ bậc 6 (4,03).

c. Kết quả so sánh về mức độ cần thiết của các nhóm phẩm chất theo giới tính, trường học và khu vực cư trú

Bảng 2.6: So sánh các nhóm phẩm chất theo thông số giới tính

Nhóm phẩm chất	Giới tính					
	Nam		Nữ		F df=1	P
	ĐTB	ĐLTC	ĐTB	ĐLTC		
I. Đối với bản thân	3,72	0,49	3,75	0,49	0,44	0,51
II. Đối với gia đình	3,89	0,58	3,94	0,54	0,92	0,34
III. Đối với người yêu	3,85	0,60	3,89	0,60	0,55	0,46
IV. Đối với công việc	3,89	0,57	3,93	0,58	0,54	0,46
V. Đối với các mối quan hệ xã hội	3,86	0,58	3,87	0,59	0,03	0,87
VI. Đối với đất nước	4,07	0,60	4,05	0,62	0,07	0,80

Nhận xét:

Kết quả so sánh mức độ cần thiết của 6 nhóm phẩm chất xét theo giới

tính không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa nam và nữ sinh viên cụ thể như sau: Nhóm đối với bản thân có điểm trung bình (Nam:3,72; Nữ:3,75); Nhóm đối với gia đình có điểm trung bình (Nam:3,89; Nữ:3,94); Nhóm đối với người yêu có điểm trung bình (Nam:3,85; Nữ:3,89); Nhóm đối với công việc có điểm trung bình (Nam:3,89; Nữ:3,93); Nhóm đối với quan hệ xã hội với điểm trung bình (Nam:3,86; Nữ:3,87); Nhóm đối với đất nước có điểm trung bình (Nam:4,07; Nữ: 4,05). Từ số liệu ta thấy trong 6 nhóm thì có 5 nhóm điểm trung bình của nữ lớn hơn của nam. Điều này chứng tỏ lựa chọn của sinh viên nữ hướng về mức rất cần thiết cao hơn sinh viên nam

Bảng 2.7: So sánh các nhóm phẩm chất theo thông số khu vực cư trú

Nhóm phẩm chất	Khu vực cư trú					
	Tp.HCM		Tỉnh		F	P
	ĐTB	ĐLTC	ĐTB	ĐLTC	df=1	
I. Đối với bản thân	3,70	0,50	3,77	0,48	2,26	0,13
II. Đối với gia đình	3,86	0,56	3,97	0,55	4,61	0,03
III. Đối với người yêu	3,83	0,62	3,92	0,57	2,80	0,10
IV. Đối với công việc	3,88	0,60	3,94	0,55	1,23	0,27
V. Đối với các mối quan hệ xã hội	3,87	0,60	3,86	0,57	0,02	0,90
VI. Đối với đất nước	4,02	0,61	4,09	0,62	1,61	0,21

Nhận xét:

Kết quả so sánh mức độ cần thiết của 6 nhóm phẩm chất xét theo khu vực cư trú có những lưu ý sau: Trong 6 nhóm thì chỉ có nhóm đối với gia đình là có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa sinh viên 2 khu vực cư trú cụ thể (Tp.HCM:3,86; Tỉnh:3,97;P=0,03). Các nhóm còn lại kết quả cho thấy không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa sinh viên 2 khu vực cư trú.

Bảng 2.8: So sánh các nhóm phẩm chất theo thông số trường học

Nhóm phẩm chất	Trường							F df=2	P
	ĐHSP		ĐHKT		ĐHMT				
	ĐTB	ĐLTC	ĐTB	ĐLTC	ĐTB	ĐLTC			
I. Đối với bản thân	3,80	0,38	3,67	0,52	3,72	0,55	2,92	0,06	
II. Đối với gia đình	4,11	0,51	3,82	0,51	3,81	0,59	14,94	0,00	
III. Đối với người yêu	4,06	0,53	3,77	0,61	3,79	0,62	11,62	0,00	
IV. Đối với công việc	4,08	0,48	3,88	0,59	3,77	0,61	11,68	0,00	
V. Đối với các mối quan hệ xã hội	3,95	0,53	3,84	0,57	3,82	0,64	2,11	0,12	
VI. Đối với đất nước	4,26	0,54	4,04	0,56	3,87	0,67	16,67	0,00	

Nhận xét:

Kết quả so sánh mức độ cần thiết của 6 nhóm phẩm chất xét theo trường học có những nét tương đồng và khác biệt như sau: Với 4 nhóm: Nhóm đối với gia đình (ĐHSP:4,11; ĐHKT:3,82; ĐHMT:3,81;P=0,00); Nhóm đối với người yêu (ĐHSP:4,06; ĐHKT:3,77; ĐHMT:3,79;P=0,00); Nhóm đối với công việc (ĐHSP:4,08; ĐHKT:3,88; ĐHMT:3,77;P=0,00); Nhóm đối với đất nước (ĐHSP:4,26; ĐHKT:4,04; ĐHMT:3,87;P=0,00) kết quả cho thấy có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa sinh viên 3 trường. Riêng 2 nhóm còn lại là nhóm đối với bản thân (ĐHSP:3,80; ĐHKT:3,67; ĐHMT:3,72) và nhóm đối với các mối quan hệ xã hội (ĐHSP:3,95; ĐHKT:3,84; ĐHMT:3,82) kết quả cho thấy không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa sinh viên 3 trường với 2 nhóm này.

2.2.4. Nhận định chung về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự hình thành và phát triển các phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay

a. Khảo sát mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự hình thành và phát triển các phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay

Bảng 2.9: Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển một số phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay

STT	YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG	ĐTB	SD	TB
I.Xã hội				
1	Lịch sử truyền thống dân tộc	3,67	1,08	5
2	Các quy định thành văn của pháp luật, xã hội và nhà trường	3,69	0,94	4
3	Các chuẩn mực đạo đức xã hội	3,92	0,92	2
4	Tôn giáo	3,50	1,06	7
5	Sách báo dạy làm người	3,37	1,02	8
6	Hoạt động tuyên truyền thời sự văn hóa, đạo đức, lối sống trên các phương tiện truyền thông	3,55	1,05	6
7	Sự phát triển của khoa học công nghệ	3,84	1,02	3
8	Sự hội nhập kinh tế, giao lưu văn hóa	3,93	0,91	1
II.Gia đình				
1	Lịch sử truyền thống gia đình	4,00	0,91	3
2	Trình độ học vấn của cha mẹ	3,71	1,05	4
3	Nghề nghiệp của cha mẹ	3,60	1,10	6
4	Lối sống của chính cha mẹ và người trong gia đình	4,05	0,98	2
5	Những lời dạy bảo nhắc nhở từ gia đình	4,10	0,89	1
6	Điều kiện kinh tế gia đình	3,61	1,10	5
III.Nhà trường				
1	Những kiến thức học từ sách vở	3,68	0,99	3
2	Lối sống của chính thầy cô giáo	3,62	1,09	5
3	Những lời dạy bảo nhắc nhở từ thầy cô giáo	3,70	1,00	2
4	Phong cách giảng dạy của thầy cô	3,61	1,05	5
5	Kỷ luật trong nhà trường	3,63	1,00	4
6	Các hoạt động phong trào trong nhà trường	3,53	1,03	6
7	Lối sống của bạn bè trong lớp	3,70	1,03	1
IV.Bản thân				
1	Sự tự nhận thức, tự giáo dục và rèn luyện của mỗi người	4,07	0,98	2
2	Tính cách của mỗi cá nhân	4,08	0,96	1
3	Mục đích, ước mơ, lý tưởng sống của mỗi người	4,05	0,95	3
4	Những kiến thức bản thân tự học thêm từ các khóa học ngoài đời	3,86	1,00	4
5	Thần tượng ở một lĩnh vực nào đó	3,61	1,12	5

Nhận xét:

Kết quả khảo sát đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới của sinh viên ở bảng 2.9 với 4 nhóm: Xã hội, gia đình, nhà trường và bản thân, tất cả sinh viên đều lựa từ mức phân vân đến ảnh hưởng nhiều với điểm trung bình từ 3,37-4,10. Cụ thể như sau:

+ **Xã hội:** Đánh giá của sinh viên đối với các nhận định về nhóm xã hội từ mức phân vân đến ảnh hưởng nhiều với điểm trung bình từ 3,37-3,93. Trong đó, nhận định có sức ảnh hưởng lớn nhất đến sự hình thành và phát triển phẩm chất nữ giới theo sinh viên là “Sự hội nhập kinh tế, giao lưu văn hóa” với số điểm trung bình 3,93. Thấp nhất trong nhóm này là nhận định “Sách báo dạy làm người” với điểm trung bình là 3,37.

+ **Gia đình:** Đánh giá của sinh viên đối với các nhận định thuộc về nhóm gia đình đều ở mức ảnh hưởng nhiều với điểm trung bình từ 3,60-4,10. Trong đó, nhận định có sức ảnh hưởng lớn nhất đến sự hình thành phẩm chất nữ giới theo sinh viên là “Những lời dạy bảo nhắc nhở từ gia đình” với số điểm cao 4,10 tức hướng về mức ảnh hưởng rất nhiều. Trong khi đó, nhận định “Nghề nghiệp cha mẹ” với số điểm 3,60 theo các bạn sinh viên là ít ảnh hưởng nhất đến sự hình thành và phát triển phẩm chất của nữ giới.

+ **Nhà trường:** Đánh giá của các bạn sinh viên đối với các nhận định thuộc về nhóm nhà trường đều ở mức ảnh hưởng nhiều với điểm trung bình từ 3,53-3,70. Trong đó, theo sinh viên nhận định có sức ảnh hưởng lớn nhất đến sự hình thành phẩm chất nữ giới là “Lối sống của bạn bè trong lớp” với 3,70 điểm tức hướng về mức ảnh hưởng rất nhiều. Trong khi đó, nhận định “Các hoạt động phong trào trong nhà trường” với 3,53 điểm là ảnh hưởng ít nhất đến sự hình thành và phát triển phẩm chất nữ giới. Lý giải cho nhận định này một bạn sinh viên trường ĐHSP cho rằng hiện nay các phong trào hoạt động trong các trường đại học còn thiếu và yếu về số lượng và chất lượng nên ảnh hưởng của các hoạt động đó đến sinh viên rất thấp.

+ **Bản thân:** Quan sát bảng 2.9, ta thấy đánh giá của sinh viên đối với các nhận định thuộc về nhóm bản thân đều mức ảnh hưởng nhiều với điểm trung bình từ 3,61-4,07. Nhận định được sinh viên cho là ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển phẩm chất nữ giới là “Tính cách mỗi cá nhân” có điểm trung bình cao 4,08; Kế đến là nhận định “Sự tự nhận thức, tự giáo dục và rèn luyện của mỗi người” có điểm trung bình gần bằng nhận định trên là 4,07. Nhận định được cho là ít ảnh hưởng nhất đến sự hình thành và phát triển phẩm chất nữ giới là “Thần tượng ở một lĩnh vực nào đó” có điểm trung bình 3,61.

2.2.5. Kết quả khảo sát mong đợi của sinh viên về những điều nữ giới cần làm để đảm bảo và phát huy phẩm chất cơ bản của họ hiện nay

a. Nhận định chung của sinh viên về những điều nữ giới cần làm để đảm bảo và phát huy phẩm chất cơ bản của họ hiện nay

Bảng 2.10: Đánh giá của sinh viên về những điều nữ giới cần làm để đảm bảo và phát huy phẩm chất cơ bản của họ

STT	NHẬN ĐỊNH	ĐTB	ĐLTC	TB
1	Xây dựng lập trường vững vàng	2,80	0,43	1
2	Biết lắng nghe và tiếp thu để sửa đổi những gì chưa hợp lý	2,74	0,47	2
3	Nhận thức được quyền và nghĩa vụ của bản thân	2,64	0,57	5
4	Không ngừng hoàn thiện bản thân	2,72	0,47	3
5	Biết tôn trọng những giá trị của bản thân	2,67	0,55	4
6	Chủ động trang bị cho bản thân những phẩm chất từ nhiều nguồn khác nhau (sách vở, phương tiện truyền thông, báo chí, thực tế cuộc sống)	2,58	0,58	6
7	Tự đặt ra những nguyên tắc sống cho bản thân	2,50	0,62	7
8	Mở rộng các mối quan hệ xã hội và tham gia các hoạt động, phong trào xã hội	2,58	0,62	6

Nhận xét:

Quan sát bảng 2.10, ta thấy đánh giá của sinh viên về 8 nhận định mong đợi về những điều nữ giới cần làm đều ở mức cần thiết với điểm trung bình từ 2,50-2,80. Trong đó, nhận định theo sinh viên cho là cần thiết nhất mà nữ giới phải làm là “Xây dựng lập trường vững vàng” có điểm trung bình 2,80. Lý giải cho nhận định này một sinh viên trường ĐHSP chia sẻ đất nước ta đang trong giai đoạn mở cửa, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Nữ giới Việt Nam đang đứng trước những tác động đa chiều, nhiều mặt của nền kinh tế thị trường. Không ít bộ phận giới trẻ mà đặc biệt là nữ giới đang chạy theo lối sống thực dụng, hưởng thụ, ảo tưởng do mặt trái của nền kinh tế thị trường tạo ra... Do vậy việc xây dựng lập trường vững vàng là một điều cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Kế đến là nhận định “Biết lắng nghe và tiếp thu để sửa đổi những gì chưa hợp lý” có điểm trung bình 2,74. Xếp thứ bậc 3 trong 8 nhận định trên là “Không ngừng hoàn thiện bản thân” có điểm trung bình 2,72. Nhận định “Biết tôn trọng những giá trị của bản thân” xếp thứ bậc 4 trong nhóm có điểm trung bình 2,67. Đứng thứ bậc 5 trong nhóm theo đánh giá của sinh viên là nhận định “Nhận thức được quyền và nghĩa vụ của bản thân” với điểm trung bình 2,64. Xếp thứ bậc 6 trong nhóm là 2 nhận định “Mở rộng các mối quan hệ xã hội và tham gia các hoạt động, phong trào xã hội” và “Chủ động trang bị cho bản thân những phẩm chất từ nhiều nguồn khác nhau (sách vở, phương tiện truyền thông, báo chí, thực tế cuộc sống)” với điểm trung bình 2,58. Có mức độ cần thiết thấp nhất theo đánh giá của sinh viên là nhận định “Tự đặt ra những nguyên tắc sống cho bản thân” có điểm trung bình 2,50.

b. Kết quả so sánh những điều nữ giới cần làm theo các thông số giới tính, khu vực cư trú và trường học

Bảng 2.11: So sánh những điều nữ giới cần làm theo thông số giới tính

Nhận định	Giới tính					
	Nam		Nữ		F df=1	P
	ĐTB	ĐLTC	ĐTB	ĐLTC		
1. Xây dựng lập trường vững vàng.	2,82	0,43	2,79	0,43	0,35	0,55
2. Biết lắng nghe và tiếp thu để sửa đổi những gì chưa hợp lý.	2,71	0,48	2,77	0,46	1,82	0,18
3. Nhận thức được quyền và nghĩa vụ của bản thân.	2,66	0,56	2,63	0,58	0,31	0,58
4. Không ngừng hoàn thiện bản thân.	2,70	0,48	2,75	0,47	0,89	0,35
5. Biết tôn trọng những giá trị của bản thân.	2,65	0,56	2,70	0,55	0,78	0,38
6. Chủ động trang bị cho bản thân những phẩm chất từ nhiều nguồn khác nhau (sách vở, phương tiện truyền thông, báo chí, thực tế cuộc sống).	2,52	0,61	2,64	0,54	4,97	0,03
7. Tự đặt ra những nguyên tắc sống cho bản thân.	2,46	0,63	2,55	0,62	2,78	0,10
8. Mở rộng các mối quan hệ xã hội và tham gia các hoạt động, phong trào xã hội.	2,52	0,63	2,63	0,60	3,70	0,06

Nhận xét:

Quan sát bảng 2.11 ta thấy, mong đợi của sinh viên về những điều nữ giới cần làm để đảm bảo và phát huy phẩm chất cơ bản của họ xét theo giới tính có những tương đồng và khác biệt cụ thể như sau: Trong 8 nhận định đưa ra thì chỉ có 1 nhận định “Chủ động trang bị cho bản thân những phẩm chất từ nhiều nguồn khác nhau (sách vở, phương tiện truyền thông, báo chí, thực tế

cuộc sống)” cho thấy có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa nhóm sinh viên nam và nữ (Nam:2,52; Nữ:2,64; P=0,03). Trong đó sinh viên nữ có điểm trung bình cao hơn so với sinh viên nam. Lý giải cho điều này một sinh viên trường ĐHSP cho rằng sinh viên nữ trong bất cứ việc gì điều luôn có sự chuẩn bị trước và thường chủ động tìm tòi học hỏi cái mới thông qua sách vở, báo chí, phương tiện truyền thông, thực tế cuộc sống nên họ cho rằng việc rèn luyện phẩm chất cơ bản nữ giới phải học hỏi từ nhiều nguồn khác nhau là quan trọng. Trong khi nam giới thì suy nghĩ mọi thứ cứ để nó đến tự nhiên và học hỏi cái mới thông qua các trải nghiệm từ những va vấp trong cuộc sống của chính họ nên họ đánh giá nhận định trên không cao bằng sinh viên nữ. Các nhận định còn lại cho thấy không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa 2 nhóm sinh viên nam và nữ.

Bảng 2.12: So sánh những điều nữ giới cần làm theo thông số khu vực cư trú

Nhận định	Khu vực cư trú					
	Tp.HCM		Tỉnh		F Df=1	P
	ĐTB	ĐLTC	ĐTB	ĐLTC		
1. Xây dựng lập trường vững vàng.	2,77	0,46	2,85	0,39	3,86	0,05
2. Biết lắng nghe và tiếp thu để sửa đổi những gì chưa hợp lý.	2,76	0,47	2,72	0,48	0,80	0,37
3. Nhận thức được quyền và nghĩa vụ của bản thân.	2,62	0,61	2,67	0,53	0,89	0,35
4. Không ngừng hoàn thiện bản thân.	2,74	0,48	2,71	0,46	0,24	0,63
5. Biết tôn trọng những giá trị của bản thân.	2,67	0,56	2,68	0,55	0,04	0,84
6. Chủ động trang bị cho bản thân những phẩm chất từ nhiều nguồn khác nhau (sách vở, phương tiện truyền thông, báo chí, thực tế	2,57	0,59	2,60	0,57	0,39	0,53

cuộc sống).						
7. Tự đặt ra những nguyên tắc sống cho bản thân.	2,50	0,64	2,51	0,61	0,01	0,94
8. Mở rộng các mối quan hệ xã hội và tham gia các hoạt động, phong trào xã hội.	2,59	0,62	2,56	0,62	0,23	0,63

Nhận xét:

Quan sát bảng 2.12 ta thấy, mong đợi của sinh viên về những điều nữ giới cần làm để đảm bảo và phát huy phẩm chất cơ bản của họ xét theo khu vực cư trú có những điểm đáng lưu ý như sau: Với 8 nhận định đưa ra thì chỉ có 1 nhận định “Xây dựng lập trường vững vàng” cho thấy có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê trong mong đợi của sinh viên 2 khu vực cư trú Tp.HCM và tỉnh (Tp.HCM: 2,77; Tỉnh:2,85; P=0,05). Ta thấy sinh viên tỉnh có điểm trung bình cao hơn sinh viên Tp.HCM. Một sinh viên trường ĐHMT được phỏng vấn lý giải điều này: khác với sinh viên Tp.HCM các sinh viên tỉnh có mối gắn bó với gia đình từ nhỏ đến khi lên đại học mới xa nhà và thành phố là một môi trường năng động, nhiều mới mẻ và là nơi tiếp nhận nhiều trao lưu mới vì thế việc xây dựng lập trường vững vàng là một điều quan trọng đối với các bạn. Các nhận định còn lại cho thấy không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa 2 nhóm sinh viên ở hai khu vực Tp.HCM và tỉnh.

Bảng 2.13: So sánh những điều nữ giới cần làm theo thông số trường học

Nhận định	Trường học							F df=2	P
	ĐHSP		ĐHKT		ĐHMT				
	ĐTB	ĐLTC	ĐTB	ĐLTC	ĐTB	ĐLTC			
1. Xây dựng lập trường vững vàng	2,89	0,38	2,80	0,40	2,73	0,49	4,93	0,01	
2. Biết lắng nghe và tiếp thu để sửa đổi những gì chưa hợp lý	2,92	0,27	2,69	0,50	2,61	0,54	18,34	0,00	

3. Nhận thức được quyền và nghĩa vụ của bản thân	2,87	0,35	2,62	0,58	2,44	0,66	23,91	0,00
4. Không ngừng hoàn thiện bản thân	2,93	0,26	2,73	0,46	2,51	0,55	32,96	0,00
5. Biết tôn trọng những giá trị của bản thân	2,92	0,32	2,62	0,59	2,48	0,61	27,81	0,00
6. Chủ động trang bị cho bản thân những phẩm chất từ nhiều nguồn khác nhau (sách vở, phương tiện truyền thông, báo chí, thực tế cuộc sống)	2,77	0,45	2,60	0,58	2,38	0,62	18,25	0,00
7. Tự đặt ra những nguyên tắc sống cho bản thân	2,59	0,61	2,53	0,58	2,39	0,66	4,06	0,02
8. Mở rộng các mối quan hệ xã hội và tham gia các hoạt động, phong trào xã hội	2,72	0,57	2,61	0,59	2,40	0,66	10,87	0,00

Nhận xét:

Quan sát bảng 2.13 ta thấy, mong đợi của sinh viên về những điều nữ giới cần làm để đảm bảo và phát huy phẩm chất cơ bản của họ xét theo trường học có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê trong mong đợi của các bạn sinh viên 3 trường. Cụ thể như sau: Nhận định “Xây dựng lập trường vững vàng” (ĐHSP:2,89; ĐHKH:2,80; ĐHMT:2,73; P=0,01); Nhận định “Biết lắng nghe và tiếp thu để sửa đổi những gì chưa hợp lý” (ĐHSP:2,92; ĐHKH:2,69; ĐHMT:2,61; P=0,00); Nhận định “Nhận thức được quyền và nghĩa vụ của bản thân” (ĐHSP:2,87; ĐHKH:2,62; ĐHMT:2,44; P=0,00); Nhận định “Không ngừng hoàn thiện bản thân” (ĐHSP:2,93; ĐHKH:2,73; ĐHMT:2,51; P=0,00); Nhận định “Biết tôn trọng những giá trị của bản thân” (ĐHSP:2,92;

ĐHKT:2,62; ĐHMT:2,48; P=0,00); Nhận định “Chủ động trang bị cho bản thân những phẩm chất từ nhiều nguồn khác nhau (sách vở, phương tiện truyền thông, báo chí, thực tế cuộc sống)” (ĐHSP:2,77; ĐHKT:2,60; ĐHMT:2,38; P=0,00); Nhận định “Tự đặt ra những nguyên tắc sống cho bản thân” (ĐHSP:2,59; ĐHKT:2,53; ĐHMT:2,39; P=0,02); Nhận định “Mở rộng các mối quan hệ xã hội và tham gia các hoạt động, phong trào xã hội” (ĐHSP:2,72; ĐHKT:2,61; ĐHMT:2,40; P=0,01).

2.2.6. Kết quả khảo sát về những hỗ trợ từ các yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội đến sự hình thành và phát triển các phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay

a. Khảo sát về những hỗ trợ từ các yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội đến hình thành và phát triển các phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay

Bảng 2.14: Đánh giá những hỗ trợ từ các yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội đến sự hình thành và phát triển một số phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay

STT	NHẬN ĐỊNH	ĐTB	ĐLTC	TB
I.Gia đình				
1	Dạy dỗ chỉ bảo các phẩm chất cơ bản nữ giới ngay từ nhỏ.	2,81	0,45	1
2	Là những tấm gương sáng cho con noi theo.	2,76	0,47	2
3	Tạo ra một môi trường sống lành mạnh.	2,73	0,50	3
4	Ủng hộ, động viên và khích lệ khi con khi làm đúng, tránh gây áp lực trong việc hướng dẫn con những phẩm chất nữ giới cơ bản.	2,69	0,52	4
5	Tôn trọng sự phát triển tự nhiên của trẻ.	2,64	0,55	7
6	Bình đẳng giới.	2,67	0,54	5
7	Có sự phối hợp chặt chẽ với thôn xóm, nhà trường để có sự thống nhất trong việc giáo dục những phẩm chất cho trẻ.	2,53	0,64	8
8	Tạo điều kiện trẻ phát huy những phẩm chất nữ giới trong gia đình.	2,66	0,56	6
II.Nhà trường				
1	Giáo dục một cách toàn diện tài và đức.	2,67	0,54	3
2	Cán bộ và giáo viên trong trường là những	2,66	0,54	4

	tấm gương sáng để trẻ noi theo.			
3	Đưa các kiến thức về phẩm chất nữ giới như một môn học chính khóa vào giảng dạy trong nhà trường nhằm trang bị cho học sinh nữ những hiểu biết cơ bản về phẩm chất nữ giới.	2,60	0,60	6
4	Tổ chức nhiều chương trình hoạt động dưới dạng chuyên đề, kỹ năng, cuộc thi về phẩm chất nữ giới.	2,66	0,55	4
5	Xây dựng khung kỷ luật cho học sinh.	2,60	0,64	6
6	Xây dựng và khen thưởng những tấm gương học sinh về những phẩm chất tích cực để trẻ noi theo.	2,65	0,54	5
7	Phát hành những tập san, tờ bướm màu sắc, hình thù sinh động, các kiến thức cơ bản về phẩm chất nữ giới phát cho học sinh.	2,44	0,69	8
8	Xây dựng câu lạc bộ dành riêng cho nữ giới để hỗ trợ cho các bạn các kiến thức liên quan đến nữ giới.	2,58	0,61	7
9	Bình đẳng giới.	2,70	0,51	2
10	Có sự phối hợp với gia đình và xã hội trong việc hỗ trợ trẻ hình thành phẩm chất nữ giới.	2,72	0,51	1
III.Xã hội				
1	Các chính sách, quy định văn bản pháp luật rõ ràng về hỗ trợ nữ giới.	2,71	0,51	3
2	Xóa bỏ định kiến về giới.	2,74	0,48	1
3	Mở rộng môi trường làm việc cho nữ giới để họ thể hiện và khẳng định mình.	2,72	0,54	2
4	Phát hành nhiều sách báo, phim ảnh về phẩm chất nữ giới.	2,49	0,64	7
5	Có những chế độ đãi ngộ khuyến khích và khen thưởng nữ giới.	2,62	0,58	
6	Xây dựng những tấm gương nữ có những phẩm chất tích cực để phụ nữ noi theo.	2,69	0,52	4
7	Có sự phối hợp giữa gia đình nhà trường và xã hội để giáo dục phẩm chất nữ giới.	2,67	0,54	5
8	Xây dựng nhiều câu lạc bộ hỗ trợ nữ giới.	2,61	0,60	6

Nhận xét:

Kết quả khảo sát đánh giá của sinh viên về những hỗ trợ từ các yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội đến sự hình thành và phát triển một số phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay đều ở mức cần thiết với điểm trung bình từ 2,44-2,81; cụ thể như sau:

+ **Gia đình:** Quan sát bảng 2.14, ta thấy đánh giá của sinh viên về 8 nhận định về sự hỗ trợ của yếu tố gia đình đều ở mức cần thiết với điểm trung bình từ 2,53-2,81. Trong đó, nhận định cần thiết nhất là “Dạy dỗ chỉ bảo các phẩm chất cơ bản nữ giới ngay từ nhỏ” có điểm trung bình 2,81. Lý giải cho vấn đề này một sinh viên trường ĐHSP cho rằng, những năm đầu đời là giai đoạn nền tảng để xây dựng phẩm chất, nhân cách cho trẻ. Nếu gia đình không chú trọng việc xây dựng phẩm chất, nhân cách cho con ngay từ nhỏ thông qua cách cư xử, lối sống với những người thân trong gia đình thì khi lớn lên trẻ khó mà hình thành những phẩm chất tốt đẹp. Nhận định được đánh giá có mức độ hỗ trợ thấp nhất trong nhóm là “Có sự phối hợp chặt chẽ với thôn xóm, nhà trường để có sự thống nhất trong việc giáo dục những phẩm chất cho trẻ” với điểm trung bình 2,53.

+ **Nhà trường:** Quan sát bảng 2.14, ta thấy đánh giá của sinh viên về 10 nhận định sự hỗ trợ từ yếu tố nhà trường đều ở mức cần thiết với điểm trung bình từ 2,44-2,72. Trong đó, nhận định cần thiết nhất đối với nữ giới là “Có sự phối hợp với gia đình và xã hội trong việc hỗ trợ trẻ hình thành phẩm chất nữ giới” có điểm trung bình 2,72. Thấp nhất là nhận định “Phát hành những tập san, tờ bướm màu sắc, hình thù sinh động các kiến thức cơ bản về phẩm chất nữ giới phát cho học sinh” với điểm trung bình 2,44.

+ **Xã hội:** Đánh giá của sinh viên về 8 nhận định trong nhóm xã hội đều ở mức cần thiết với điểm trung bình từ 2,49-2,74. Trong đó, nhận định cần thiết nhất cho nữ giới hiện nay là “Xóa bỏ định kiến giới” có điểm trung bình 2,74. Lý giải cho điều này một sinh viên ĐHKHT chia sẻ đây là cách tốt nhất

mà xã hội trân trọng người phụ nữ thật sự. Chính lúc đó, họ mới vượt ra khỏi khuôn khổ của gia đình vươn ra ngoài xã hội dần thân, thể hiện và cống hiến. Thấp nhất trong nhóm này là nhận định “Phát hành nhiều sách báo, phim ảnh về phẩm chất nữ giới” có điểm trung bình 2,49.

b. Kết quả so sánh những hỗ trợ từ các nhóm yếu tố đến sự hình thành và phát triển các phẩm chất cơ bản nữ giới theo các thông số giới tính, khu vực cư trú và trường học

Bảng 2.15: So sánh những hỗ trợ từ các nhóm yếu tố theo thông số giới tính

Nhóm yếu tố	Giới tính					
	Nam		Nữ		F	P
	ĐTB	ĐLTC	ĐTB	ĐLTC		
I. Gia đình	2,66	0,33	2,71	0,32	3,14	0,08
II. Nhà trường	2,61	0,33	2,65	0,32	2,09	0,15
III. Xã hội	2,63	0,35	2,68	0,33	2,37	0,13

Nhận xét:

Quan sát bảng 2.15 ta thấy đánh giá của các bạn sinh viên về sự hỗ trợ từ các nhóm yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội xét theo thông số giới tính là không có sự khác biệt về mặt thống kê giữa 2 nhóm sinh viên nam và nữ. Cụ thể, Nhóm yếu tố gia đình (Nam:2,66; Nữ:2,71); Nhóm yếu tố nhà trường (Nam:2,61; 2,65); Nhóm yếu tố xã hội (Nam:2,63; Nữ:2,68). Đánh giá của sinh viên nam và nữ đều ở mức cao với điểm trung bình từ 2,61-2,71; trong đó, nhóm sinh viên nữ có điểm trung bình cao hơn nhóm sinh viên nam.

Bảng 2.16: So sánh những hỗ trợ từ các nhóm yếu tố theo thông số khu vực cư trú

Nhóm yếu tố	Khu vực cư trú					
	Tp.HCM		Tỉnh		F df=1	P
	ĐTB	ĐLTC	ĐTB	ĐLTC		
I. Gia đình	2,68	0,34	2,70	0,31	0,35	0,55
II. Nhà trường	2,62	0,35	2,64	0,30	0,33	0,56
III. Xã hội	2,65	0,34	2,66	0,34	0,16	0,69

Nhận xét:

Quan sát bảng 2.16 ta thấy đánh giá của các bạn sinh viên về sự hỗ trợ từ các nhóm yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội xét theo thông số khu vực cư trú là không có sự khác biệt về mặt thống kê giữa Tp.HCM và Tỉnh. Cụ thể, Nhóm yếu tố gia đình (Tp.HCM:2,68; Tỉnh:2,70); Nhóm yếu tố nhà trường (Tp.HCM:2,62; Tỉnh: 2,64); Nhóm yếu tố xã hội (Tp.HCM:2,65; Tỉnh:2,66). Đánh giá của sinh viên Tp.HCM và tỉnh đều ở mức cần thiết với điểm trung bình từ 2,62-2,70; trong đó nhóm sinh viên tỉnh có điểm trung bình cao hơn nhóm sinh viên Tp.HCM.

Bảng 2.17: So sánh những hỗ trợ từ các nhóm yếu tố theo thông số trường học

Nhóm yếu tố	Trường học							F df=2	P
	ĐHSP		ĐHKT		ĐHMT				
	ĐTB	ĐLTC	ĐTB	ĐLTC	ĐTB	ĐLTC			
I. Gia đình	2,82	0,24	2,71	0,28	2,54	0,38	30,32	0,00	
II. Nhà trường	2,68	0,30	2,69	0,28	2,52	0,36	14,01	0,00	
III. Xã hội	2,74	0,30	2,74	0,30	2,49	0,36	29,53	0,00	

Nhận xét:

Quan sát bảng 2.17 ta thấy đánh giá của các bạn sinh viên về sự hỗ trợ từ các nhóm yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội xét theo thông số trường học cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa giữa sinh viên ba trường. Cụ thể, Nhóm yếu tố gia đình (ĐHSP:2,82; ĐHKT:2,71; ĐHMT:2,54; P=0,00); Nhóm yếu tố nhà trường (ĐHSP:2,68; ĐHKT:2,69; ĐHMT:2,52; P=0,00); Nhóm yếu tố xã

hội (ĐHSP:2,74; ĐHKT:2,74; ĐHMT:2,49; P=0,00). Đánh giá của sinh viên 3 trường đều ở mức cần thiết với điểm trung bình từ 2,49-2,82.

2.3. Đề xuất một số biện pháp nhằm hỗ trợ nữ sinh viên hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới.

2.3.1. Cơ sở đề xuất biện pháp

- Từ việc nghiên cứu cơ sở lý luận về đánh giá của sinh viên một số trường đại học tại Tp.HCM về phẩm chất cơ bản nữ giới được trình bày ở chương 1, người nghiên cứu lưu tâm đến các vấn đề sau đây như là cơ sở cho việc xây dựng biện pháp hỗ trợ nữ sinh viên hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới.

+ Sự hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản của nữ sinh viên bị chi phối, chịu sự tác động thường xuyên của các yếu tố như gia đình, nhà trường, xã hội. Tuy nhiên, sự tự nhận thức, tự đánh giá và tự giáo dục của mỗi nữ sinh viên là quan trọng nhất.

+ Phẩm chất cơ bản của nữ sinh viên có thể hoàn thiện và phát triển theo thời gian phụ thuộc vào việc tự đánh giá, tự giáo dục của mỗi nữ sinh viên.

+ Sự hình thành và phát triển các phẩm chất cơ bản của mỗi nữ sinh viên bao giờ cũng chịu ảnh hưởng, chịu sự chi phối bởi sự định hướng phẩm chất của xã hội tại mỗi thời điểm, mỗi giai đoạn lịch sử nhất định.

- Từ kết quả nghiên cứu thực trạng về đánh giá của sinh viên một số trường đại học tại Tp.HCM về phẩm chất cơ bản nữ giới, người nghiên cứu đặc biệt quan tâm, lưu ý đến các nội dung sau:

+ Sinh viên không chỉ quan tâm và đánh giá cao các giá trị truyền thống ngàn đời nay của dân tộc mà còn quan tâm sâu sắc đến các phẩm chất hiện đại trong cuộc sống cá nhân, mối quan hệ, công việc, tình yêu...

+ Đánh giá của sinh viên về một số phẩm chất cơ bản nữ giới cần có cho nữ giới trong giai đoạn hiện nay là khá tích cực.

+ Sinh viên đánh giá về sự hỗ trợ của 3 nhóm yếu tố gia đình, nhà

trường, xã hội là ở mức độ cần thiết.

Từ chính cơ sở lý luận và thực trạng trên, người nghiên cứu đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc hỗ trợ nữ sinh viên trong việc hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới.

2.3.2. Các biện pháp giáo dục nhằm hỗ trợ nữ sinh viên hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới

Xã hội

- Kết quả nghiên cứu cho thấy việc xóa bỏ định kiến giới đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới cho nữ sinh viên. Vì thế cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và kiểm tra pháp luật về bình đẳng giới để xóa bỏ định kiến về giới; nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vấn đề giới và bình đẳng giới; Hướng dẫn các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội. Đặc biệt là đặc biệt là các khu phố, xóm ấp phải thực hiện giáo dục pháp luật về bình đẳng giới có hiệu quả, thiết thực và phù hợp với đối tượng nữ sinh viên. Ngoài ra, lãnh đạo ở những cơ quan, đơn vị cần có sự công bằng trong tuyển dụng, đào tạo, đề bạt. Không nên coi nữ giới cũng như nam giới trong việc phân công, đòi hỏi, yêu cầu mà không tính đến việc nữ giới phải thực hiện những công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, nữ giới cần được giảm bớt gánh nặng gia đình. Bằng cách nam giới trong gia đình cần phải tham gia vào công việc gia đình cùng với nữ giới. Song song đó, các dịch vụ xã hội dành cho gia đình cần được phát triển một cách rộng rãi và phù hợp với nữ giới để nữ giới tiếp cận dễ dàng. Tạo điều kiện cho nữ giới có thời gian học tập, làm việc, cải thiện chất lượng cuộc sống của mình, có tiếng nói trong gia đình.

- Ngoài ra, trong mỗi khu phố, xóm ấp cần phát động xây dựng khu phố, xóm ấp văn hóa, không tệ nạn xã hội. Bà con hàng xóm gần gũi, đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau nhằm tạo môi trường sống trong sạch, lành mạnh và an toàn cho các em nữ hình thành và phát triển phẩm chất tốt đẹp một cách

thuận lợi hơn.

- Cần tuyên dương và nhân rộng các gương điển hình người tốt việc tốt và phê phán những gương xấu ở xóm, ấp, khu phố địa phương. Tạo ra luồng dư luận tốt trong cộng đồng dân cư.

- Các cấp chính quyền ở địa phương nên tạo điều kiện cho các chi hội phụ nữ mở rộng hoạt động của mình bằng nhiều hình thức thiết thực như giao lưu với các gia đình văn hóa hiếu học tiêu biểu, tổ chức các buổi tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm xây dựng gia đình hạnh phúc, các buổi báo cáo chuyên đề, mời các chuyên gia Tâm lý - Giáo dục đến nói chuyện để mọi gia đình, mọi bậc cha mẹ đều tìm cho mình phương pháp giáo dục phẩm chất cho các em nữ hiệu quả.

- Bên cạnh đó, cần tận dụng tối đa thế mạnh của các phương tiện thông tin đại chúng để giáo dục các phẩm chất tốt đẹp cho nữ sinh viên thông qua các tờ báo: “Áo trắng”, “Sinh viên Việt Nam”, “Mực tím”, “Hoa học trò”; Thông qua các chương trình truyền hình như: “Khoảnh khắc kì diệu”, “Rung chuông vàng”; “Ngôi nhà mơ ước”, “Vượt lên chính mình”, “Đèn đom đóm”

- Các cơ quan ban ngành trong xã hội cần tổ chức kiểm tra nghiêm túc và chặt chẽ những luồng văn hóa phương Tây đang du nhập vào nước ta để có được những biện pháp ngăn chặn kịp thời những giá trị tiêu cực, tạo hàng rào văn hóa an toàn cho thế hệ trẻ Việt Nam tránh những ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa ngoại lai. Đồng thời các cơ quan chức năng cần tăng cường quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh mạng, trò chơi điện tử, karaoke, vũ trường, quán bar,... để ngăn chặn kịp thời những hoạt động không lành mạnh trong giới trẻ ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới của nữ sinh viên.

Nhà trường

- Nhà trường cần xây dựng một trang thông tin kết nối giữa gia đình nhà trường nhằm chia sẻ và trao đổi về những thông tin liên quan đến việc giáo dục

phẩm chất cơ bản nữ giới cho nữ sinh viên. Qua đó, gia đình và nhà trường có thể thống nhất trong việc giáo dục phẩm chất tốt đẹp cho nữ sinh viên.

- Nhà trường cũng cần tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, các buổi sinh hoạt kỹ năng sống theo định kỳ để cung cấp kịp thời những kiến thức về giáo dục rèn luyện phẩm chất cho nữ sinh viên và gia đình các em.

- Ở mỗi chi đoàn, các khoa trong trường phối hợp với tác tổ chức xã hội thành lập các câu lạc bộ như câu lạc bộ sống đẹp, câu lạc bộ bạn trẻ và kỹ năng sống, câu lạc bộ giá trị sống nhằm hướng nữ sinh viên vào những hoạt động lành mạnh, qua đó nữ sinh viên dễ dàng bộc lộ những phẩm chất của mình. Do đó việc giáo dục và hình thành các phẩm chất tốt đẹp cho nữ sinh viên thuận lợi hơn.

- Tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong nhà trường phối hợp với địa phương cùng nhau tổ chức các hoạt động, các phong trào thể hiện lòng nhân ái: Hiến máu nhân đạo, Mùa hè xanh, Ngày thứ 7 tình nguyện, đến với các em khuyết tật ở các cô nhi viện, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, dâng hương thắp nến nghĩa trang liệt sĩ.... Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao được tổ chức vào các ngày lễ lớn trong năm: Ngày quốc tế phụ nữ (8/3); Ngày thành lập Đoàn (26/3); Ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4); Ngày thương binh liệt sĩ (27/7); Ngày nhà giáo Việt Nam (20/11)...nhằm ôn lại truyền thống tốt đẹp của dân tộc qua đó giáo dục các phẩm chất tốt đẹp cho sinh viên nói chung và nữ sinh viên nói riêng.

- Các chi đoàn, đoàn khoa và đoàn trường hình thành các quỹ nhân ái như quỹ vòng xoay tình bạn, quỹ hy vọng, quỹ hoa hướng dương... nhằm xây dựng những phẩm chất tốt đẹp của nữ sinh viên trong cách đối xử với những người xung quanh trên tinh thần tương thân tương ái, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn hoạn nạn.

- Phòng công tác sinh viên phối hợp với ban quản lý ký túc xá tổ chức các hoạt động trong kí túc xá như xây dựng kí túc xá xanh sạch, văn minh, các

đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, các nhóm học tập, đội văn nghệ xung kích... xây dựng và tạo môi trường sống lành mạnh trong sinh viên nói chung và nữ sinh viên nói riêng nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc hình thành và rèn luyện những phẩm chất tốt cho nữ sinh viên.

- Nhà trường cần tổ chức biên tập và cho ra mắt tờ tập san cho sinh viên, xuất bản hàng tháng hoặc hàng quý với nội dung biểu dương các gương tốt, các tấm gương sáng về học tập, rèn luyện, nghị lực vượt khó trong sinh viên, đăng các bài nghiên cứu khoa học, các sáng tác thơ văn, truyện ngắn, bút ký đặc sắc của sinh viên... nhằm tạo sân chơi bổ ích qua đó giáo dục phẩm chất tốt đẹp trong nữ sinh viên.

Gia đình

- Kết quả nghiên cứu cho thấy sự giáo dục ngay từ nhỏ của gia đình đối với các em gái có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới cho nữ sinh viên.

- Ông bà, cha mẹ, đặc biệt là người có uy tín trong gia đình thường xuyên trò chuyện với con cháu về những tấm gương có những phẩm chất tốt đẹp, đồng thời uốn nắn và điều chỉnh kịp thời những hành vi, biểu hiện vô đạo đức ở con trẻ.

- Ông bà, cha mẹ nên tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của con mình, cũng như những phương pháp giáo dục con tích cực. Bên cạnh đó, hàng ngày nên dành thời gian quan tâm đến việc học tập của con, lắng nghe những suy nghĩ của con trẻ để kịp thời uốn nắn và giáo dục trẻ.

- Gia đình động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để con tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động xã hội, từ thiện trong và ngoài nhà trường. Qua đó trẻ được học những bài học từ thực tế giúp trẻ hình thành và rèn luyện những phẩm chất tốt đẹp của bản thân.

- Xây dựng gia đình văn hóa, trong đó ông bà cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, mọi thành viên trong gia đình sống hòa thuận, yêu thương, đoàn kết, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau.

Tiểu kết chương 2

Từ chương 2 ta có thể rút ra một số kết luận sau:

2.1. Khái quát về quá trình nghiên cứu cho thấy nghiên cứu được tiến hành trên 450 sinh viên của ba trường đại học tại Tp.HCM (ĐHSP, ĐHKT, ĐHMT), công cụ nghiên cứu là một phiếu điều tra gồm 5 phần nhằm tìm hiểu đánh giá của sinh viên về phẩm chất cơ bản nữ giới.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Khái quát chung đánh giá của sinh viên về thực trạng thay đổi các phẩm chất cơ bản của nữ giới hiện nay mang tính hiện đại (tức là trong hệ thống phẩm chất cơ bản nữ giới số lượng phẩm chất hiện đại nhiều hơn phẩm chất truyền thống).

2.2.2. Đánh giá của sinh viên về những phẩm chất cơ bản đang có của nữ giới hiện nay mang tính hiện đại được thể hiện ở 6 nhóm phẩm chất: Nhóm phẩm chất đối với bản thân; Nhóm phẩm chất đối với gia đình; Nhóm phẩm chất đối với người yêu; Nhóm phẩm chất đối với công việc; Nhóm phẩm chất đối với quan hệ xã hội; Nhóm phẩm chất đối với đất nước.

2.2.3. Đánh giá của sinh viên về mức độ cần thiết của một số phẩm chất cơ bản nữ giới là khá tích cực. Các phẩm chất trong 6 nhóm phẩm chất đưa ra, đánh giá của sinh viên từ mức bình thường đến mức rất cần thiết với điểm trung bình từ 3,29-4,21 và cho thấy có sự khác biệt trong đánh giá của sinh viên xét theo khu vực cư trú và trường học.

2.2.4. Các yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội, bản thân nữ giới ... có ảnh hưởng và hỗ trợ nhất định đến sự hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay.

2.2.5. Đánh giá của sinh viên về những điều nữ giới cần làm để đảm bảo và phát huy phẩm chất cơ bản của bản thân là: Xây dựng lập trường vững vàng; Biết tôn trọng những giá trị của bản thân; Không ngừng hoàn thiện bản thân; Biết lắng nghe và tiếp thu để sửa đổi những gì chưa hợp lý.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Phẩm chất cơ bản nữ giới là những phẩm chất làm nền tảng, làm cơ sở cho toàn bộ hệ thống phẩm chất của phụ nữ nói chung. Nó là những thuộc tính, những đặc điểm tinh thần của phụ nữ được quy định, hình thành và phát triển thông qua hoạt động và giao tiếp của họ. Đồng thời chi phối toàn bộ đời sống và hoạt động nghề nghiệp của họ.

- Phẩm chất cơ bản nữ giới là một vấn đề khá mới ở Việt Nam nhưng cũng bắt đầu nhận được sự quan tâm của toàn xã hội. Vì thế việc nghiên cứu đánh giá của sinh viên về phẩm chất cơ bản nữ giới là một việc làm cần thiết, nhằm tìm hiểu về những phẩm chất tốt đẹp mà nữ giới đang có và việc cần bổ sung những phẩm chất gì phù hợp đối với xã hội hiện nay. Nhờ vậy, nữ sinh viên có sự định hướng để tự trau dồi và rèn luyện phẩm chất mình tốt hơn.

- Trong 450 sinh viên được khảo sát cho thấy đánh giá chung của sinh viên về thực trạng các phẩm chất cơ bản của nữ giới hiện nay mang tính hiện đại.

- Đánh giá của sinh viên về những phẩm chất cơ bản đang có của nữ giới hiện nay mang tính hiện đại được thể hiện ở 6 nhóm phẩm chất: Nhóm phẩm chất đối với bản thân; Nhóm phẩm chất đối với gia đình; Nhóm phẩm chất đối với người yêu; Nhóm phẩm chất đối với công việc; Nhóm phẩm chất đối với quan hệ xã hội; Nhóm phẩm chất đối với đất nước.

- Đánh giá của sinh viên về mức độ cần thiết của một số phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay đều ở mức bình thường đến rất cần thiết.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển một số phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay được đánh giá ở mức phân vân đến ảnh hưởng nhiều.

- Đánh giá của sinh viên về những điều nữ giới cần làm để đảm bảo và phát huy phẩm chất cơ bản của bản thân ở mức cần thiết.

- Đánh giá về sự hỗ trợ của 3 nhóm yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội đều ở mức cần thiết.

2. Kiến nghị

Đối với xã hội:

Xã hội cần xóa bỏ định kiến giới và cách nhìn đúng đắn về vai trò và vị trí của nữ giới hiện nay.

Xã hội cần mở rộng môi trường làm việc cho nữ giới để họ thể hiện và khẳng định mình.

Xã hội cần xây dựng các tổ chức, đội nhóm, nhà văn hóa, câu lạc bộ hỗ trợ nữ giới.

Đối với nhà trường:

Nhà trường nên có sự phối hợp với gia đình và xã hội trong việc hỗ trợ nữ sinh viên hình thành phẩm chất nữ giới cơ bản.

Nhà trường cần xây dựng bộ phận chuyên trách cung cấp những thông tin về phẩm chất nữ giới, chính sách bình đẳng giới...trên trang thông tin của trường. Từ đó tạo ra những hiệu ứng tích cực lan tỏa trong sinh viên để chính sinh viên sẽ có những tác động lẫn nhau, góp phần hình thành và định hướng phẩm chất tốt đẹp trong cuộc sống; hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực trong lối sống của mình.

Nhà trường có thể áp dụng nhiều biện pháp tác động với nhiều hình thức phong phú, hấp dẫn và phù hợp với điều kiện hiện có của nhà trường cũng như đặc thù của từng khoa, từng ngành nghề đào tạo; đặc biệt cần chú ý đến nhu cầu, nguyện vọng, sở thích và những mong đợi của nữ sinh viên... như những chương trình: giáo dục chính trị đầu năm, hoạt động thực tế, các hoạt động giáo dục dưới dạng chuyên đề, kỹ năng, cuộc thi về phẩm chất nữ giới. Nhằm giáo dục nữ sinh viên hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới.

Nhà trường cần xây dựng các câu lạc bộ, đội nhóm dành riêng cho sinh

viên nữ để hỗ trợ các bạn về những kiến thức liên quan đến nữ giới.

Đối với gia đình:

Gia đình cần dạy dỗ chỉ bảo cho các em nữ các phẩm chất cơ bản nữ giới ngay từ nhỏ.

Người lớn trong gia đình phải là những tấm gương sáng về lối sống, tác phong, lời ăn tiếng nói cho các em nữ noi theo.

Ông bà, cha mẹ cần tạo một môi trường sống lành mạnh như không lạm dụng đòn roi, cho các em nữ có thể nêu lên quan điểm và đóng góp ý kiến của mình, sống với sở thích của mình, tạo tâm lý thoải mái để trẻ học tập vui chơi.

Gia đình nên ủng hộ động viên và khích lệ khi các em nữ làm đúng, tránh gây áp lực trong việc hướng dẫn các em nữ những phẩm chất nữ giới cơ bản.

Mỗi gia đình cần nâng cao ý thức trong việc giáo dục những phẩm chất tốt đẹp cho nữ sinh viên bằng việc xây dựng gia đình nề nếp văn hóa, gia đình hiếu học, ông bà cha mẹ gương mẫu, con cháu thảo hiền.

Đối với sinh viên:

Sinh viên cần xây dựng lập trường vững vàng, biết lắng nghe và tiếp thu để sửa đổi những gì chưa hợp lý đồng thời không ngừng hoàn thiện bản thân và biết tôn trọng giá trị của bản thân mình.

Sinh viên cần chủ động hơn trong việc tìm kiếm những thông tin liên quan đến phẩm chất nữ giới từ nhiều nguồn để tự học hỏi và rèn luyện bản thân.

Sinh viên cần chủ động tích cực tham gia các hoạt động tập thể, các hoạt động liên quan đến cộng đồng xã hội. Từ đó làm giàu vốn sống cho tâm hồn và hình thành những phẩm chất tốt đẹp cho bản thân.

Sinh viên cần trao đổi và chia sẻ với các bạn nữ khác về phẩm chất cơ bản nữ giới mà bản thân biết để giúp nhiều bạn nữ sinh viên khác hình thành và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới thuận lợi hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng việt

1. Đặng Danh Ánh (1985), *Tuổi trẻ và nghề nghiệp*, Nxb Công nghệ kỹ thuật, Hà Nội, tr.686.
2. Benjamin S.Bloom(Đoàn Văn Điều dịch, 1994), *Nguyên tắc phân loại mục tiêu giáo dục: lãnh vực nhận thức*, Trường ĐHSP Tp.HCM, tr.278).
3. Nguyễn Ngọc Bích (1998), *Tâm lý học nhân cách – Một số vấn đề lý luận*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.244.
4. Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Sơn, Lưu Thu Thủy, Đào Thị Oanh (1999), *Giáo dục giới tính cho con*, Nxb Giáo dục, tr.243.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1995), *Đánh giá trong giáo dục*, tr.5.Nxb Giáo dục
6. B.Ph.Lomov (2000), *Những vấn đề lý luận và phương pháp luận tâm lý học*, Nxb ĐHQG Hà Nội, tr.796.
7. Vũ Dũng (2006), *Tâm lý học quản lý*, Nxb Đại học Sư Phạm.
8. Vũ Dũng (Chủ biên, 2008), *Từ điển Tâm lý học*, Nxb Từ điển Bách Khoa.
9. Nguyễn Văn Đồng (2012), *Tâm lý học phát triển giai đoạn thanh niên - tuổi già*, Nxb Chính trị Quốc gia.
10. Bích Hà (2011), *Phụ nữ hiện đại thế kỷ XXI*, Nxb Lao Động.
11. Xuân Hà (1993), *Sinh viên Việt Nam, những xu hướng mới*, Báo Tiền phong chủ nhật, số 43.
12. Nguyễn Trúc Hạnh (2005), *Vấn đề kế thừa giá trị đạo đức truyền thống của phụ nữ tỉnh Bến Tre hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Triết học, Học viện Chính Trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
13. Chu Phạm Minh Hằng (2013), *Vai trò phụ nữ Xtiêng: truyền thống và biến đổi*, Luận văn thạc sĩ Công tác xã hội, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Tp.HCM.

14. Trần Bá Hoàn (1995), *Đánh giá trong giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.34.
15. Lê Văn Hồng (Chủ biên, 1995), *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học Sư phạm*, Nxb Hà Nội.
16. Nguyễn Thị Giáng Hương (2013), *Vấn đề phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính Trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.
17. John Gray (2009), *Đàn ông sao hỏa - Đàn bà sao kim Tìm lại tình yêu*, Nxb Tổng hợp Tp.HCM.
18. John Gray (2009), *Đàn ông sao hỏa - Đàn bà sao kim Hạnh phúc bên nhau*, Nxb Tổng hợp Tp.HCM.
19. Nguyễn Lâm(1998), *Từ điển Từ và ngữ Việt - Nam*, Nxb Tp.HCM.
20. Nguyễn Văn Lê, Nguyễn Thị Đoan (1997), *Giáo dục giới tính*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.37-40.
21. Đỗ Long (1996), *Lối sống và nhân cách của thanh niên*, Tạp chí Tâm lý học, số 8.
22. Hoàng Long (2003), *Bạn gái với cuộc đời*, Nxb Thanh niên.
23. Nguyễn Thế Long (1998), *Gia Đình và Dân Tộc*, Nxb Lao Động.
24. Luật giáo dục 1998, Nxb CTQG, Hà Nội, tr.9.
25. Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn (đồng chủ biên, 2009), *Từ điển Tâm lý học*, Nxb Giáo Dục Việt Nam.
26. Thanh Nghị, Minh Hòa (1964), *Việt Nam tân từ điển*, Nxb Khai Trí.
27. Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 12-7-1993 của Bộ Chính trị, *Về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới*.
28. Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27-4-2007 của Bộ Chính trị, *Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.
29. Lê Thị Nguyệt (2008), *Nét đẹp của phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt*, Luận văn thạc sĩ Khoa học Ngữ văn, Đại học Thái Nguyên.

30. Vũ Thị Nho (1999), *Tâm lý học phát triển*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, tr.138, tr.155.
31. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, tr.523.
32. Đào Thị Oanh (Chủ biên, 2007), *Vấn đề nhân cách trong tâm lý học ngày nay*, Nxb Giáo Dục.
33. Bùi Ngọc Oánh (2006), *Tâm lý học giới tính và giáo dục giới tính*, Nxb Giáo dục.
34. Nguyễn Thị Oánh (2011), *Phụ nữ Việt Nam trong bối cảnh hiện đại hóa*, Nxb Thanh Niên.
35. Hoàng Phê (Chủ biên, 1988), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội.
36. Bích Phượng (2007), *Phụ nữ hiện đại với tình yêu hôn nhân*, Nxb Phụ Nữ.
37. Đào Duy Quát (Chủ biên, 2009), *Tâm lý học tuyên truyền*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.161-163.
38. Robert V.Kail, Tohn C.Cavanaugh (2006), *Nghiên cứu về sự phát triển con người*, Nxb Văn hóa - Thông tin.
39. Nguyễn Thơ Sinh (2009), *Sinh tâm lý học*, Nxb Lao động, tr.23-24.
40. Sử Uy Sinh (2001), *Cẩm nang nhân sinh về phụ nữ*, Nxb Phụ Nữ.
41. Văn Tân (Chủ biên, 1991), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb KHXH.
42. Bùi Thị Hồng Thái (2010), *Thái độ của xã hội về chữ trình nhìn từ góc độ giới*, Luận án Tiến sĩ Xã hội học, Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
43. Nguyễn Kim Thản, Hồ Hải Thụy, Nguyễn Đức Dương (2006), *Từ Điển tiếng Việt*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Nxb VHSG.
44. Đỗ Văn Thọ (2002), *Về khái niệm “phẩm chất tâm lý”*, Tạp chí Tâm lý học, số 12/2002, tr.57-60.
45. Đỗ Văn Thọ (2003), *Nâng cao những phẩm chất tâm lý phù hợp nghề*

cho sinh viên bằng tác động trực tiếp trong quá trình giảng dạy- tổ chức học tập, Tạp chí Tâm lý học, số 6, tr.52.

46. Nguyễn Xuân Thúc (Chủ biên, 2007), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
47. Nguyễn Hà Trang (2003), *Phẩm giá người phụ nữ, lựa chọn và hành trình*, Tạp chí Tâm lý học, số 6.
48. Chu Thị Thu Trang (2014), *Vai trò của công tác xã hội trong việc hỗ trợ phụ nữ đơn thân nuôi con trên địa bàn thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên*, Luận văn thạc sĩ Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
49. Nguyễn Hữu Tri (2012), *Lý thuyết tổ chức*, Nxb Chính trị Quốc gia.
50. V.A. Cruchetxki(1980), *Những cơ sở của tâm lý học sư phạm*, Tập 1, Nxb Giáo Dục.
51. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
52. Văn kiện đại hội đại biểu phụ nữ Việt Nam lần thứ VIII (1997), Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
53. Hồ Vân (2003), *Cẩm nang dành cho phụ nữ hiện đại*, Nxb Thế Giới.
54. Hoàng Xuân Việt (1998), *Tâm lý bạn gái*, Nxb Thanh Niên.
55. Hoàng Xuân Việt (1990), *Bạn gái trên đường sự nghiệp*, Nxb Tổng hợp Đồng Tháp.
56. Nguyễn Như Ý (Chủ biên, 1994), Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành, *Từ điển Tiếng Việt thông dụng*, Nxb Giáo dục.
57. Nguyễn Như Ý (Chủ biên, 1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin).

Tiếng Anh

58. Lisa Drummond & Helle Rydstrom (2004), *Gender Practices in Contemporary VietNam*.

Trang Web

59. doan.daihoclongan.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=282:gioi-viec-nuoc-dam-viec-nha-trong-thoi-ki-hoi-nhap&catid=49:chinh-tri-tu-tuong&Itemid=135
60. <http://phunu.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/gioi-va-phat-trien>
61. <http://tuyentruyen.dongthap.gov.vn/index.php/Phu-nu-thoi-ky-CNH-HDH/8-chuan-muc-cua-nguoi-phu-nu-Viet-Nam-thoi-ky-hoi-nhap-va-phat-trien.html>
62. http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BB%A5_n%E1%BB%AF
63. <http://www.na.gov.vn/nnsvn/infodetail.asp?action=view&id=225&catid=200&maxid=200>
64. <http://www.phunudang.org.vn/vn/1077-de-an-tuyen-truyen-giao-duc-pham-chat-dao-duc-phu-nu-viet-nam-thoi-ky-day-manh-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-dat-nuoc.html>

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bảng hỏi mở

Phụ lục 2: Phiếu khảo sát ý kiến

Phụ lục 3: Bảng hỏi phỏng vấn sâu

Phụ lục 1

PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN

Các bạn sinh viên thân mến!

Phiếu thăm dò ý kiến dưới đây được thiết kế để phục vụ cho nghiên cứu về **“Đánh giá của sinh viên một số trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh về phẩm chất cơ bản nữ giới”** (là những phẩm chất nền tảng của giới nữ nói chung, ví dụ: **thủy chung, độc lập, dịu dàng, năng động...**) là luận văn tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Tâm lý, trường đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh.

Để nội dung đề tài được thực hiện một cách khoa học và có giá trị, chúng tôi rất cần sự tham gia đóng góp ý kiến từ các bạn.

A. Phần thông tin

1. Họ tên.....
2. Giới tính: Nam... Nữ ...
3. Nơi trường trú: Tp.HCM... Tỉnh...

B. Phần ý kiến

Xin các bạn vui lòng cho biết ý kiến của mình về

Câu 1: Theo bạn, thực tế hiện nay nữ giới **đang có** những phẩm chất cơ bản nào?

.....
.....
.....
.....

Câu 2: Theo bạn, **những phẩm chất đang có** của nữ giới hiện nay đã đáp ứng sự phát triển của xã hội chưa? Tại sao?

.....
.....
.....

Câu 3: Theo bạn, những **phẩm chất truyền thống** của nữ giới là gì? Bạn vui lòng liệt kê 10 phẩm chất cụ thể và xếp chúng theo **thứ tự 1(quan trọng nhất) =>10 (ít quan trọngnhất)?**

.....
.....
.....1.....2.....
.....3.....4.....
.....5.....6.....
.....7.....8.....
.....9.....10.....

Câu 4: Theo bạn, những **phẩm chất hiện đại** của nữ giới là gì? Bạn vui lòng liệt kê 10 phẩm chất cụ thể và xếp chúng theo thứ tự **1(quan trọng nhất) =>10 (ít quan trọng nhất)**?

.....
.....
.....1.....2.....
.....3.....4.....
.....5.....6.....
.....7.....8.....
.....9.....10.....

Câu 5: Theo bạn, những **phẩm chất truyền thống** và những **phẩm chất hiện đại** của nữ giới có mâu thuẫn với nhau trong thời đại ngày nay? Tại sao?

.....
.....
.....

Câu 6: Theo bạn, thực tế hiện nay nữ giới **cần có** những phẩm chất cơ bản nào?

.....
.....

Câu 7: Hình mẫu nữ giới lý tưởng trong thời đại ngày nay theo bạn gồm có những phẩm chất cơ bản nào?

.....
.....

Câu 8: Theo bạn, những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển các phẩm chất cơ bản của nữ giới hiện nay? Và những yếu tố đó ảnh hưởng như thế nào?

.....
.....

Câu 9: Theo bạn, bản thân nữ giới **cần làm gì** để đảm bảo và phát huy phẩm chất cơ bản của họ hiện nay?

.....
.....

Câu 10: Theo bạn: gia đình, nhà trường, xã hội cần có những hỗ trợ gì để đảm bảo và phát huy những phẩm chất cơ bản của nữ giới hiện nay?

Gia đình

.....
.....

Nhà trường

.....
.....

Xã hội

.....
.....

Xin chân thành cảm ơn các ý kiến đóng góp quý báu của các bạn

Phụ lục 2

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN

Các bạn sinh viên thân mến!

Chúng tôi đang tìm hiểu những phẩm chất nền tảng của giới nữ trong cuộc sống hiện nay. Do đó, chúng tôi gửi đến các bạn phiếu hỏi này và mong các bạn hợp tác bằng cách trả lời tất cả các câu hỏi theo ý kiến riêng của các bạn.

A. PHẦN THÔNG TIN CHUNG

Bạn là sinh viên Trường:.....

Giới tính: Nam Nữ

Có hộ khẩu thường trú tại: TP.HCM Tỉnh

B. PHẦN Ý KIẾN

1 Theo bạn, thực tế hiện nay nữ giới ĐANG CÓ những phẩm chất cơ bản nào? (Vui lòng chọn các phẩm chất bằng cách đánh dấu X vào các ô số tương ứng theo qui ước)

1.1 Đối với bản thân

(Hãy **chọn 7 phẩm chất** dưới đây mà bạn đánh giá giới nữ hiện nay có rõ rệt nhất)

- | | | | |
|---|---|---|---|
| 1. <input type="checkbox"/> Khiêm tốn | 9. <input type="checkbox"/> Quyết đoán | 17. <input type="checkbox"/> Thẳng thắn | 25. <input type="checkbox"/> Có chính kiến |
| 2. <input type="checkbox"/> Trung thực | 10. <input type="checkbox"/> Biết làm đẹp | 18. <input type="checkbox"/> Mạnh mẽ | 26. <input type="checkbox"/> Hải hước |
| 3. <input type="checkbox"/> Tự trọng | 11. <input type="checkbox"/> Vô tư | 19. <input type="checkbox"/> Tiết kiệm | 27. <input type="checkbox"/> Độc lập tài chính |
| 4. <input type="checkbox"/> Trách nhiệm | 12. <input type="checkbox"/> Kín đáo | 20. <input type="checkbox"/> Hiểu biết công nghệ | 28. <input type="checkbox"/> Tự hoàn thiện bản thân |
| 5. <input type="checkbox"/> Tự tin | 13. <input type="checkbox"/> Gọn gàng | 21. <input type="checkbox"/> Ham học hỏi | 29. <input type="checkbox"/> Chủ động |
| 6. <input type="checkbox"/> Lạc quan | 14. <input type="checkbox"/> Duyên dáng | 22. <input type="checkbox"/> Biết chăm sóc sức khỏe | 30. <input type="checkbox"/> Thích ứng tốt |
| 7. <input type="checkbox"/> Năng động | 15. <input type="checkbox"/> Từ tốn | 23. <input type="checkbox"/> Có sức cuốn hút | 31. <input type="checkbox"/> Giản dị |
| 8. <input type="checkbox"/> Dịu dàng | 16. <input type="checkbox"/> Đoan trang | 24. <input type="checkbox"/> Có mục tiêu, lý tưởng | |

1.2 Đối với gia đình

(Hãy **chọn 5 phẩm chất** dưới đây mà bạn đánh giá nữ giới hiện nay có rõ rệt nhất)

- | | | | |
|---------------------------------------|--|---|--|
| 1. <input type="checkbox"/> Vị tha | 6. <input type="checkbox"/> Chân thành | 10. <input type="checkbox"/> Trung thực | 14. <input type="checkbox"/> Lắng nghe |
| 2. <input type="checkbox"/> Tôn trọng | 7. <input type="checkbox"/> Chu đáo | 11. <input type="checkbox"/> Biết ơn | 15. <input type="checkbox"/> Giữ lời hứa |
| 3. <input type="checkbox"/> Đảm đang | 8. <input type="checkbox"/> Quan tâm giúp đỡ | 12. <input type="checkbox"/> Kính trọng | 16. <input type="checkbox"/> Ứng xử khéo léo |
| 4. <input type="checkbox"/> Hiếu thảo | 9. <input type="checkbox"/> Nhường nhịn | 13. <input type="checkbox"/> Thấu hiểu | 17. <input type="checkbox"/> Công bằng |
| 5. <input type="checkbox"/> Chia sẻ | | | |

1.3 Đối với người yêu

(Hãy **chọn 3 phẩm chất** dưới đây mà bạn đánh giá nữ giới hiện nay có rõ rệt nhất)

- | | | | |
|---|-------------------------------------|--|--|
| 1. <input type="checkbox"/> Chung thủy | 4. <input type="checkbox"/> Vị tha | 7. <input type="checkbox"/> Chân thành | 9. <input type="checkbox"/> Yêu thương |
| 2. <input type="checkbox"/> Tin tưởng | 5. <input type="checkbox"/> Độc lập | 8. <input type="checkbox"/> Thẳng thắn | 10. <input type="checkbox"/> Tôn trọng |
| 3. <input type="checkbox"/> Trách nhiệm | 6. <input type="checkbox"/> Hi sinh | | |

1.4 Đối với công việc

(Hãy **chọn 5 phẩm chất** dưới đây mà bạn đánh giá nữ giới hiện nay có rõ rệt nhất)

- | | | | |
|--|--|--|---|
| 1. <input type="checkbox"/> Siêng năng | 6. <input type="checkbox"/> Nhạy bén | 11. <input type="checkbox"/> Độc lập | 15. <input type="checkbox"/> Năng động |
| 2. <input type="checkbox"/> Kiên nhẫn | 7. <input type="checkbox"/> Cầu tiến | 12. <input type="checkbox"/> Uy tín | 16. <input type="checkbox"/> Trung thực |
| 3. <input type="checkbox"/> Tháo vát | 8. <input type="checkbox"/> Biết tổ chức | 13. <input type="checkbox"/> Chu đáo | 17. <input type="checkbox"/> Chủ động |
| 4. <input type="checkbox"/> Linh hoạt | 9. <input type="checkbox"/> Hợp tác | 14. <input type="checkbox"/> Nhiệt huyết | 18. <input type="checkbox"/> Cẩn thận |
| 5. <input type="checkbox"/> Thích nghi | 10. <input type="checkbox"/> Sáng tạo | | |

1.5 Đối với các mối quan hệ xã hội

(Hãy **chọn 3 phẩm chất** dưới đây mà bạn đánh giá nữ giới hiện nay có rõ rệt nhất)

- | | | | |
|--|---|---|---|
| 1. <input type="checkbox"/> Tôn trọng | 5. <input type="checkbox"/> Ứng xử khéo léo | 8. <input type="checkbox"/> Chia sẻ | 11. <input type="checkbox"/> Vị tha |
| 2. <input type="checkbox"/> Trung thực | 6. <input type="checkbox"/> Hòa đồng | 9. <input type="checkbox"/> Giữ lời hứa | 12. <input type="checkbox"/> Nhiệt tình |
| 3. <input type="checkbox"/> Chân thành | 7. <input type="checkbox"/> Lắng nghe | 10. <input type="checkbox"/> Quan tâm giúp đỡ | 13. <input type="checkbox"/> Chấp nhận |
| 4. <input type="checkbox"/> Nhân hậu | | | |

1.6 Đối với đất nước

(Hãy **chọn 3 phẩm chất** dưới đây mà bạn đánh giá nữ giới hiện nay có rõ rệt nhất)

- | | |
|--|--|
| 1. <input type="checkbox"/> Tự hào dân tộc | 5. <input type="checkbox"/> Ý thức pháp luật |
| 2. <input type="checkbox"/> Đoàn kết cộng đồng | 6. <input type="checkbox"/> Nhân ái |
| 3. <input type="checkbox"/> Yêu nước | 7. <input type="checkbox"/> Biết ơn các thế hệ đi trước |
| 4. <input type="checkbox"/> Trách nhiệm | 8. <input type="checkbox"/> Tích cực tham gia các hoạt động xã hội |

2. Bạn hãy đánh giá **PHẨM CHẤT NỮ GIỚI HIỆN NAY THEO Ý KIẾN CỦA BAN** (Vui lòng chọn mức độ của các phẩm chất bằng cách *khoanh tròn một con số từng dòng* theo qui ước)

- **Đánh số 5: Rất cần thiết**
- **Đánh số 4: Cần thiết**
- **Đánh số 3: Bình thường**
- **Đánh số 2: Không cần thiết**
- **Đánh số 1: Hoàn toàn không cần thiết**

ST T	PHẨM CHẤT	MỨC ĐỘ	ST T	PHẨM CHẤT	MỨC ĐỘ
I. Đối với bản thân					
1	Khiêm tốn	5 4 3 2 1	2	Trung thực	5 4 3 2 1
3	Tự trọng	5 4 3 2 1	4	Trách nhiệm	5 4 3 2 1
5	Tự tin	5 4 3 2 1	6	Lạc quan	5 4 3 2 1
7	Năng động	5 4 3 2 1	8	Địu dàng	5 4 3 2 1
9	Quyết đoán	5 4 3 2 1	10	Biết làm đẹp	5 4 3 2 1
11	Vô tư	5 4 3 2 1	12	Kín đáo	5 4 3 2 1
13	Gọn gàng	5 4 3 2 1	14	Duyên dáng	5 4 3 2 1
15	Từ tốn	5 4 3 2 1	16	Đoan trang	5 4 3 2 1
17	Giản dị	5 4 3 2 1	18	Thẳng thắn	5 4 3 2 1
19	Mạnh mẽ	5 4 3 2 1	20	Hiểu biết công nghệ	5 4 3 2 1
21	Tiết kiệm	5 4 3 2 1	22	Biết chăm sóc sức khỏe	5 4 3 2 1
23	Ham học hỏi	5 4 3 2 1	24	Có sức cuốn hút	5 4 3 2 1
25	Có mục tiêu, lý tưởng	5 4 3 2 1	26	Có chính kiến	5 4 3 2 1
27	Hài hước	5 4 3 2 1	28	Độc lập tài chính	5 4 3 2 1
29	Tự hoàn thiện bản thân	5 4 3 2 1	30	Chủ động	5 4 3 2 1
31	Thích ứng tốt	5 4 3 2 1			
II. Đối với gia đình					
1	Vị tha	5 4 3 2 1	2	Tôn trọng	5 4 3 2 1
3	Đảm đang	5 4 3 2 1	4	Hiếu thảo	5 4 3 2 1
5	Chân thành	5 4 3 2 1	6	Chu đáo	5 4 3 2 1
7	Quan tâm giúp đỡ	5 4 3 2 1	8	Nhường nhịn	5 4 3 2 1
9	Trung thực	5 4 3 2 1	10	Biết ơn	5 4 3 2 1
11	Kính trọng	5 4 3 2 1	12	Thấu hiểu	5 4 3 2 1
13	Chia sẻ	5 4 3 2 1	14	Biết lắng nghe	5 4 3 2 1
15	Biết giữ lời hứa	5 4 3 2 1	16	Ứng xử khéo léo	5 4 3 2 1
17	Công bằng	5 4 3 2 1			
III. Đối với người yêu					
1	Chung thủy	5 4 3 2 1	2	Tin tưởng	5 4 3 2 1
3	Trách nhiệm	5 4 3 2 1	4	Độc lập	5 4 3 2 1
5	Vị tha	5 4 3 2 1	6	Thẳng thắn	5 4 3 2 1
7	Chân thành	5 4 3 2 1	8	Yêu thương	5 4 3 2 1
9	Tôn trọng	5 4 3 2 1	10	Hi sinh	5 4 3 2 1
IV. Đối với công việc					

1	Siêng năng	5	4	3	2	1		2	Kiên nhẫn	5	4	3	2	1
3	Tháo vát	5	4	3	2	1		4	Linh hoạt	5	4	3	2	1
5	Thích nghi	5	4	3	2	1		6	Nhạy bén	5	4	3	2	1
7	Cầu tiến	5	4	3	2	1		8	Biết tổ chức	5	4	3	2	1
9	Hợp tác	5	4	3	2	1		10	Sáng tạo	5	4	3	2	1
11	Độc lập	5	4	3	2	1		12	Uy tín	5	4	3	2	1
13	Chu đáo	5	4	3	2	1		14	Nhiệt huyết	5	4	3	2	1
15	Năng động	5	4	3	2	1		16	Chủ động	5	4	3	2	1
17	Trung thực	5	4	3	2	1		18	Cần thận	5	4	3	2	1
V. Đối với các mối quan hệ xã hội														
1	Tôn trọng	5	4	3	2	1		2	Trung thực	5	4	3	2	1
3	Chân thành	5	4	3	2	1		4	Nhân hậu	5	4	3	2	1
5	Ứng xử khéo léo	5	4	3	2	1		6	Hòa đồng	5	4	3	2	1
7	Lắng nghe	5	4	3	2	1		8	Chia sẻ	5	4	3	2	1
9	Giữ lời hứa	5	4	3	2	1		10	Quan tâm giúp đỡ	5	4	3	2	1
11	Vị tha	5	4	3	2	1		12	Nhiệt tình	5	4	3	2	1
13	Chấp nhận	5	4	3	2	1								
VI. Đối với đất nước														
1	Tự hào dân tộc	5	4	3	2	1		2	Đoàn kết cộng đồng	5	4	3	2	1
3	Nhiệt tình với các hoạt động xã hội	5	4	3	2	1		4	Nhân ái	5	4	3	2	1
5	Biết ơn thế hệ đi trước	5	4	3	2	1		6	Yêu nước	5	4	3	2	1
7	Ý thức pháp luật	5	4	3	2	1		8	Trách nhiệm	5	4	3	2	1

3. Bạn hãy đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sau đây đến sự hình thành và phát triển các phẩm chất cơ bản nữ giới hiện nay, bằng cách khoanh tròn vào các ô số tương ứng với mỗi yếu tố theo qui ước

- **Đánh số 5: Ảnh hưởng rất nhiều** - **Đánh số 2: Ít ảnh hưởng**
- **Đánh số 4: Ảnh hưởng nhiều** - **Đánh số 1: Không ảnh hưởng**
- **Đánh số 3: Phân vân**

STT	YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG	MỨC ĐỘ
I. Xã hội		
1	Lịch sử truyền thống dân tộc	5 4 3 2 1
2	Các quy định thành văn của pháp luật, xã hội và nhà trường	5 4 3 2 1
3	Các chuẩn mực đạo đức xã hội	5 4 3 2 1
4	Tôn giáo	5 4 3 2 1
5	Sách báo dạy làm người	5 4 3 2 1
6	Hoạt động tuyên truyền thời sự văn hóa, đạo đức, lối sống trên các phương tiện truyền thông	5 4 3 2 1
7	Sự phát triển của khoa học công nghệ	5 4 3 2 1
8	Sự hội nhập kinh tế, giao lưu văn hóa	5 4 3 2 1
II. Gia đình		
1	Lịch sử truyền thống gia đình	5 4 3 2 1
2	Trình độ học vấn của cha mẹ	5 4 3 2 1
3	Nghề nghiệp của cha mẹ	5 4 3 2 1

4	Lối sống của chính cha mẹ và người trong gia đình	5	4	3	2	1
5	Những lời dạy bảo nhắc nhở từ gia đình	5	4	3	2	1
6	Điều kiện kinh tế gia đình	5	4	3	2	1
III.Nhà trường						
1	Những kiến thức học từ sách vở	5	4	3	2	1
2	Lối sống của chính thầy cô giáo	5	4	3	2	1
3	Những lời dạy bảo nhắc nhở từ thầy cô giáo	5	4	3	2	1
4	Phong cách giảng dạy của thầy cô	5	4	3	2	1
5	Kỷ luật trong nhà trường	5	4	3	2	1
6	Các hoạt động phong trào trong nhà trường	5	4	3	2	1
7	Lối sống của bạn bè trong lớp	5	4	3	2	1
IV.Bản thân						
1	Sự tự nhận thức, tự giáo dục và rèn luyện của mỗi người	5	4	3	2	1
2	Tính cách của mỗi cá nhân	5	4	3	2	1
3	Mục đích, ước mơ, lý tưởng sống của mỗi người	5	4	3	2	1
4	Những kiến thức bản thân tự học thêm từ các khóa học ngoài đời	5	4	3	2	1
5	Thần tượng ở một lĩnh vực nào đó	5	4	3	2	1

4. Dưới đây là một số mong đợi của bạn về những điều bản thân nữ giới cần làm để đảm bảo và phát huy phẩm chất cơ bản của họ hiện nay (hãy cho biết ý kiến của bạn bằng cách đánh dấu X vào mỗi giả thuyết phù hợp với bạn)

ST T	NHẬN ĐỊNH	Cần thiết	Phân vân	Không cần thiết
1	Xây dựng lập trường vững vàng			
2	Biết lắng nghe và tiếp thu để sửa đổi những gì chưa hợp lý			
3	Nhận thức được quyền và nghĩa vụ của bản thân			
4	Không ngừng hoàn thiện bản thân			
5	Biết tôn trọng những giá trị của bản thân			
6	Chủ động trang bị cho bản thân những phẩm chất từ nhiều nguồn khác nhau (sách vở, phương tiện truyền thông, báo chí, thực tế cuộc sống)			
7	Tự đặt ra những nguyên tắc sống cho bản thân			
8	Mở rộng các mối quan hệ xã hội và tham gia các hoạt động, phong trào xã hội			

5. Bảng đánh giá những hỗ trợ từ gia đình, nhà trường, xã hội để đảm bảo và phát huy những phẩm chất cơ bản của nữ giới hiện nay (hãy cho biết ý kiến của bạn bằng cách đánh dấu X vào mỗi giả thuyết phù hợp với bạn)

S T T	NHẬN ĐỊNH	Cần thiết	Phân vân	Không cần thiết
I.Gia đình				
1	Dạy dỗ chỉ bảo các phẩm chất cơ bản nữ giới ngay từ nhỏ			
2	Là những tấm gương sáng cho con noi theo			
3	Tạo ra một môi trường sống lành mạnh			
4	Ủng hộ, động viên và khích lệ khi con khi làm đúng, tránh gây áp lực trong việc hướng dẫn con những phẩm chất nữ giới cơ bản			

5	Tôn trọng sự phát triển tự nhiên của trẻ			
6	Bình đẳng giới			
7	Có sự phối hợp chặt chẽ với thôn xóm, nhà trường để có sự thống nhất trong việc giáo dục những phẩm chất cho trẻ			
8	Tạo điều kiện trẻ phát huy những phẩm chất nữ giới trong gia đình			
II.Nhà trường				
1	Giáo dục một cách toàn diện tài và đức			
2	Cán bộ và giáo viên trong trường là những tấm gương sáng để trẻ noi theo			
3	Đưa các kiến thức về phẩm chất nữ giới như một môn học chính khóa vào giảng dạy trong nhà trường nhằm trang bị cho học sinh nữ những hiểu biết cơ bản về phẩm chất nữ giới			
4	Tổ chức nhiều chương trình hoạt động dưới dạng chuyên đề, kỹ năng, cuộc thi về phẩm chất nữ giới			
5	Xây dựng khung kỷ luật cho học sinh			
6	Xây dựng và khen thưởng những tấm gương học sinh về những phẩm chất tích cực để trẻ noi theo			
7	Phát hành những tập san, tờ bướm màu sắc, hình thù sinh động các kiến thức cơ bản về phẩm chất nữ giới phát cho học sinh			
8	Xây dựng câu lạc bộ dành riêng cho nữ giới để hỗ trợ cho các bạn các kiến thức liên quan đến nữ giới			
9	Bình đẳng giới			
10	Có sự phối hợp với gia đình và xã hội trong việc hỗ trợ trẻ hình thành phẩm chất nữ giới			
III.Xã hội				
1	Các chính sách, quy định văn bản pháp luật rõ ràng về hỗ trợ nữ giới			
2	Xóa bỏ định kiến về giới			
3	Mở rộng môi trường làm việc cho nữ giới để họ thể hiện và khẳng định mình			
4	Phát hành nhiều sách báo, phim ảnh về phẩm chất nữ giới			
5	Có những chế độ đãi ngộ khuyến khích và khen thưởng nữ giới			
6	Xây dựng những tấm gương nữ có những phẩm chất tích cực để phụ nữ noi theo			
7	Có sự phối hợp giữa gia đình nhà trường và xã hội để giáo dục phẩm chất nữ giới			
8	Xây dựng nhiều câu lạc bộ hỗ trợ nữ giới			

6. Dưới đây là một số giả thuyết về thực trạng phẩm chất căn bản của nữ giới ngày nay(Hãy cho biết ý kiến của bạn bằng cách **đánh dấu X vào 1 giả thuyết phù hợp với bạn nhất)**

STT	NHẬN ĐỊNH	Đồng ý
1	Những phẩm chất truyền thống chiếm lĩnh	
2	Những phẩm chất hiện đại chiếm lĩnh	
3	Có nhiều biểu hiện tiêu cực	
4	Những phẩm chất có sự kế thừa và bổ sung hợp lý	
5	Phân vân	

Phụ lục 3

**BẢNG PHỎNG VẤN SÂU ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN MỘT
SỞ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VỀ
PHẨM CHẤT CƠ BẢN NỮ GIỚI**

1. Kết quả khảo sát cho thấy đối với bản thân sinh viên chọn “Biết làm đẹp” là phẩm chất đang có của nữ giới chiếm tỷ lệ cao nhất. Theo bạn, tại sao lại như vậy?

.....
.....

2. Kết quả khảo sát cho thấy trong gia đình sinh viên chọn “Hiếu thảo” là phẩm chất đang có của nữ giới chiếm tỷ lệ cao nhất. Theo bạn, tại sao lại như vậy?

.....
.....

3. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên chọn “Hiếu thảo” là phẩm chất đang có cao nhất của nữ giới và mức độ cần thiết của nó cũng cao nhất. Bạn nghĩ sao về điều này?

.....
.....

4. Kết quả khảo sát cho thấy 3 phẩm chất đang có trong tình yêu của nữ giới được sinh viên lựa chọn với tỷ lệ cao nhất là: “Độc lập” kế đến là “Yêu thương” và cuối cùng “Thẳng thắn”. Bạn nghĩ sao về điều này?

.....
.....

5. Kết quả khảo sát cho thấy trong mối quan hệ với đất nước sinh viên chọn “Ý thức pháp luật” là phẩm chất đang có chiếm tỷ lệ cao nhất trong nhóm. Bạn lý giải sao về điều này?

.....
.....

6. Kết quả khảo sát cho thấy trong tình yêu sinh viên chọn “Yêu thương” có mức độ cần thiết cao nhất. Theo bạn, tại sao lại như vậy?

.....

.....
7. Kết quả khảo sát cho thấy trong quan hệ xã hội sinh viên chọn “Ứng xử khéo léo” là phẩm chất đang có cao nhất của nữ giới và mức độ cần thiết của nó cũng cao nhất. Bạn lý giải sao về điều này?
.....
.....

8. Nhận định “Chủ động trang bị cho bản thân những phẩm chất từ nhiều nguồn khác nhau (sách vở, phương tiện truyền thông, báo chí, thực tế cuộc sống)” cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa xét theo giới tính trong mong đợi của sinh viên về những điều nữ giới cần làm. Theo bạn, đâu là yếu tố tạo nên sự khác biệt?
.....
.....

9. Kết quả khảo sát mong đợi của sinh viên về điều nữ giới làm để giữ gìn và phát triển phẩm chất cơ bản nữ giới cho thấy nhận định “ Xây dựng lập trường vững vàng” chiếm tỷ lệ cao nhất trong nhóm. Theo bạn, tại sao lại như vậy?
.....
.....

10. Nhận định “Xây dựng lập trường vững vàng” cho thấy có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê trong mong đợi của các bạn sinh viên 2 khu vực cư trú thành phố và tỉnh về những điều nữ giới cần làm. Theo bạn, đâu là yếu tố tạo nên sự khác biệt?
.....
.....

11. Kết quả khảo sát về sự ảnh hưởng của yếu tố nhà trường thì nhận định “Các hoạt động phong trào trong nhà trường” có sức ảnh hưởng thấp nhất đến sự hình thành và phát triển phẩm chất nữ giới. Bạn lý giải sao về điều này?
.....
.....

12. Kết quả khảo sát về sự hỗ trợ từ yếu tố gia đình thì nhận định “Dạy dỗ chỉ bảo các phẩm chất cơ bản nữ giới ngay từ nhỏ” chiếm tỷ lệ cao nhất. Bạn lý giải sao

về điều này?

.....
.....

13. Kết quả khảo sát về hỗ trợ từ xã hội thì nhận định “Mở rộng môi trường làm việc cho nữ giới để họ thể hiện và khẳng định mình” chiếm tỷ lệ cao nhất. Bạn lý giải sao về điều này?

.....
.....